

**ĐÍNH KÈM THEO HỒ SƠ MỜI THẦU**  
**Gói thầu: Gói 02: Vật tư y tế thông thường 2026-2027**

**Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**  
**Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

**Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

**1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu:**

| STT | NỘI DUNG                        |                                                                                                                            |
|-----|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Dự toán mua sắm                 | <b>Gói 02: Vật tư y tế thông thường 2026-2027</b>                                                                          |
| 2   | Tổng dự toán (VND):             | 501.127.028.410 VND<br>(Năm trăm lẻ một tỷ, một trăm hai mươi bảy triệu, không trăm hai mươi tám ngàn, bốn trăm mười đồng) |
| 3   | Nguồn vốn:                      | Nguồn thu viện phí và các nguồn thu hợp pháp khác của bệnh viện                                                            |
| 4   | Chủ đầu tư:                     | Bệnh viện Nhân dân 115                                                                                                     |
| 5   | Địa chỉ Chủ đầu tư:             | Số 527 đường Sur Vạn Hạnh, Phường Hòa Hưng, TP. Hồ Chí Minh                                                                |
| 6   | Tên gói thầu:                   | <b>Gói 02: Vật tư y tế thông thường 2026-2027</b>                                                                          |
| 7   | Giá gói thầu (VND):             | 501.127.028.410 VND<br>(Năm trăm lẻ một tỷ, một trăm hai mươi bảy triệu, không trăm hai mươi tám ngàn, bốn trăm mười đồng) |
| 8   | Hình thức LCNT:                 | Đấu thầu rộng rãi                                                                                                          |
| 9   | Phương thức LCNT:               | Một giai đoạn một túi hồ sơ                                                                                                |
| 10  | Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT: | Quý I năm 2026                                                                                                             |
| 11  | Loại hợp đồng:                  | Theo đơn giá cố định                                                                                                       |
| 12  | Thời gian thực hiện gói thầu:   | <b>730 ngày</b> tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực                                                                          |
| 13  | Quy mô gói thầu:                | Danh mục hàng hóa gồm 710 phần lô, 722 hạng mục (mặt hàng).                                                                |
| 14  | Tùy chọn mua thêm:              | Áp dụng                                                                                                                    |

## 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật:

### A. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CHUNG

| ST<br>T | Tiêu chí                                       | Nội dung và các tiêu chuẩn yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|         |                                                | Nội dung và các tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Yêu cầu về tài liệu nộp:<br>Tất cả file tài liệu nộp là bản scan                                                                                                                                                                                                                |
| 1       | Phạm vi cung cấp                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>Có đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất.</li> </ul> <p><b>Ghi chú:</b><br/>Nhà thầu kê khai các thông tin bổ sung của hàng hóa dự thầu theo các quy định của pháp luật chuyên ngành về quản lý TBYT hoặc các hàng hóa khác tại <b>Bảng thông tin hàng hoá dự thầu</b>. (Tham khảo mẫu đính kèm tại trang 138 Chương V)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Mẫu số 10B (webform);</li> </ul> <p><b>Ghi chú:</b> Bảng thông tin hàng hoá dự thầu: nộp file excel.</p>                                                                                                                                 |
| 2       | Tài liệu chứng minh đủ điều kiện lưu hành TBYT | <p>2.1. Nhà thầu nộp tài liệu số lưu hành TBYT còn hiệu lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông tin (hoặc Phiếu tiếp nhận) hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của thiết bị y tế thuộc loại A, B; hoặc</li> <li>Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành thiết bị y tế thuộc loại B, C, D;</li> </ul> <p>2.2. Nhà thầu cam kết đầy đủ các nội dung sau đây về điều kiện lưu hành TBYT dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Có nhãn với đầy đủ các thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật về nhãn hàng hóa;</li> <li>Có tài liệu hướng dẫn sử dụng của TBYT bằng tiếng Việt;</li> <li>Có tài liệu thể hiện là TBYT sử dụng một lần theo quy định của chủ sở hữu TBYT hoặc có tài liệu chứng minh không có chế độ bảo hành;</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các tài liệu về số lưu hành phải được công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Y Tế (<a href="https://imda.moh.gov.vn">https://imda.moh.gov.vn</a>) còn hiệu lực và không bị thu hồi.</li> <li>Bản cam kết: Nộp bản gốc.</li> </ul> |

| ST<br>T     | Tiêu chí     | Nội dung và các tiêu chuẩn yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                     |            |             |     |              |                     |     |              |                          |     |              |                           |     |              |                       |     |              |                     |     |              |                     |     |              |                       |     |              |                              |     |              |                              |     |              |          |  |
|-------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------|-------------|-----|--------------|---------------------|-----|--------------|--------------------------|-----|--------------|---------------------------|-----|--------------|-----------------------|-----|--------------|---------------------|-----|--------------|---------------------|-----|--------------|-----------------------|-----|--------------|------------------------------|-----|--------------|------------------------------|-----|--------------|----------|--|
|             |              | Nội dung và các tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Yêu cầu về tài liệu nộp:<br>Tất cả file tài liệu nộp là<br>bản scan |            |             |     |              |                     |     |              |                          |     |              |                           |     |              |                       |     |              |                     |     |              |                     |     |              |                       |     |              |                              |     |              |                              |     |              |          |  |
|             |              | <p><b>* Ghi chú:</b> Không áp dụng yêu cầu 2.1 đối với các hạng mục (mặt hàng) có STT phần lô, Mã phần lô:</p> <table><tr><th>STT phần lô</th><th>Mã phần lô</th><th>Tên phần lô</th></tr><tr><td>609</td><td>PP2600038031</td><td>Bóng đèn hồng ngoại</td></tr><tr><td>610</td><td>PP2600038032</td><td>Bóng đèn halogen 24V-50W</td></tr><tr><td>611</td><td>PP2600038033</td><td>Bóng đèn halogen 24V-150W</td></tr><tr><td>612</td><td>PP2600038034</td><td>Bóng đèn nội khí quản</td></tr><tr><td>613</td><td>PP2600038035</td><td>Bóng đèn xenon 300W</td></tr><tr><td>615</td><td>PP2600038037</td><td>Bàn chải phẫu thuật</td></tr><tr><td>659</td><td>PP2600038081</td><td>Giấy lau kính hiển vi</td></tr><tr><td>661</td><td>PP2600038083</td><td>Hộp đựng vật sắc nhọn cỡ lớn</td></tr><tr><td>662</td><td>PP2600038084</td><td>Hộp đựng vật sắc nhọn cỡ nhỏ</td></tr><tr><td>678</td><td>PP2600038100</td><td>Nút nhôm</td></tr></table> | STT phần lô                                                         | Mã phần lô | Tên phần lô | 609 | PP2600038031 | Bóng đèn hồng ngoại | 610 | PP2600038032 | Bóng đèn halogen 24V-50W | 611 | PP2600038033 | Bóng đèn halogen 24V-150W | 612 | PP2600038034 | Bóng đèn nội khí quản | 613 | PP2600038035 | Bóng đèn xenon 300W | 615 | PP2600038037 | Bàn chải phẫu thuật | 659 | PP2600038081 | Giấy lau kính hiển vi | 661 | PP2600038083 | Hộp đựng vật sắc nhọn cỡ lớn | 662 | PP2600038084 | Hộp đựng vật sắc nhọn cỡ nhỏ | 678 | PP2600038100 | Nút nhôm |  |
| STT phần lô | Mã phần lô   | Tên phần lô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                     |            |             |     |              |                     |     |              |                          |     |              |                           |     |              |                       |     |              |                     |     |              |                     |     |              |                       |     |              |                              |     |              |                              |     |              |          |  |
| 609         | PP2600038031 | Bóng đèn hồng ngoại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                     |            |             |     |              |                     |     |              |                          |     |              |                           |     |              |                       |     |              |                     |     |              |                     |     |              |                       |     |              |                              |     |              |                              |     |              |          |  |
| 610         | PP2600038032 | Bóng đèn halogen 24V-50W                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                     |            |             |     |              |                     |     |              |                          |     |              |                           |     |              |                       |     |              |                     |     |              |                     |     |              |                       |     |              |                              |     |              |                              |     |              |          |  |
| 611         | PP2600038033 | Bóng đèn halogen 24V-150W                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                     |            |             |     |              |                     |     |              |                          |     |              |                           |     |              |                       |     |              |                     |     |              |                     |     |              |                       |     |              |                              |     |              |                              |     |              |          |  |
| 612         | PP2600038034 | Bóng đèn nội khí quản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                     |            |             |     |              |                     |     |              |                          |     |              |                           |     |              |                       |     |              |                     |     |              |                     |     |              |                       |     |              |                              |     |              |                              |     |              |          |  |
| 613         | PP2600038035 | Bóng đèn xenon 300W                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                     |            |             |     |              |                     |     |              |                          |     |              |                           |     |              |                       |     |              |                     |     |              |                     |     |              |                       |     |              |                              |     |              |                              |     |              |          |  |
| 615         | PP2600038037 | Bàn chải phẫu thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                     |            |             |     |              |                     |     |              |                          |     |              |                           |     |              |                       |     |              |                     |     |              |                     |     |              |                       |     |              |                              |     |              |                              |     |              |          |  |
| 659         | PP2600038081 | Giấy lau kính hiển vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                     |            |             |     |              |                     |     |              |                          |     |              |                           |     |              |                       |     |              |                     |     |              |                     |     |              |                       |     |              |                              |     |              |                              |     |              |          |  |
| 661         | PP2600038083 | Hộp đựng vật sắc nhọn cỡ lớn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                     |            |             |     |              |                     |     |              |                          |     |              |                           |     |              |                       |     |              |                     |     |              |                     |     |              |                       |     |              |                              |     |              |                              |     |              |          |  |
| 662         | PP2600038084 | Hộp đựng vật sắc nhọn cỡ nhỏ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                     |            |             |     |              |                     |     |              |                          |     |              |                           |     |              |                       |     |              |                     |     |              |                     |     |              |                       |     |              |                              |     |              |                              |     |              |          |  |
| 678         | PP2600038100 | Nút nhôm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                     |            |             |     |              |                     |     |              |                          |     |              |                           |     |              |                       |     |              |                     |     |              |                     |     |              |                       |     |              |                              |     |              |                              |     |              |          |  |

| ST<br>T | Tiêu chí                                                                                    | Nội dung và các tiêu chuẩn yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                           |
|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|         |                                                                                             | Nội dung và các tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Yêu cầu về tài liệu nộp:<br>Tất cả file tài liệu nộp là bản scan                                                                                          |
| 3       | Thông tin (hoặc Phiếu tiếp nhận) hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán TBYT thuộc loại B, C, D | Nhà thầu dự thầu TBYT thuộc loại B, C, D phải nộp tài liệu: Thông tin (hoặc Phiếu tiếp nhận) hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán TBYT thuộc loại B, C, D.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Số công bố được công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Y tế ( <a href="https://imda.moh.gov.vn">https://imda.moh.gov.vn</a> ) và không bị thu hồi. |
| 4       | Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa                     | Nhà thầu có cam kết tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý, hiệu quả kinh tế, phù hợp với quy mô gói thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bản cam kết: Nộp bản gốc.                                                                                                                                 |
| 5       | Tiến độ cung cấp hàng hóa                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu phải có tiến độ cung cấp hàng hóa (Mẫu số 10A) phù hợp với yêu cầu của Mẫu số 01B. Phạm vi cung cấp hàng hóa;</li> <li>- Nhà thầu phải cam kết đầy đủ các nội dung sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giao hàng gồm nhiều đợt theo yêu cầu của Bệnh viện;</li> <li>+ Giao hàng trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bệnh viện Nhân dân 115.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bản cam kết: Nộp bản gốc.                                                                                                                                 |
| 6       | Cam kết các điều khoản chung                                                                | <p>Nhà thầu phải cam kết đầy đủ các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi cơ quan Bảo hiểm xã hội thông báo về việc hàng hóa trúng thầu có giá trúng thầu cao hơn hàng hoá có cùng chủng loại, hãng sản xuất, nước sản xuất,... của các cơ sở khám chữa bệnh khác và cơ quan Bảo hiểm xã hội từ chối thanh toán phần chênh lệch giá tương ứng với số lượng hàng hóa đã sử dụng trước đó, thì Nhà thầu sẽ giảm giá cho Bệnh viện bằng với giá trúng thầu của cơ sở khám chữa bệnh đó, đồng thời Nhà thầu có trách nhiệm bồi hoàn số tiền chênh lệch theo văn bản của cơ quan Bảo hiểm xã hội gửi Bệnh viện trên cơ sở thương thảo thống nhất giữa nhà thầu và Bệnh viện; hoặc thị trường có sự điều chỉnh giảm thì Nhà thầu giảm giá cho Bệnh viện;</li> </ul> | Bản cam kết: Nộp bản gốc.                                                                                                                                 |

| ST<br>T | Tiêu chí | Nội dung và các tiêu chuẩn yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                        |
|---------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
|         |          | Nội dung và các tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Yêu cầu về tài liệu<br>nộp:<br>Tất cả file tài liệu nộp<br>là bản scan |
|         |          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại thời điểm đối chiếu tài liệu, cam kết cung cấp, cập nhật mã vật tư y tế theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 hoặc theo Quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021;</li> <li>- Cam kết cung cấp bản gốc hoặc bản sao y tờ khai hải quan của các hàng hóa nhập khẩu đã cung ứng cho Bệnh viện khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bệnh viện (trường hợp yêu cầu này được đưa ra từ cơ quan chức năng có thẩm quyền);</li> <li>- Hàng hóa do nhà thầu cung cấp, đảm bảo đúng với các thông tin sản phẩm đã được phê duyệt trúng thầu, đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, quy cách hàng hoá và giao hàng đến kho của Bệnh viện Nhân dân 115;</li> <li>- Hàng hóa do nhà thầu cung cấp, nếu bị lỗi do nhà sản xuất hoặc hết thời hạn sử dụng hoặc bị lỗi trong quá trình vận chuyển đến kho Bệnh viện Nhân dân 115, nhà thầu sẽ tiến hành thu hồi và đổi trả, hoặc thực hiện thay thế lô sản phẩm khi không đảm bảo sử dụng do lỗi kỹ thuật;</li> <li>- Thời hạn sử dụng hàng hóa trúng thầu do nhà thầu cung cấp (tính từ thời điểm giao hàng hóa) luôn đảm bảo còn tối thiểu <math>\frac{1}{4}</math> thời hạn;</li> <li>- Cung cấp một bộ Hồ sơ quản lý chất lượng TBYT khi có yêu cầu của Bệnh viện;</li> <li>- Các thiết bị y tế dự thầu thực hiện niêm yết giá và kê khai giá theo đúng các quy định tại khoản 9 và 10 của Nghị định 07/2023/NĐ-CP;</li> <li>- Không vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (nếu có) tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu;</li> </ul> |                                                                        |

| ST<br>T | Tiêu chí | Nội dung và các tiêu chuẩn yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                  |
|---------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
|         |          | Nội dung và các tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Yêu cầu về tài liệu nộp:<br>Tất cả file tài liệu nộp là bản scan |
|         |          | <p>- Đảm bảo TBYT dự thầu an toàn, chất lượng, phân loại đúng mức độ rủi ro và công bố tiêu chuẩn áp dụng, đăng ký lưu hành đúng quy định của Nghị định 98/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hợp nhất của Nghị định.</p> <p>- Đối với các vật tư y tế dùng trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình và phẫu thuật ngoại thần kinh, nhà thầu cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ (gồm khoan, mũi khoan, cưa xương và các trợ cụ phù hợp); đối với các vật tư y tế dùng trong kỹ thuật chụp và can thiệp mạch vành, mạch máu – thần kinh; và đối với các vật tư y tế khác, nhà thầu cam kết cung cấp thiết bị y tế và trợ cụ liên quan nhằm bảo đảm việc sử dụng hàng hóa trúng thầu phục vụ cho các ca phẫu thuật, thủ thuật theo nhu cầu chuyên môn của Bệnh viện khi có yêu cầu. Tất cả các thiết bị, trợ cụ nêu trên bảo đảm nguồn gốc xuất xứ, tiêu chuẩn chất lượng và được phép lưu hành theo đúng quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hợp nhất có liên quan.</p> |                                                                  |

**\* Lưu ý:**

- Thông tin về hàng hóa dự thầu: kê khai thống nhất giữa Webform (mẫu số 10B) và Bảng thông tin hàng hóa dự thầu; khi có bất kỳ khác biệt nào thì thông tin kê khai trên Webform sẽ là cơ sở đánh giá; trường hợp Nhà thầu không kê khai hoặc kê khai chưa đầy đủ, chính xác Bảng thông tin hàng hóa dự thầu thì Chủ đầu tư sẽ yêu cầu Nhà thầu làm rõ E-HSMT.
- Chung loại, ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất: kê khai cụ thể, chi tiết, đầy đủ theo đúng thông tin trên Sổ lưu hành (Chi tiết theo mục 15.8 chương I. Chỉ dẫn nhà thầu và Bảng tiến độ cung cấp (Mẫu số 10B) E-HSMT).
- Bảng thông tin hàng hóa dự thầu: Tham khảo theo mẫu đính kèm.
- Bản cam kết: nộp bản gốc có đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu; hoặc nộp bản gốc của văn bản ký số có thể kiểm tra được chữ ký số, dấu điện tử (nếu có), theo quy định Nghị định 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025). Nhà thầu tham khảo Mẫu số 21.

## B. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỤ THỂ

Các yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT được viết bằng tiếng Việt. Trường hợp các tài liệu hỗ trợ trong E-HSDT (catalog, brochure, ...) để chứng minh đáp ứng kỹ thuật (bản gốc chưa dịch thuật) được viết bằng ngôn ngữ khác tiếng Việt, giữa bản gốc và bản dịch có sự sai khác về nội dung thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Chấp nhận các thông số kỹ thuật dùng dấu chấm (.) thay cho dấu phẩy (,) ngăn cách giữa số nguyên và số thập phân; Inch, số nhiều là inches; ký hiệu hoặc viết tắt là in, đôi khi là " ( dấu phẩy trên kép).

### **\*\*Lưu ý:**

Trường hợp E-HSMT yêu cầu kích thước “trong phạm vi từ ... đến ...”: Các ký mã hiệu dự thầu chỉ cần thuộc phạm vi của thông số kỹ thuật yêu cầu, không yêu cầu phải bắt buộc có đủ kích thước cận trên và cận dưới. Ví dụ: E-HSMT yêu cầu kích thước “trong phạm vi từ 1cm đến 5cm”, nhà thầu dự thầu dự thầu các kích thước sau đây sẽ đáp ứng yêu cầu (2, 3, 4)cm hoặc (1, 3, 5)cm hoặc (2, 3, 4, 5)cm hoặc (1; 1,5; 2; 3)cm hoặc....

Trường hợp E-HSMT yêu cầu “kích thước từ... đến...” (không có chữ “trong phạm vi”) thì các mã sản phẩm dự thầu phải có đúng và đầy đủ kích thước của cả cận trên và cận dưới thì mới được đánh giá đáp ứng yêu cầu. Ví dụ: E-HSMT yêu cầu kích thước “kích thước từ 1cm đến 5cm” thì bắt buộc phải có kích thước cận dưới là 1cm và cận trên là 5cm, các kích thước còn lại nằm trong phạm vi 1cm đến 5cm, trường hợp mẫu cụ thể các kích thước sau đây sẽ đáp ứng yêu cầu: (1, 2, 3, 4, 5)cm hoặc (1, 3, 5)cm hoặc (1; 1,5; 2,5 ; 3,5; 4,5; 5)cm, hoặc (1, 5)cm ; các kích thước sau đây được đánh giá không đáp ứng yêu cầu: (2, 3, 4, 5)cm, (1, 2, 3, 4)cm, (2, 3, 4)cm, (2,5; 3,5; 4)cm,...

Trường hợp E-HSMT có yêu cầu kích thước nhưng kèm dung sai ( $\pm$ ) thì nhà thầu lưu ý quy đổi đảm bảo đáp ứng trong phạm vi dung sai cho phép. Ví dụ: E-HSMT yêu cầu kích thước (10cm x 10cm) ( $\pm$  1cm) nhà thầu có thể dự kích thước 9cm hoặc 11cm theo dung sai cho phép.

### **B1. Tài liệu kỹ thuật:**

Nhà thầu nộp catalog, hoặc các tài liệu kỹ thuật khác có giá trị tương đương. Trường hợp tài liệu kỹ thuật không thể hiện hoặc thể hiện chưa đầy đủ các tính năng kỹ thuật E-HSMT yêu cầu, nhà thầu có thể cung cấp thêm hình ảnh của sản phẩm, bao bì sản phẩm hoặc các hình ảnh khác của sản phẩm dự thầu. Tất cả file tài liệu nộp là bản scan màu. Trường hợp tài liệu không bằng tiếng Việt: nộp kèm bản dịch sang tiếng Việt.

Ký mã hiệu dự thầu đáp ứng đúng và đủ (không thừa, không thiếu) các yêu cầu về tính năng kỹ thuật cụ thể của hàng hóa mời thầu được nêu tại mục B2. Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật\_Chương V. Trường hợp có bất kỳ ký mã hiệu nào không đáp ứng tiêu chí chi tiết trong tiêu chí kỹ thuật yêu cầu của hạng mục thì hạng mục đó được đánh giá là không đáp ứng và toàn bộ phần lô dự thầu đó không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.

Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện tài liệu cung cấp trong E-HSDT không phải là tài liệu nguyên vẹn, tài liệu có dấu hiệu được cắt ghép, chỉnh sửa và có các thông tin kỹ thuật và các tiêu chuẩn khác biệt với thông tin trong các tài liệu lưu hành được công bố, công khai theo quy định hoặc có sự khác biệt so với thông tin chính thống từ nhà sản xuất/chủ sở hữu công bố (website hoặc các kênh thông tin chính thức) nhằm mục đích đáp ứng tiêu chuẩn yêu cầu của E-HSMT mà không có văn bản giải trình về sự khác biệt kèm tài liệu minh chứng của

nhà sản xuất/chủ sở hữu thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét đánh giá và Chủ đầu tư tiến hành các bước tiếp theo để xem xét xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

Đối với nội dung yêu cầu Tiêu chuẩn sản xuất, chứng nhận chất lượng như CE, CFG, FDA,... tại mục B2. Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật\_Chương V: Nhà thầu nộp bản gốc hoặc bản chụp có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu; nếu tài liệu do nước ngoài cấp thì nộp kèm bản dịch sang tiếng Việt, nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch.

Đối với nội dung yêu cầu “Xuất xứ” nêu tại mục B2. Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật\_Chương V: thông tin đề xuất của Nhà thầu về “Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)” tại Mẫu số 10B và các tài liệu kỹ thuật khác phù hợp yêu cầu sẽ được đánh giá là “đáp ứng”.



## B2. Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa       | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                    |
|-----|------------------|-----------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | PP2600<br>037423 | Bông gòn viên                           | Kg          | - Kích thước: Đường kính từ 2cm đến 3cm.<br>- Chất liệu: 100% bông xơ tự nhiên.<br>- Đặc tính: Màu trắng. Bông y tế thấm nước.<br>- Đóng gói: 1 Kg/gói.<br>- Yêu cầu khác: Đóng gói hút chân không.                           |
| 2   | PP2600<br>037424 | Băng bột bó 10cm x 2,7m                 | Cuộn        | - Kích thước: 10cm ( $\pm 1$ cm) x 2,7m ( $\pm 0,1$ m).<br>- Chất liệu: Vải nền bằng sợi cotton có thạch cao.<br>- Đặc tính: Thời gian đóng rắn không quá 8 phút.<br>- Đóng gói: Mỗi cuộn được bọc kín trong bao bì chống ẩm. |
| 3   | PP2600<br>037425 | Băng bột bó 15cm x 2,7m                 | Cuộn        | - Kích thước: 15cm ( $\pm 1$ cm) x 2,7m ( $\pm 0,1$ m).<br>- Chất liệu: Vải nền bằng sợi cotton có thạch cao.<br>- Đặc tính: Thời gian đóng rắn không quá 8 phút.<br>- Đóng gói: 1 cuộn/gói.                                  |
| 4   | PP2600<br>037426 | Bông bó bột 0,1m x 2m                   | Cuộn        | - Kích thước: 0,1m x 2m ( $\pm 0,1$ m).<br>- Chất liệu: 100% sợi bông tự nhiên.<br>- Đóng gói: 1 cuộn/gói.                                                                                                                    |
| 5   | PP2600<br>037427 | Bông bó bột 0,15m x 2m                  | Cuộn        | - Kích thước: 0,15m x 2m ( $\pm 0,1$ m).<br>- Chất liệu: 100% sợi bông tự nhiên.<br>- Đóng gói: 1 cuộn/gói.                                                                                                                   |
| 6   | PP2600<br>037428 | Băng thun 3 móc                         | Cuộn        | - Kích thước: Chiều rộng: 10cm ( $\pm 1$ cm), chiều dài không kéo giãn: 180cm - 220cm.<br>- Chất liệu: Sợi polyester spandex và sợi cotton, 3 móc.<br>- Đóng gói: 1 cuộn/gói.                                                 |
| 7   | PP2600<br>037429 | Băng thun có keo cố định khớp           | Cuộn        | - Kích thước: 8cm ( $\pm 1$ cm) x 4,5m ( $\pm 0,1$ m).<br>- Chất liệu: Băng thun cotton 100%, co giãn tối thiểu 90%.                                                                                                          |
| 8   | PP2600<br>037430 | Băng cuộn                               | Cuộn        | - Kích thước: 9cm ( $\pm 1$ cm) x 2,5m ( $\pm 0,1$ m).<br>- Chất liệu: 100% sợi cotton.                                                                                                                                       |
| 9   | PP2600<br>037431 | Băng keo cá nhân                        | Cái         | - Kích thước: Dài 70mm ( $\pm 2$ mm), rộng 20mm ( $\pm 2$ mm).                                                                                                                                                                |
| 10  | PP2600<br>037432 | Băng keo cố định trong suốt 10cm x 12cm | Miếng       | - Kích thước: (10cm x 12cm) $\pm 5\%$ .<br>- Chất liệu: Màng Polyurethane khoảng 8-15%, trong suốt, bán thấm.                                                                                                                 |
| 11  | PP2600<br>037433 | Băng keo cố định trong suốt 60mm x 70mm | Miếng       | - Kích thước: (6cm x 7cm) $\pm 5\%$ .<br>- Chất liệu: Màng Polyurethane khoảng 8-15%, trong suốt, bán thấm.                                                                                                                   |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                           | Đơn vị tính          | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12  | PP2600<br>037434 | Băng keo có gạc vô trùng<br>60mm x 70mm                     | Miếng                | - Kích thước: (60mm x 70mm) $\pm 10\%$ .<br>- Đóng gói: Vô trùng, đóng gói từng miếng.                                                                    |
| 13  | PP2600<br>037435 | Băng keo có gạc vô trùng<br>90mm x 100mm                    | Miếng                | - Kích thước: (90mm x 100mm) $\pm 10\%$ .<br>- Đóng gói: Vô trùng, đóng gói từng miếng.                                                                   |
| 14  | PP2600<br>037436 | Băng keo có gạc vô trùng<br>90mm x 100mm không<br>thấm nước | Miếng                | - Kích thước: (90mm x 100mm) $\pm 10\%$ .<br>- Đặc tính: Có lớp màng trong suốt chống thấm nước, kháng khuẩn.                                             |
| 15  | PP2600<br>037437 | Băng keo có gạc vô trùng<br>90mm x 150mm                    | Miếng                | - Kích thước: (90mm x 150mm) $\pm 10\%$ .<br>- Đóng gói: Vô trùng, đóng gói từng miếng.                                                                   |
| 16  | PP2600<br>037438 | Băng keo có gạc vô trùng<br>90mm x 150mm không<br>thấm nước | Miếng                | - Kích thước: (90mm x 150mm) $\pm 10\%$ .<br>- Đặc tính: Có lớp màng trong suốt chống thấm nước, kháng khuẩn.                                             |
| 17  | PP2600<br>037439 | Băng keo cuộn co giãn<br>10cm x 10m                         | Cuộn                 | - Kích thước: (10cm x 10m) $\pm 10\%$ .                                                                                                                   |
| 18  | PP2600<br>037440 | Băng keo giấy                                               | Cuộn                 | - Kích thước: (2,5cm x 9m) $\pm 05\%$ .                                                                                                                   |
| 19  | PP2600<br>037441 | Băng keo lụa 2,5cm x 5m                                     | Cuộn                 | - Kích thước: (2,5cm x 5m) $\pm 05\%$ .<br>- Chất liệu: Phần nền bằng vải lụa, bên trong có lớp keo.<br>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.                       |
| 20  | PP2600<br>037442 | Gạc cuộn tiết trùng 10cm<br>x 10cm x 16 lớp                 | Cuộn                 | - Kích thước: (10cm x 10cm) $\pm 10\%$ x 16 lớp.<br>- Đóng gói: Vô trùng.                                                                                 |
| 21  | PP2600<br>037443 | Gạc dẫn lưu 0,75cm x<br>200cm x 4 lớp, vô trùng             | Cuộn                 | - Kích thước: (0,75cm x 200cm) $\pm 10\%$ x 4 lớp.<br>- Chất liệu: Gạc không dệt hút nước.<br>- Đóng gói: 1 cuộn/gói. Vô trùng.                           |
| 22  | PP2600<br>037444 | Gạc ép sọ não 1cm x 8cm<br>x 4 lớp, cản quang vô<br>trùng   | Gói/<br>20<br>miếng  | - Kích thước: (1cm x 8cm) $\pm 10\%$ x 4 lớp.<br>- Chất liệu: 100% Rayon/polyester.<br>- Đặc tính: Không mùi.<br>- Đóng gói: 20 miếng/gói. Vô trùng.      |
| 23  | PP2600<br>037445 | Gạc ép sọ não 2cm x 8cm<br>x 4 lớp, cản quang vô<br>trùng   | Gói/<br>20<br>miếng  | - Kích thước: (2cm x 8cm) $\pm 10\%$ x 4 lớp.<br>- Chất liệu: 100% Rayon/polyester.<br>- Đặc tính: Không mùi.<br>- Đóng gói: 20 miếng/gói. Vô trùng.      |
| 24  | PP2600<br>037446 | Gạc phẫu thuật 10cm x<br>10cm x 8 lớp, không vô<br>trùng    | Gói/<br>100<br>miếng | - Kích thước: (10cm x 10cm) $\pm 10\%$ x 8 lớp.<br>- Chất liệu: 100% cotton.<br>- Đặc tính: Gạc hút nước.<br>- Đóng gói: 100 miếng/gói. Không vô trùng.   |
| 25  | PP2600<br>037447 | Gạc phẫu thuật 5cm x<br>7,5cm x 8 lớp, không vô<br>trùng    | Gói/<br>100<br>miếng | - Kích thước: 5cm x 7,5cm ( $\pm 10\%$ ) x 8 lớp.<br>- Chất liệu: 100% cotton.<br>- Đặc tính: Gạc hút nước.<br>- Đóng gói: 100 miếng/gói. Không vô trùng. |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                       |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 26  | PP2600<br>037448 | Gạc phẫu thuật ổ bụng<br>25cm x 80cm x 4 lớp, có<br>cản quang    | Miếng       | - Kích thước: (25cm x 80cm) $\pm$ 5% x 4 lớp.<br>- Chất liệu: 100% cotton.<br>- Đặc tính: Có cản quang, gạc hút nước.<br>- Đóng gói: 50 miếng/gói. Không vô trùng.                               |
| 27  | PP2600<br>037449 | Gạc phẫu thuật ổ bụng<br>25cm x 80cm x 4 lớp,<br>không cản quang | Miếng       | - Kích thước: (25cm x 80cm) $\pm$ 5% x 4 lớp.<br>- Chất liệu: 100% cotton.<br>- Đặc tính: Không cản quang, gạc hút nước.<br>- Đóng gói: 50 miếng/gói. Không vô trùng.                            |
| 28  | PP2600<br>037450 | Gạc tấm cồn 4cm x 4cm x<br>4 lớp                                 | Miếng       | - Kích thước: (4cm x 4cm) $\pm$ 10% x 4 lớp/miếng.<br>- Chất liệu: Vải không dệt có tấm 70% cồn.<br>- Đóng gói: Đóng gói riêng từng miếng.                                                       |
| 29  | PP2600<br>037451 | Gạc vaselin                                                      | Miếng       | - Kích thước: (65mm x 190mm) ( $\pm$ 5mm).<br>- Chất liệu: Vải gạc không dệt hoặc gạc dệt từ cotton 100%.<br>- Đặc tính: Tấm vaselin, lớp sáp mềm.<br>- Đóng gói: 1 miếng/gói.                   |
| 30  | PP2600<br>037452 | Gạc lưới tấm bạc chống<br>dính vết thương 10cm x<br>12cm         | Miếng       | - Kích thước: (10cm x 12cm) ( $\pm$ 1cm).<br>- Chất liệu: Gạc lưới polyester có tấm các phân tử hydrocolloid, Polyester, TLC- Ag.                                                                |
| 31  | PP2600<br>037453 | Gạc lưới tấm bạc chống<br>dính vết thương 15cm x<br>20cm         | Miếng       | - Kích thước: (15cm x 20cm) ( $\pm$ 1cm).<br>- Chất liệu: Gạc lưới polyester có tấm các phân tử hydrocolloid, Polyester, TLC- Ag.                                                                |
| 32  | PP2600<br>037454 | Gạc lưới Lipido-colloid<br>thấm hút nhanh 10cm x<br>10cm         | Miếng       | - Kích thước: (10cm x 10cm) ( $\pm$ 1cm)<br>- Chất liệu: Gạc lưới Lipido-colloid tấm Nano-Oligo Saccaride, lưới Polyester, tấm Kali - sucrose octasulfate.                                       |
| 33  | PP2600<br>037455 | Gạc lưới Lipido-colloid co<br>giãn linh hoạt 10cm x<br>10cm      | Miếng       | - Kích thước: (10cm x 10cm) ( $\pm$ 1cm).<br>- Chất liệu: Gạc tấm lớp lipido-colloid và có 2 cánh bảo vệ. TLC mắt lưới Polyester, có tấm các hạt hydrocolloid.<br>- Đặc tính: Co giãn linh hoạt. |
| 34  | PP2600<br>037456 | Gạc lưới Lipido-colloid co<br>giãn linh hoạt 15cm x<br>20cm      | Miếng       | - Kích thước: (15cm x 20cm) ( $\pm$ 1cm).<br>- Chất liệu: Gạc tấm lớp lipido-colloid và có 2 cánh bảo vệ. TLC mắt lưới Polyester, có tấm các hạt hydrocolloid.<br>- Đặc tính: Co giãn linh hoạt. |
| 35  | PP2600<br>037457 | Gạc thấm hút từ sợi<br>polyacrylate chứa ion Ag<br>10cm x 10cm   | Miếng       | - Kích thước: (10cm x 10cm) ( $\pm$ 1cm).<br>- Đặc tính: Gạc với sợi thấm hút Polyacrylate và lớp bạc kháng khuẩn, có ion bạc. Lớp nền TLC-Ag, Lipido-Colloid tấm bạc.                           |
| 36  | PP2600<br>037458 | Gạc thấm hút từ sợi<br>polyacrylate chứa ion Ag<br>15cm x 20cm   | Miếng       | - Kích thước: (15cm x 20cm) ( $\pm$ 1cm).<br>- Đặc tính: Gạc với sợi thấm hút Polyacrylate và lớp bạc kháng khuẩn, có ion bạc. Lớp nền TLC-Ag, Lipido-Colloid tấm bạc.                           |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                             | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                 |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 37  | PP2600<br>037459 | Gạc xốp Lipido - colloid<br>vi bám dính 10cm x 12cm                           | Miếng       | - Kích thước: (10cm x 12cm) ( $\pm 1$ cm).<br>- Chất liệu: Lõi gạc xốp polyurethane. Lớp tiếp xúc: TLC (Technology Lipido-Colloid) – gel chứa lipid và hydrocolloid.                                       |
| 38  | PP2600<br>037460 | Gạc xốp Lipido - colloid<br>thấm hút tẩm Nano-Oligo<br>Saccharide 10cm x 10cm | Miếng       | - Kích thước: (10cm x 10cm) ( $\pm 1$ cm).<br>- Chất liệu: Gạc xốp lipido-colloid thấm hút, tẩm Nano-Oligo Saccharide. Công nghệ TLC - NOSF.                                                               |
| 39  | PP2600<br>037461 | Băng xốp polyurethane 3<br>lớp 10cm x 10cm                                    | Miếng       | - Kích thước: (10cm x 10cm) ( $\pm 1$ cm).<br>- Chất liệu: Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày 5mm.<br>- Đặc tính: Chứa Sodium alginate 0.9%.<br>- Đóng gói: Tiệt trùng từng miếng bằng tia Gamma.            |
| 40  | PP2600<br>037462 | Băng xốp polyurethane 3<br>lớp 9cm x 15cm                                     | Miếng       | - Kích thước: (9cm x 15cm) ( $\pm 1$ cm).<br>- Chất liệu: Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày 2mm.<br>- Đặc tính: Chứa Sodium alginate 0.9%.<br>- Đóng gói: Tiệt trùng từng miếng bằng tia Gamma.             |
| 41  | PP2600<br>037463 | Băng xốp polyurethane 3<br>lớp 20cm x 20cm                                    | Miếng       | - Kích thước: (20cm x 20cm) ( $\pm 1$ cm).<br>- Chất liệu: Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày 5mm.<br>- Đặc tính: Chứa Sodium alginate 0.9%.<br>- Đóng gói: Tiệt trùng từng miếng bằng tia Gamma.            |
| 42  | PP2600<br>037464 | Băng xốp polyurethane<br>silver kháng khuẩn 3 lớp<br>10cm x 10cm              | Miếng       | - Kích thước: (10cm x 10cm) ( $\pm 1$ cm).<br>- Chất liệu: Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày 5mm.<br>- Đặc tính: Chứa Sodium alginate, silver nitrate.<br>- Đóng gói: Tiệt trùng từng miếng bằng tia Gamma. |
| 43  | PP2600<br>037465 | Băng dán hydrocolloid<br>10x10cm                                              | Miếng       | - Kích thước: (10cm x 10cm) ( $\pm 1$ cm).<br>- Thành phần: Sodium carboxymethylcellulose, gelatin và pectin.<br>- Đóng gói: Tiệt trùng từng miếng bằng tia Gamma.                                         |
| 44  | PP2600<br>037466 | Gel kháng khuẩn điều trị<br>vết thương                                        | Tuýp        | Thành phần: Hàm lượng nước tối thiểu 80%, pH từ 5.5 đến 8.0, silver nitrate tối thiểu 0.2mg/L.<br>Quy cách: Tuýp 30g.                                                                                      |
| 45  | PP2600<br>037467 | Băng xốp hút dịch vết<br>thương 10cm x 10cm                                   | Miếng       | - Kích thước: (10cm x 10cm) ( $\pm 1$ cm).<br>- Chất liệu: Polypropylene.<br>- Đóng gói: Tiệt trùng bằng ethylene oxide.                                                                                   |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa              | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------------|------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 46  | PP2600<br>037468 | Gạc hút dịch tạo gel diệt trùng 10cm x 10cm    | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (10cm x 10cm) (<math>\pm 1</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Sợi alginat canxi và sợi alginat bạc.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sợi alginate bao gồm khoảng 60% axit mannuronic và khoảng 40% axit guluronic.</li> <li>+ Khả năng hấp thụ dịch tiết cao thúc đẩy quá trình chữa lành vết thương.</li> <li>+ Có hoạt tính diệt khuẩn diện rộng, bao gồm MRSA và VRE.</li> </ul> </li> </ul> |
| 47  | PP2600<br>037469 | Băng hấp thu dịch tối ưu 10cm x 10cm           | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (10cm x 10cm) (<math>\pm 1</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Polyetylen, polypropylen, xenlulo, natri polyacrylat.</li> <li>- Đặc tính: Lõi thấm hút bằng polyme siêu hấp thụ có khả năng hấp thụ gấp 20 lần trọng lượng của chính nó.</li> </ul>                                                                                                                                                                           |
| 48  | PP2600<br>037470 | Gạc hút dịch thẳng đứng tạo gel 10cm x 10cm    | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (10cm x 10cm) (<math>\pm 1</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Carboxymethyl cellulose, Tencell/Lyocell và bạc nano.</li> <li>- Đặc tính: Giúp hút dịch vết thương thẳng đứng tạo thạch. Có hoạt tính diệt khuẩn phổ rộng, bao gồm MRSA và VRE.</li> </ul>                                                                                                                                                                    |
| 49  | PP2600<br>037471 | Gạc hút dịch không dính vết thương 20cm x 30cm | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (20cm x 30cm) (<math>\pm 1</math>cm).</li> <li>- Thành phần: Lõi thấm hút 80% viscose, 20% polyester.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lõi polyeste/visco được bao phủ cả hai mặt bằng màng polyetylen đục lỗ mịn.</li> <li>+ Dịch rỉ được hấp thụ nhanh chóng qua các lỗ trên màng polyetylen.</li> </ul> </li> </ul>                                                                        |
| 50  | PP2600<br>037472 | Gạc lưới Lipido-colloid linh hoạt 20cm x 30cm  | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (20cm x 30cm) (<math>\pm 1</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Ma trận lipido-colloid được bảo vệ bởi hai lớp màng bảo vệ trong suốt.</li> <li>- Đặc tính: lưới thoáng khí có thể kéo dài nhiều lần.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                               |
| 51  | PP2600<br>037473 | Băng xấp dán vết thương tiết dịch 10cm x 10cm  | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (10cm x 10cm) (<math>\pm 1</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Silicone, Polyurethane.</li> <li>- Đặc tính: Cấu tạo 3 lớp, gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Màng film Polyurethane bán thấm;</li> <li>+ Lớp foam;</li> <li>+ Lớp dính Silicone.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                           |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                               | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 52  | PP2600<br>037474 | Băng xấp dán vết thương<br>kháng khuẩn 3 lớp 10cm x<br>10cm     | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (10cm x 10cm) (<math>\pm 1</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Polyurethane, Silicone, Silver Sulphate.</li> <li>- Đặc tính: Cấu tạo 3 lớp, gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Màng film Polyurethane bán thấm chống nước thoáng khí.</li> <li>+ Lớp foam thấm hút có tẩm Silver Sulphate và than hoạt tính;</li> <li>+ Lớp dính Silicone.</li> </ul> </li> </ul>                                                                           |
| 53  | PP2600<br>037475 | Băng xấp dán vết thương<br>kháng khuẩn 3 lớp 17,5cm<br>x 17,5cm | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (17,5cm x 17,5cm) (<math>\pm 1</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Polyurethane, Silicone, Silver Sulphate.</li> <li>- Đặc tính: Cấu tạo 3 lớp, gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Màng film Polyurethane bán thấm chống nước thoáng khí;</li> <li>+ Lớp foam thấm hút có tẩm Silver Sulphate và than hoạt tính;</li> <li>+ Lớp dính Silicone.</li> </ul> </li> </ul>                                                                       |
| 54  | PP2600<br>037476 | Băng xấp dán vết thương<br>kháng khuẩn 3 lớp 20cm x<br>50cm     | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (20cm x 50cm) (<math>\pm 1</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Polyurethane, Silicone, Silver Sulphate.</li> <li>- Đặc tính: Cấu tạo 3 lớp, gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Màng film Polyurethane bán thấm chống nước thoáng khí;</li> <li>+ Lớp foam thấm hút có tẩm Silver Sulphate và than hoạt tính;</li> <li>+ Lớp dính Silicone.</li> </ul> </li> </ul>                                                                           |
| 55  | PP2600<br>037477 | Băng dán điều trị vết<br>thương hậu phẫu 4 lớp<br>6cm x 8cm     | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (6cm x 8cm) (<math>\pm 1</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Silicone, Polyurethane, viscose, polyester, polyolefins, polyacrylate, superabsorbent acrylate fibers.</li> <li>- Đặc tính: Cấu tạo 4 lớp, gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Màng bán thấm trong suốt chống nước và vi khuẩn.</li> <li>+ Lớp lưu dịch siêu thấm hút polyacrylate.</li> <li>+ Lớp điều hướng dịch tiết.</li> <li>+ Lớp dính Silicone.</li> </ul> </li> </ul>   |
| 56  | PP2600<br>037478 | Băng dán điều trị vết<br>thương hậu phẫu 4 lớp<br>10cm x 15cm   | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (10cm x 15cm) (<math>\pm 1</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Silicone, Polyurethane, viscose, polyester, polyolefins, polyacrylate, superabsorbent acrylate fibers.</li> <li>- Đặc tính: Cấu tạo 4 lớp, gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Màng bán thấm trong suốt chống nước và vi khuẩn.</li> <li>+ Lớp lưu dịch siêu thấm hút polyacrylate.</li> <li>+ Lớp điều hướng dịch tiết.</li> <li>+ Lớp dính Silicone.</li> </ul> </li> </ul> |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                        | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 57  | PP2600<br>037479 | Băng vết thương hydrofiber tạo gel kháng khuẩn 10cm x 10cm               | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (10cm x 10cm) (<math>\pm 1</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Sợi polyvinyl alcohol (PVA) đan đa chiều tằm bạc sun-phat.</li> <li>- Đặc tính: Băng vết thương tạo gel kháng khuẩn kết hợp khóa dịch tiết.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 58  | PP2600<br>037480 | Miếng dán trị sẹo silicone 10cm x 18cm                                   | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (10cm x 18cm) (<math>\pm 1</math>cm)</li> <li>- Chất liệu: Polyacrylate, Polyurethane, Silicone, Viscose.</li> <li>- Đặc tính: Băng dán silicone điều trị và ngăn ngừa sẹo lồi, sẹo phì đại. Cấu tạo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lớp chống thấm nước (Polyurethane film và sợi không dệt Viscose).</li> <li>+ Lớp dính silicone không gây đau rát, tổn thương da khi gỡ băng.</li> <li>+ Không thấm nước.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                           |
| 59  | PP2600<br>037481 | Băng dán điều trị vết thương co giãn 360 độ 12,5cm x 12,5cm              | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (12,5cm x 12,5cm) (<math>\pm 1</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Silicone, polyurethane, polyacrylate, cotton, viscose, polyester và polyolefin.</li> <li>- Đặc tính: Băng thấm hút dịch tiết có viền chống thấm nước, co giãn linh hoạt. Cấu tạo 5 lớp, gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lớp film Polyurethane thông thoáng, không thấm nước, chống vi khuẩn và vi rút;</li> <li>+ Lớp lưu trữ dịch;</li> <li>+ Lớp trải đều dịch;</li> <li>+ Lớp foam siêu thấm hút;</li> <li>+ Lớp dính Silicone mềm.</li> </ul> </li> </ul>              |
| 60  | PP2600<br>037482 | Băng dán điều trị loét cho vùng cùc cụt 16cm x 20cm                      | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (16cm x 20cm) (<math>\pm 1</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Silicone, polyurethane, polyacrylate, cotton, viscose, polyester và polyolefin.</li> <li>- Đặc tính: Băng dán điều trị loét cho vùng cùc cụt dùng cho phòng ngừa và điều trị tổn thương tỷ đè. Cấu tạo 5 lớp, gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lớp film Polyurethane thông thoáng, không thấm nước, chống vi khuẩn và vi rút.</li> <li>+ Lớp lưu trữ dịch.</li> <li>+ Lớp trải đều dịch.</li> <li>+ Lớp foam thấm hút.</li> <li>+ Lớp dính Silicone mềm.</li> </ul> </li> </ul> |
| 61  | PP2600<br>037483 | Miếng áp dụng trong phẫu thuật, thủ thuật, vô trùng trước mổ 28cm x 30cm | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (28cm x 30cm) (<math>\pm 1</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Lớp màng polyurethane (PU) hoặc polyethylene (PE).</li> <li>- Đặc tính: Trong suốt, mỏng, chống thấm nước.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng từng miếng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                        | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 62  | PP2600<br>037484 | Miếng áp dùng trong phẫu thuật, thủ thuật, vô trùng trước mổ 35cm x 35cm | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (35cm x 35cm) (<math>\pm 1</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Lóp màng polyurethane (PU) hoặc polyethylene (PE).</li> <li>- Đặc tính: Trong suốt, mỏng, chống thấm nước.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng từng miếng.</li> </ul>                                                                                                                        |
| 63  | PP2600<br>037485 | Miếng dán chống nhiễm khuẩn chứa Chlorhexidine gluconate                 | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Tối thiểu 2,5cm, dạng tròn, có lỗ ở giữa.</li> <li>- Chất liệu: Polyurethane hoặc foam chứa 2% Chlorhexidine gluconate.</li> <li>- Đặc tính: Phóng thích Chlorhexidine gluconate liên tục trong 7 ngày, diệt vi khuẩn Gram (+) (-), nấm.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng từng miếng.</li> </ul>                                                      |
| 64  | PP2600<br>037486 | Miếng dán phẫu thuật dùng cho tán sỏi qua da                             | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (45cm x 45cm) (<math>\pm 1</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Lóp nền màng làm từ polyurethane.</li> <li>- Đặc tính: Lóp nền siêu mỏng, thoáng khí và không thấm nước.</li> <li>+ Thiết kế góc tròn, cố định chắc chắn.+ Chất kết dính không gây dị ứng.</li> <li>- Tiêu chuẩn: FDA.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul> |
| 65  | PP2600<br>037487 | Dung dịch xịt dùng ngoài điều trị phòng ngừa loét do tỳ đè 20ml          | Chai        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc tính: Glycerid có độ oxy hóa cao của các acid béo cần thiết (acid linoleic) + Hương hạt hồi.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 66  | PP2600<br>037488 | Keo nút mạch 0,5ml                                                       | Tuýp        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể tích: 0,5ml.</li> <li>- Chất liệu: N-butyl-2-cyanoacrylate.</li> <li>- Đóng gói: Tuýp.</li> <li>- Yêu cầu khác: Có thể pha với lipiodol.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                          |
| 67  | PP2600<br>037489 | Gạc cầm máu mũi                                                          | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 80mm x 20mm x 15mm.</li> <li>- Chất liệu: Hydroxilated Poly - Vinyl Acetate.</li> <li>- Yêu cầu khác: Mềm.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                |
| 68  | PP2600<br>037490 | Keo sinh học cầm máu sử dụng trong điều trị các loại                     | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể tích: 5ml.</li> <li>- Chất liệu: Hỗn hợp Gelatin từ bò, Thrombin từ người.</li> <li>- Đặc tính: Hiệu quả cầm máu độc lập, không phụ thuộc vào cơ chế cầm máu của cơ thể.</li> </ul>                                                                                                                                                                          |



| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                           | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 69  | PP2600<br>037491 | Keo sinh học dán màng cứng 5ml dạng bột                                                     | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Dung tích 5ml; đầu phun kích thước 5cm, 10cm, 15cm.</li> <li>- Chất liệu: Chất keo gồm dung dịch este polyethylene glycol (PEG) và dung dịch hỗn hợp của <math>\epsilon</math>-polylysine và polyethyleneimine (PEI).</li> <li>- Đặc tính: Dán màng cứng sọ não, cột sống. Bộ gồm xylanh ép lắp sẵn 2 ống trộn có chứa dung dịch pha.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> </ul>                                                      |
| 70  | PP2600<br>037492 | Miếng sáp cầm máu xương 2,5gram                                                             | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 2,5cm x 1cm hoặc 2,5g/miếng.</li> <li>- Chất liệu: Sáp ong tinh khiết tối thiểu 70%, Paraffin hoặc isopropyl palmitate.</li> <li>- Đặc tính: Cầm máu cơ học, không tan trong nước, dẻo.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng từng miếng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                           |
| 71  | PP2600<br>037493 | Miếng xốp cầm máu tự tiêu từ gelatin 1cm x 5cm x 7cm                                        | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (1cm x 5cm x 7cm) (<math>\pm 0,2</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Gelatin y tế tinh khiết.</li> <li>- Đặc tính: Cầm máu sinh lý, tự tiêu trong cơ thể, dạng xốp, thấm hút.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng từng miếng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                      |
| 72  | PP2600<br>037494 | Vật liệu cầm máu dạng bông ép sợi dài tự tiêu, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp 5cm x 10cm | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (5cm x 10cm) (<math>\pm 0,2</math>cm). Đường kính sợi rayon trong phạm vi từ 20<math>\mu</math>m đến 21<math>\mu</math>m.</li> <li>- Chất liệu: Vật liệu cầm máu dạng bông nhiều lớp.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng từng miếng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                             |
| 73  | PP2600<br>037495 | Vật liệu cầm máu tự tiêu bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp 10cm x 20cm                      | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (10cm x 20cm) (<math>\pm 0,2</math>cm). Đường kính đồng nhất khoảng 20<math>\mu</math>m - 22<math>\mu</math>m.</li> <li>- Chất liệu: Sợi rayon cellulose oxi hóa tái tổ hợp, nguồn gốc thực vật.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Diệt khuẩn gram dương và gram âm.</li> <li>+ Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu, cầm máu, kháng khuẩn, không tan trong nước.</li> </ul> </li> </ul>                 |
| 74  | PP2600<br>037496 | Bộ kit miếng xốp phủ vết thương bằng hút chân không áp lực âm cỡ S                          | Bộ          | <p>Bộ chất liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane, chịu được áp lực âm 300mmHg, kích thước 10cm x 15cm x 1cm.</li> <li>- 01 miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có 4 lỗ trong đó 1 lỗ trung tâm hút dịch 3 lỗ.</li> <li>- 03 màng bọc vết thương dạng film 10cm x 25cm.</li> <li>- Yêu cầu khác: Cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ khi trúng thầu.</li> </ul> |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                  | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 75  | PP2600<br>037497 | Bộ kit miếng xấp phủ vết thương bằng hút chân không áp lực âm cỡ M | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 01 xấp phủ vết thương (10cm x 15cm x 3cm), 01 miếng lót có 4 lỗ, 03 màng bọc vết thương (10cm x 25cm).</li> <li>- Chất liệu: 01 xấp phủ (Polyurethane), 01 miếng lót với ống hút (Polyvinyl), 03 màng bọc (Film).</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Miếng xấp chịu được áp lực âm 300mmHg;</li> <li>+ Miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có 4 lỗ trong đó 1 lỗ trung tâm hút dịch 3 lỗ;</li> <li>+ Màng bọc vết thương dạng film.</li> </ul> </li> <li>- Yêu cầu khác: Cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ khi trúng thầu.</li> </ul> |
| 76  | PP2600<br>037498 | Bộ kit miếng xấp phủ vết thương bằng hút chân không áp lực âm cỡ L | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 01 xấp phủ vết thương (25cm x 15cm x 3cm), 01 miếng lót có 4 lỗ, 05 màng bọc vết thương (10cm x 25cm).</li> <li>- Chất liệu: 01 xấp phủ (Polyurethane), 01 miếng lót với ống hút (Polyvinyl), 05 màng bọc (Film).</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Miếng xấp chịu được áp lực âm 300mmHg.</li> <li>+ Miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có 4 lỗ trong đó 1 lỗ trung tâm hút dịch 3 lỗ.</li> <li>+ Màng bọc vết thương dạng film.</li> </ul> </li> <li>- Yêu cầu khác: Cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ khi trúng thầu.</li> </ul> |
| 77  | PP2600<br>037499 | Bơm tiêm nhựa cho ăn 50ml                                          | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Bơm tiêm 50ml.</li> <li>- Chất liệu: Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế PP.</li> <li>- Đặc tính: Xy lanh trong suốt. Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml. Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn.</li> <li>- Đóng gói: Đóng gói tiệt trùng từng cái, tiệt trùng bằng công nghệ E.O.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                  |
| 78  | PP2600<br>037500 | Bơm tiêm nhựa 1ml kim 26G                                          | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Bơm tiêm 1ml. Kim 26G x 1/2 inch.</li> <li>- Chất liệu: Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế PP. Kim làm bằng thép không gỉ.</li> <li>- Đặc tính: Xy lanh trong suốt. Kim sắc nhọn, vát 3 cạnh.</li> <li>- Đóng gói: Đóng gói tiệt trùng từng cái bằng khí E.O.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                     |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------------|-----------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 79  | PP2600<br>037501 | Bơm tiêm nhựa 3ml kim 23G         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Bơm tiêm 3ml. Kim 23G x 1 inch.</li> <li>- Chất liệu: Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế PP. Kim làm bằng thép không gỉ.</li> <li>- Đặc tính: Xy lanh trong suốt. Kim sắc nhọn, vát 3 cạnh.</li> <li>- Đóng gói: Đóng gói tiệt trùng từng cái bằng khí E.O.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                               |
| 80  | PP2600<br>037502 | Bơm tiêm nhựa 5ml kim 23G         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Bơm tiêm 5ml. Kim 23G x 1 inch.</li> <li>- Chất liệu: Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế PP. Kim làm bằng thép không gỉ.</li> <li>- Đặc tính: Xy lanh trong suốt. Kim sắc nhọn, vát 3 cạnh.</li> <li>- Đóng gói: Đóng gói tiệt trùng từng cái bằng khí E.O.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                               |
| 81  | PP2600<br>037503 | Bơm tiêm nhựa 10ml kim 23G        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Bơm tiêm 10ml. Kim 23G x 1 inch.</li> <li>- Chất liệu: Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế PP, không chứa DEHP. Kim làm bằng thép không gỉ.</li> <li>- Đặc tính: Xy lanh trong suốt. Vạch chia dung tích rõ nét. Kim sắc nhọn, vát 3 cạnh.</li> <li>- Đóng gói: Đóng gói tiệt trùng từng cái bằng khí E.O.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul> |
| 82  | PP2600<br>037504 | Bơm tiêm nhựa 10ml kim 25G        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Bơm tiêm 10ml. Kim 25G x 1 inch.</li> <li>- Chất liệu: Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế PP, không chứa DEHP. Kim làm bằng thép không gỉ.</li> <li>- Đặc tính: Xy lanh trong suốt. Vạch chia dung tích rõ nét. Kim sắc nhọn, vát 3 cạnh.</li> <li>- Đóng gói: Đóng gói tiệt trùng từng cái bằng khí E.O.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul> |
| 83  | PP2600<br>037505 | Bơm tiêm nhựa 20ml kim 23G        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Bơm tiêm 20ml. Kim các cỡ 23G x 1 inch.</li> <li>- Chất liệu: Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế PP. Kim làm bằng thép không gỉ.</li> <li>- Đặc tính: Xy lanh trong suốt. Vạch chia dung tích rõ nét. Kim sắc nhọn, vát 3 cạnh.</li> <li>- Đóng gói: Đóng gói tiệt trùng từng cái bằng khí E.O.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>           |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 84  | PP2600<br>037506 | Bơm tiêm nhựa 50ml kim 23G                                       | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Bơm tiêm 50ml.</li> <li>- Chất liệu: Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế PP.</li> <li>- Đặc tính: Xy lanh trong suốt. Vạch chia dung tích rõ nét. Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml.</li> <li>- Đóng gói: Đóng gói tiệt trùng từng cái bằng khí E.O.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                                                                                                |
| 85  | PP2600<br>037507 | Bơm tiêm 1ml, 3ml có đầu luer lock                               | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Bơm tiêm 1ml, 3ml</li> <li>- Chất liệu: Vật liệu làm bằng Polycarbonate chịu áp lực tốt, dễ nhận thấy dòng chảy và bọt khí bên trong.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu.</li> <li>+ Có đầu xoáy luer loại Fixed Male hoặc Slip</li> <li>+ Có 7 màu sắc khác nhau để phân biệt.</li> </ul> </li> <li>- Xuất xứ: Châu Mỹ.</li> </ul> |
| 86  | PP2600<br>037508 | Bơm tiêm 3ml không kim có đầu luer lock                          | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Bơm tiêm 3ml.</li> <li>- Chất liệu: Vật liệu làm bằng Polycarbonate.</li> <li>- Đặc tính: Bơm tiêm có đầu luer lock.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 87  | PP2600<br>037509 | Bơm tiêm 10ml không kim có đầu luer lock                         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Bơm tiêm đầu xoắn (luerlock), không kim 10ml.</li> <li>- Chất liệu: Polypropylene.</li> <li>- Đặc tính: Chịu được áp lực tối thiểu 43psi nước trong 30 giây.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                |
| 88  | PP2600<br>037510 | Bơm tiêm 20ml không kim có đầu luer lock                         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Bơm tiêm đầu xoắn (luerlock), không kim 20ml.</li> <li>- Chất liệu: Polypropylene.</li> <li>- Đặc tính: Chịu được áp lực tối thiểu 29.0psi nước trong 30 giây.</li> <li>Xuất xứ: G7.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                        |
| 89  | PP2600<br>037511 | Dụng cụ bơm chất cản quang chuyên dụng trong DSA loại 10ml, 20ml | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Bơm tiêm 10ml, 20ml.</li> <li>- Chất liệu: Vật liệu làm bằng Polycarbonate.</li> <li>- Đặc tính: Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu. Đầu xoáy luer loại Fixed Male.</li> <li>Xuất xứ: G7.</li> </ul>                                                                                                                                                                                              |
| 90  | PP2600<br>037512 | Bơm tiêm 50ml luer lock dùng cho máy bơm tiêm điện               | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Bơm tiêm 50ml không kim.</li> <li>- Chất liệu: Thân bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen (PP), trong suốt. Pitong làm bằng cao su tổng hợp.</li> <li>- Đặc tính: Dạng đầu khóa/xoắn (Luer Lock Tip).</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                                                                                                                                               |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                        | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 91  | PP2600<br>037513 | Bơm truyền cơ học đàn hồi dùng 1 lần loại dung tích 300ml                | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Bóng chứa thuốc tối thiểu 275ml.</li> <li>- Chất liệu: Bóng chứa bằng silicone hoặc polyisoprene đàn hồi cao, vỏ bọc ngoài bằng nhựa PVC trong suốt.</li> <li>- Đặc tính: Điều chỉnh tốc độ duy trì: 2ml/giờ, 4ml/giờ, 6ml/giờ, 8ml/giờ, 10ml/giờ. Cổng tiêm thuốc là van 1 chiều với màng ngăn làm từ Silicone.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> <li>- Xuất xứ: Châu Âu.</li> </ul>                                                                                                                                               |
| 92  | PP2600<br>037514 | Bơm truyền cơ học đàn hồi dùng 1 lần loại dung tích 300ml, có bolus      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Bóng chứa thuốc tối thiểu 275ml.</li> <li>- Chất liệu: Bóng chứa bằng silicone hoặc polyisoprene đàn hồi cao, vỏ bọc ngoài bằng nhựa PVC trong suốt.</li> <li>- Đặc tính: Điều chỉnh tốc độ duy trì: 2ml/giờ, 4ml/giờ, 6ml/giờ, 8ml/giờ, 10ml/giờ, 12ml/giờ, 14ml/giờ. Cổng tiêm thuốc là van 1 chiều với màng ngăn làm từ Silicone. Liều Bolus: 1ml - 5ml. Thời gian khóa: 15 phút.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> <li>- Xuất xứ: Châu Âu.</li> </ul>                                                                           |
| 93  | PP2600<br>037515 | Bộ bơm thuốc cân từ gồm 2 xylanh 60ml sử dụng cho máy bơm Optistar Elite | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 2 Xylanh 60ml.</li> <li>- Chất liệu: Bằng chất liệu PP trong suốt không chứa DEHP kèm piston bằng PP với đầu bọc cao su tổng hợp màu đen.</li> <li>- Đặc tính: Dùng cho máy bơm thuốc cân quang Mallinekrodt/Liebel-Flarshiem Opistar MRI. Chịu áp lực cao 350psi, luer lock. Nạp thuốc bằng đầu chuyển spike.</li> <li>- Đóng gói: 2 xy lanh; 1 đầu chuyển spike dài và 1 đầu chuyển spike ngắn bằng nhựa ABS; 1 dây nối áp lực cao chữ Y bằng PVC dài 250cm. Tiệt khuẩn bằng công nghệ E.O.</li> </ul>                              |
| 94  | PP2600<br>037516 | Bơm tiêm 100ml sử dụng cho máy bơm Nemoto                                | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Xylanh 100ml.</li> <li>- Chất liệu: Chất liệu PET trong suốt không chứa DEHP kèm piston bằng nhựa PP với đầu bọc bằng cao su tổng hợp màu đen.</li> <li>- Đặc tính: Dùng cho máy Nemoto A60, A300, Smart Shot Alpha; Chịu áp lực cao 350psi, đầu kết nối luer lock. Nạp thuốc bằng ống lấy thuốc nhanh và đầu chuyển spike.</li> <li>- Đóng gói: 1 xy lanh; 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J bằng PE trắng; 1 đầu chuyển spike dài bằng nhựa ABS; 1 dây nối áp lực cao bằng PC và PVC dài 150cm. Tiệt khuẩn bằng công nghệ E.O.</li> </ul> |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                  | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 95  | PP2600<br>037517 | Bơm tiêm cân quang 150ml sử dụng cho máy bơm tiêm điện Medrad 150FT-Q              | Bộ          | - Kích thước: Xilanh 150ml.<br>- Đặc tính: Tương thích với máy bơm tiêm điện Medrad 150FT-Q.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 96  | PP2600<br>037518 | Bơm tiêm thuốc cân quang angomat illuminate 150ml sử dụng cho máy bơm Illumena Neo | Cái         | - Kích thước: Xilanh 150ml.<br>- Đặc tính: Sử dụng trong DSA, bơm thuốc cân quang. Tương thích với bơm tiêm Illumena Neo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 97  | PP2600<br>037519 | Bộ xylanh bơm thuốc cân quang gồm 2 xy lanh 200ml sử dụng cho máy bơm Medtron      | Bộ          | - Kích thước: 2 xylanh 200ml.<br>- Chất liệu: Chất liệu PET trong suốt có piston bằng PC với đầu bọc bằng cao su tổng hợp màu đen.<br>- Đặc tính: Dùng cho máy bơm cân quang Medtron Accutron CT-D; Chịu áp lực cao 350psi, luer lock. Nạp thuốc bằng ống lấy thuốc nhanh và đầu chuyển spike.<br>- Đóng gói: 2 xylanh; 2 ống lấy thuốc nhanh chữ J bằng PE; 1 đầu chuyển Spike bằng nhựa ABS; 1 dây nối áp lực cao chữ Y dài 150cm bằng PVC. Tiệt khuẩn bằng E.O                                           |
| 98  | PP2600<br>037520 | Bơm tiêm Insuline 1ml                                                              | Cái         | - Kích thước: Bơm tiêm 1ml. Kim tiêm bao gồm các cỡ: 30G x 8mm, 31G x 6mm, 32G x 6mm.<br>- Chất liệu: Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Thân kim làm bằng thép không gỉ.<br>- Đặc tính: Bơm tiêm dùng để tiêm insulin, có nắp chụp bảo vệ đầu kim và nắp chụp pít tông. Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI. Kim được đúc liền với vỏ xylanh.<br>- Đóng gói: Sản phẩm đóng gói trong túi riêng. Tiệt trùng bằng E.O.<br>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN. |
| 99  | PP2600<br>037521 | Bơm tiêm khí máu động mạch 1cc chứa Lithium Heparin                                | Bộ          | - Kích thước: Bơm tiêm khí máu động mạch 1cc.<br>- Chất liệu: Polypropylene (PP).<br>- Đặc tính: Chứa Lithium Heparin cân bằng Canxi dạng phun sấy nồng độ 30 IU. Phục vụ cho các xét nghiệm chẩn đoán trong ống nghiệm (in-vitro), bao gồm pH, khí máu, điện giải, canxi ion hóa, các chất chuyển hóa và đo co-oximetry. Có nắp đậy.<br>- Đóng gói: Vô trùng.                                                                                                                                              |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa         | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------------|-------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 100 | PP2600<br>037522 | Kim cánh bướm số 23G                      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Kim tiêm 23G.</li> <li>- Chất liệu: Kim làm bằng thép không gỉ.</li> <li>- Đặc tính: Đầu kim vát 3 cạnh. Có cánh định vị.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng bằng E.O.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                |
| 101 | PP2600<br>037523 | Kim chích cầm máu dạ dày 23G              | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Kim 23G, chiều dài dụng cụ: 170cm (<math>\pm 10</math>cm), chiều dài kim mũi trong phạm vi 4mm - 5mm.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng, 1 cái/bịch, sử dụng 1 lần.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                    |
| 102 | PP2600<br>037524 | Kim chích cầm máu đại tràng 21G           | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Kim 21G, 23G, chiều dài dụng cụ: 230cm (<math>\pm 10</math>cm), chiều dài kim mũi trong phạm vi 4mm - 5mm.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng, 1 cái/bịch, sử dụng 1 lần.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                               |
| 103 | PP2600<br>037525 | Kim chích keo dạ dày                      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 21G, chiều dài dụng cụ: 170cm (<math>\pm 10</math>cm), chiều dài kim mũi trong phạm vi 4mm - 5mm.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng, 1 cái/bịch, sử dụng 1 lần.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                        |
| 104 | PP2600<br>037526 | Kim tiêm buồng tiêm                       | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Kim tiêm số 20G, 22G. Chiều dài dây kết nối 250mm (<math>\pm 10</math>mm).</li> <li>- Chất liệu: Làm bằng thép không gỉ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 105 | PP2600<br>037527 | Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa các cỡ | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Các cỡ.</li> <li>- Chất liệu: Kim làm bằng thép không gỉ.</li> <li>- Đặc tính: Đầu kim vát. Kim luồn có cánh và cửa bơm thuốc.</li> <li>- Xuất xứ: G7 hoặc OECD.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                   |
| 106 | PP2600<br>037528 | Kim luồn tĩnh mạch an toàn các cỡ         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Các cỡ.</li> <li>- Chất liệu: Vật liệu bằng PUR hoặc FEP.</li> <li>- Đặc tính: Có cánh, có công chích thuốc, có đầu bảo vệ. Không có chứa latex, PVC.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                              |
| 107 | PP2600<br>037529 | Kim luồn tĩnh mạch không cánh không cửa   | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 18G. Độ dài catheter tối thiểu 51mm.</li> <li>- Chất liệu: Kim làm bằng thép không gỉ. Ống catheter làm từ chất liệu ETFE.</li> <li>- Đặc tính: Mũi kim vát, chuôi kim trong suốt. Tiệt trùng bằng chùm tia điện tử.</li> </ul>                                                                                                                                                               |
| 108 | PP2600<br>037530 | Kim điện cơ đồng trục dùng một lần        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Cỡ kim số 26G, chiều dài tối thiểu 38mm.</li> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ phủ silicon, cảm biến Ag, chất cách điện: Epoxy.</li> <li>- Đặc tính: Mũi kim vát khoảng 13 độ, diện tích ghi <math>0,07\text{mm}^2</math>, đường kính 0,45mm.</li> <li>- Đóng gói: Riêng biệt từng cái.</li> <li>- Yêu cầu khác: Cam kết cung cấp cấp dùng cho kim điện cơ đồng trục khi trúng thầu.</li> </ul> |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                       | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 109 | PP2600<br>037531 | Kim điện cơ đồng trục dùng nhiều lần                    | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Cờ kim số 26G/27G, chiều dài tối thiểu 30mm, diện tích ghi 0,021mm<sup>2</sup></li> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ.</li> <li>- Đặc tính: Chịu nhiệt. Có thể tiệt trùng nhiều lần.</li> <li>- Đóng gói: Riêng biệt từng cái.</li> <li>- Yêu cầu khác: Cam kết cung cấp cấp dùng cho kim điện cơ đồng trục khi trúng thầu.</li> </ul>        |
| 110 | PP2600<br>037532 | Kim nha khoa 27G                                        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Kim 27G. Chiều dài tối đa 21mm.</li> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ.</li> <li>- Đặc tính: Thiết kế ngắn phù hợp cho thủ thuật nha khoa.</li> </ul>                                                                                                                                                                                         |
| 111 | PP2600<br>037533 | Kim tiêm 18G                                            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Kim tiêm 18G x 1 1/2.</li> <li>- Chất liệu: Làm bằng thép không gỉ.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                        |
| 112 | PP2600<br>037534 | Kim tiêm 23G                                            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Kim tiêm 23G.</li> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ.</li> <li>- Đặc tính: Đầu kim sắc nhọn.</li> <li>- Đóng gói: riêng lẻ từng cái, 5 cái/vỉ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                     |
| 113 | PP2600<br>037535 | Kim lấy máu chân không hai đầu độc trong                | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 22G x 1 inch.</li> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ.</li> <li>- Đặc tính: Vô khuẩn bằng phương pháp chiếu xạ.</li> <li>- Yêu cầu khác: Có buồng trong suốt flashback giúp xác định vị trí kim trong lòng mạch.</li> </ul>                                                                                                                    |
| 114 | PP2600<br>037536 | Giá đỡ kim chân không tái sử dụng có nút tháo kim nhanh | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc tính: Kết nối giữa ống nghiệm chân không và các loại kim lấy máu chân không.</li> <li>- Yêu cầu khác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sử dụng nhiều lần.</li> <li>+ Đầu có gen xoay tương thích với tất cả các loại kim hai đầu và kim bướm lấy máu chân không.</li> <li>+ Có nút bấm hủy kim an toàn pronto.</li> </ul> </li> </ul>      |
| 115 | PP2600<br>037537 | Nút vận kim luồn                                        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nút chặn đuôi kim luồn có màng cổng tiêm.</li> <li>- Kích thước: Thể tích mỗi tối đa 0.16ml.</li> <li>- Chất liệu: Nhựa y tế.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                 |
| 116 | PP2600<br>037538 | Cổng tiêm an toàn không kim                             | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Cổng tiêm an toàn loại neutral.</li> <li>- Kích thước: Chiều dài 3cm gồm thân chính 2,6cm và đoạn nối 0,4cm.</li> <li>- Chất liệu: Vật liệu PVC, không DEHP, không latex.</li> <li>- Đặc tính: Có đường truyền riêng bên trong đầu nối (inner cannula) có đầu đóng, có lỗ mở ở mặt bên. Chịu được áp lực lên đến 400psi, áp suất ngược 45psi.</li> </ul> |



| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa              | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|------------------|------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 117 | PP2600<br>037539 | Kim chọc động mạch đùi số 18G                  | Cái         | - Kích thước: 18G<br>- Chất liệu: Thép không gỉ.<br>- Đặc tính: Có đầu cắm Luer-Lock.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 118 | PP2600<br>037540 | Kim chọc động mạch quay số 20G                 | Cái         | - Kích thước: 20G<br>- Chất liệu: Thép không gỉ.<br>- Đặc tính: Có đầu cắm Luer-Lock.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 119 | PP2600<br>037541 | Bộ gây tê đám rối thần kinh                    | Bộ          | - Kích thước: Bộ bao gồm: Kim gây tê thần kinh dài 50mm - 100mm, catheter gây tê dài tối thiểu 50cm, các số từ 18G đến 20G. Dây nối điện cực, bơm tiêm 10ml - 20ml. Ống nối dài tối thiểu 100cm, kim dẫn đường (nếu có).<br>- Chất liệu: Kim chọc bằng thép không gỉ, phủ cách điện teflon ngoại trừ đầu kim, Catheter, đầu nối, ống nối, bằng polyurethane.<br>- Đặc tính: Dùng 1 lần, catheter mềm không xoắn.<br>- Đóng gói: Vô trùng từng bộ. |
| 120 | PP2600<br>037542 | Kim gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm      | Cái         | - Kích thước: 22G x 50mm, 21G x 100mm,<br>- Chất liệu: Kim bằng thép không gỉ, tay cầm bằng nhựa y tế.<br>- Đặc tính: Mũi kim đầu vát. Có vạch chia độ dài.<br>- Đóng gói: Tiệt khuẩn EO. Không chứa latex<br>- Yêu cầu khác: Đi kèm dây bơm thuốc bằng polycarbonate dài 60cm, dây nối với máy kích thích thần kinh dài 60cm.                                                                                                                    |
| 121 | PP2600<br>037543 | Kim gây tê tùy sống các số                     | Cái         | - Kích thước: Các số từ 25G đến 27G.<br>- Chất liệu: Kim bằng thép không gỉ. Chuôi kim (Polycarbonate) trong suốt.<br>- Đặc tính: Kim gây tê tùy sống loại Quincke (3 mặt vát), mặt vát chính 16 độ ( $\pm 1$ độ), 2 mặt vát bên 35 độ ( $\pm 4$ độ).<br>Góc xiên chính của que thông nòng (Stylet): 20 độ ( $\pm 5$ độ).<br>- Đóng gói: Vô trùng từng cái.                                                                                       |
| 122 | PP2600<br>037544 | Kim chạy thận nhân tạo có cánh cố định, các cỡ | Cái         | - Kích thước: 16G và 17G, chiều dài 25mm, phủ silicone.<br>- Đặc tính:<br>+ Cánh cố định, nòng xoay, có màu phân biệt kích thước kim.<br>+ 1 kẹp khóa.<br>+ 1 đầu nối tương thích với mọi bộ dây chạy thận.<br>+ 1 ống dây dài 30cm ( $\pm 2$ cm).                                                                                                                                                                                                |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa      | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|------------------|----------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 123 | PP2600<br>037545 | Kìm sinh thiết phế quản                | Cái         | - Kích thước: Đường kính tối thiểu 1,8mm. Chiều dài trong phạm vi từ 110cm đến 160cm.<br>- Chất liệu: Dây kim loại.<br>- Đặc tính: Dùng một lần. Loại ngàm không răng. Loại kiểm: không kim                                                                                            |
| 124 | PP2600<br>037546 | Kìm sinh thiết dạ dày                  | Cái         | - Kích thước: Chiều dài dụng cụ 180cm ( $\pm$ 20cm), đường kính trong phạm vi 1,8mm đến 2,4mm.<br>- Chất liệu: Không có vỏ bọc nhựa<br>- Đóng gói: Vô trùng, 1 cái/bịch, sử dụng 1 lần.                                                                                                |
| 125 | PP2600<br>037547 | Kìm sinh thiết đại tràng               | Cái         | - Kích thước: Chiều dài dụng cụ 220cm ( $\pm$ 20cm), đường kính trong phạm vi 2,0mm đến 2,6mm.<br>- Chất liệu: Không có vỏ bọc nhựa.<br>- Đóng gói: Vô trùng, 1 cái/bịch, sử dụng 1 lần.                                                                                               |
| 126 | PP2600<br>037548 | Kìm sinh thiết Magnum                  | Cái         | - Kích thước: Từ 18G đến 20G, chiều dài từ 20cm đến 30cm.<br>- Chất liệu: Thép không gỉ.<br>- Đặc tính: Kìm sinh thiết gan.<br>- Yêu cầu khác: Tương thích với súng Magnum.                                                                                                            |
| 127 | PP2600<br>037549 | Kìm sinh thiết phổi bán tự động các cỡ | Cái         | - Kích thước: Các cỡ 16G, 18G, 20G.<br>- Đặc tính: Thân kim có vạch chia độ, có nút đánh dấu độ sâu. Có kim dẫn đường.                                                                                                                                                                 |
| 128 | PP2600<br>037550 | Kìm sinh thiết thận các cỡ             | Cái         | - Kích thước: Các cỡ 14G, 16G, 18G, 20G. Kim dẫn đường có hub luer lock các size 13G, 15G.<br>- Đặc tính: Trên thân ống có vạch chia độ, có nút đánh dấu độ sâu. Có đánh dấu echogenic.<br>- Đóng gói: Vô trùng                                                                        |
| 129 | PP2600<br>037551 | Kìm sinh thiết vú các cỡ               | Cái         | - Kích thước: 6G (1.6mm) x 100mm; 16G (1.6mm) x 150mm; 16G (1.6mm) x 200mm; 18G (1.2mm) x 100mm; 18G (1.2mm) x 150mm; 18G (1.2mm) x 200mm.<br>- Chất liệu: Thép không gỉ.<br>- Đặc tính: Đầu kim 30 độ, mặt vát 15 độ. Trên thân ống cannula có vạch chia độ.<br>- Đóng gói: Vô trùng. |
| 130 | PP2600<br>037552 | Kìm sinh thiết màng phổi               | Cái         | - Kích thước: Đường kính 4mm, chiều dài 90mm (8G x 3 inch).<br>- Chất liệu: Làm bằng thép không gỉ.<br>- Đặc tính: Sử dụng nhiều lần.                                                                                                                                                  |

| STT   | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                              | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-------|------------------|----------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 131   | PP2600<br>037553 | Kim chọc và sinh thiết tạng các cỡ                             | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Đường kính: 16G, 18G.</li> <li>+ Chiều dài kim: 10cm, 15cm, 20cm.</li> <li>+ Độ dài lấy mẫu có thể điều chỉnh: 13mm, 23mm, 33mm.</li> <li>+ Kim đồng trục đi kèm có kích thước: 14G, 17G.</li> <li>- Đặc tính: Kim sinh thiết nguyên lõi dùng 1 lần dùng thu thập nhiều mẫu lõi từ mô mềm như gan, thận, các mô ở bụng để chẩn đoán lâm sàng.</li> </ul>                                                                                                                                  |
| 132   | PP2600<br>037554 | <b>Súng và kim sinh thiết thận dưới siêu âm</b>                |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 132.1 |                  | Súng sinh thiết thận dưới siêu âm                              | Bộ          | <p>Súng sinh thiết tự động kèm kim sinh thiết dùng trong sinh thiết thận dưới hướng dẫn siêu âm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Trong phạm vi từ 15cm đến 25cm</li> <li>- Chất liệu: Vô kim loại không gỉ.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Súng bán tự động hoặc tự động hoàn toàn, sử dụng cơ chế lò xo nạp sẵn.</li> <li>+ Tương thích với nhiều loại kim sinh thiết.</li> <li>+ Thích hợp sử dụng với siêu âm.</li> <li>+ Có thể tái sử dụng.</li> <li>- Đóng gói: Súng và kim đóng gói riêng biệt, vô trùng sẵn.</li> </ul> |
| 132.2 |                  | Kim sinh thiết thận dưới siêu âm                               | Cái         | <p>Kim dùng trong sinh thiết thận dưới hướng dẫn siêu âm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: cỡ 16G hoặc 18G, chiều dài trong phạm vi từ 15cm đến 20cm</li> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ y tế, độ sắc bén cao.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Tương thích với nhiều loại súng sinh thiết.</li> <li>+ Thích hợp sử dụng dưới hướng dẫn của siêu âm.</li> <li>+ Có thể tái sử dụng.</li> <li>- Đóng gói: Đóng gói riêng biệt, vô trùng sẵn.</li> </ul>                                                                             |
| 133   | PP2600<br>037555 | Kim định vị và dùi cuống cung dùng trong phẫu thuật ít xâm lấn | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Thân kim được bọc lớp cách điện.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Đầu kim có 2 dạng hình mũi vát và hình kim cương.</li> <li>+ Trên thân kim có vạch hiện thị chiều sâu. (Chiều sâu tối đa 35mm).</li> <li>+ Tay cầm hình chữ T.</li> <li>+ Tương thích với hệ thống theo dõi chức năng thần kinh tủy sống (NVM5) để cảnh báo trong quá trình dùi cuống cung.</li> </ul>                                                                                                                               |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                  | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|------------------|----------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 134 | PP2600<br>037556 | Kim đốt điện cực cao tần<br>RFA đầu thẳng các cỡ   | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài đầu điện cực 3cm, thân kim dài 20cm đến 25cm.</li> <li>- Chất liệu: Hợp kim thép y tế không gỉ, cách nhiệt tay cầm và dây dẫn bằng polymer y sinh học.</li> <li>- Đặc tính: Kim đốt đầu lạnh, sử dụng sóng cao tần (RF), tần số từ 460kHz đến 500kHz, kim đơn cực.</li> <li>- Đóng gói: Bao đơn vô trùng gồm kim RFA, cáp nối tẩm điện cực.</li> <li>- Yêu cầu khác: Cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ khi trúng thầu.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 135 | PP2600<br>037557 | Kim đốt sóng cao tần đầu<br>đốt cố định            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Kim có nhiều kích thước, độ dài và đầu phát nhiệt khác nhau.</li> <li>+ Đường kính kim: Từ 15G đến 19G.</li> <li>+ Chiều dài từ 70mm đến 350mm.</li> <li>+ Chiều dài đầu hoạt động (đầu phát nhiệt): 4mm, 5mm, 7mm, 10mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 40mm.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Cấu hình 1 bộ gồm kim đốt sóng cao tần, bộ dây dẫn nước làm mát đầu kim và bản cực trung tính gắn liền cáp nối.</li> <li>+ Kim đốt có hệ thống làm lạnh bên trong;</li> <li>+ Kim đốt sóng cao tần đầu đốt cố định gồm: loại kim đốt phát sóng cao tần đồng đều dọc theo đầu hoạt động và loại kim đốt chỉ phát sóng cao tần ở một bên của đầu hoạt động.</li> <li>- Yêu cầu khác: Cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ khi trúng thầu.</li> </ul> |
| 136 | PP2600<br>037558 | Kim đốt sóng cao tần thay<br>đổi chiều dài đầu đốt | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Các cỡ từ 15G đến 19G.</li> <li>+ Chiều dài làm việc từ 50mm đến 350mm.</li> <li>+ Chiều dài đầu hoạt động (đầu phát nhiệt): có loại kim điều chỉnh được trong khoảng từ 5mm đến 15mm (mỗi bước 2.5mm), có loại kim điều chỉnh từ 5mm đến 30mm (mỗi bước 5mm) và có loại kim điều chỉnh được trong khoảng từ 15mm đến 40mm (mỗi bước 5mm).</li> <li>- Đặc tính: Cấu hình 1 bộ gồm kim đốt sóng cao tần, bộ dây dẫn nước làm mát đầu kim và bản cực trung tính gắn liền cáp nối.</li> <li>- Yêu cầu khác: Cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ khi trúng thầu.</li> </ul>                                                                                                                                                                   |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                    | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|------------------|------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 137 | PP2600<br>037559 | Kim đốt sóng cao tần<br>chùm 3 kim                   | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:<br/>+ Đường kính kim: 15G, 17G.</li> <li>+ Chiều dài làm việc có 02 kích thước: 150mm và 200mm.</li> <li>+ Chiều dài đầu hoạt động (đầu phát nhiệt) từ 20mm đến 50mm</li> <li>- Đặc tính: Cấu hình 1 bộ gồm: chùm 03 kim đốt sóng cao tần có thể tách rời, bộ dây dẫn nước làm mát đầu kim và bản cực trung tính gắn liền cáp nối.</li> <li>- Yêu cầu khác: Cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ khi trúng thầu.</li> </ul> |
| 138 | PP2600<br>037560 | Dây đốt điện đơn cực                                 | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài cáp 3m (<math>\pm 10\%</math>).</li> <li>- Chất liệu: Nhựa chịu nhiệt cao, cách điện.</li> <li>- Đặc tính: Có nút cắt và cầm máu, sử dụng 1 lần.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng, 1 cái/gói.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                          |
| 139 | PP2600<br>037561 | Kim châm cứu các cỡ                                  | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:<br/>0,3mm x 25mm;<br/>0,3mm x 40mm</li> <li>- Chất liệu: Cán kim được cuộn bằng sợi thép.</li> <li>- Đặc tính: Thân kim nhỏ, đầu kim sắc nhọn.</li> <li>- Đóng gói: 1 cây 1 ô riêng lẻ. Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                             |
| 140 | PP2600<br>037562 | Kim đẩy chỉ các cỡ                                   | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 0,30mm x 33mm</li> <li>- Chất liệu: Cán kim được cuộn bằng sợi thép.</li> <li>- Đặc tính: Thân kim được làm bằng thép y tế không gỉ. Mũi kim đầu bằng không có gờ ráp, cong móc</li> <li>- Đóng gói: 1cây 1 ô riêng lẻ. Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                             |
| 141 | PP2600<br>037563 | Kim dùng cho súng khâu<br>chóp xoay khớp vai các cỡ  | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ</li> <li>- Đặc tính: Kim dùng cho súng khâu chóp xoay khớp vai. Mũi kim phủ Polymer phù hợp xuyên chỉ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 142 | PP2600<br>037564 | Dây truyền dịch 20giọt/ml<br>có đầu khóa Luer lock   | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Dài tối thiểu 150cm.</li> <li>- Chất liệu: Ống dây PVC mềm, không chứa DEHP.</li> <li>- Đặc tính: Dây truyền dịch có lỗ thông khí và màng lọc hydrophobic ngăn chặn vi khuẩn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                 |
| 143 | PP2600<br>037565 | Dây truyền dịch 60 giọt/ml<br>có bầu pha thuốc 150ml | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Có bầu pha thuốc 150ml, đếm giọt 60 giọt/ml.</li> <li>- Đặc tính: Kẹp cuộn điều chỉnh tốc độ, dây trong suốt. Cổng tiêm chữ Y. Không chứa DEHP.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                              |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|------------------|-----------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 144 | PP2600<br>037566 | Dây truyền dịch có màng lọc       | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Độ dài dây truyền tối thiểu 170cm.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kim sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh.</li> <li>+ Buồng nhỏ giọt làm từ nhựa PVC nguyên sinh.</li> <li>+ Van khóa điều chỉnh và bánh xe bằng nhựa ABS nguyên sinh.</li> <li>+ Ống dây dẫn làm từ nhựa PVC nguyên sinh.</li> </ul> </li> <li>- Đặc tính: Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Khớp nối luerlock gắn liền với kim luồn.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                                                                                                 |
| 145 | PP2600<br>037567 | Dây truyền dịch không có màng lọc | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Độ dài dây truyền tối thiểu 170cm.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Van khóa điều chỉnh và bánh xe bằng nhựa ABS nguyên sinh.</li> <li>+ Ống dây dẫn làm từ nhựa PVC nguyên sinh.</li> </ul> </li> <li>- Đặc tính: Không có màng lọc.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 146 | PP2600<br>037568 | Dây nhựa 6mm                      | Cuộn        | <ul style="list-style-type: none"> <li>Kích thước: 6mm x 40 mét (<math>\pm 10\%</math>).</li> <li>Chất liệu: Nhựa trắng trong.</li> <li>Đặc tính: Dây dẻo, trơn, dây dày vừa đủ cứng để không bị xẹp khi hút dịch có áp lực.</li> <li>Đóng gói: 40 mét/cuộn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 147 | PP2600<br>037569 | Dây nhựa 8mm                      | Cuộn        | <ul style="list-style-type: none"> <li>Kích thước: 8mm x 40 mét (<math>\pm 10\%</math>).</li> <li>Chất liệu: Nhựa trắng trong.</li> <li>Đặc tính: Dây dẻo, trơn, dây dày vừa đủ cứng để không bị xẹp khi hút dịch có áp lực.</li> <li>Đóng gói: 40 mét/cuộn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 148 | PP2600<br>037570 | Dây truyền máu                    | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài tối thiểu 180cm. Kim cỡ 18G x 1 1/2 inch. Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc 200<math>\mu</math>m.</li> <li>- Chất liệu: Dây dẫn làm từ chất liệu PVC. Kim làm bằng thép không gỉ.</li> <li>Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn.</li> <li>+ Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch.</li> <li>+ Dây dẫn có độ đàn hồi.</li> <li>+ Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay.</li> <li>+ Tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml.</li> </ul> </li> <li>- Xuất xứ: ASEAN hoặc G7.</li> </ul> |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                              | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 149 | PP2600<br>037571 | Dây nối bơm tiêm điện<br>140cm                                 | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài dây tối thiểu 140cm.</li> <li>- Chất liệu: Đầu nối khóa luerlock làm từ nhựa nguyên sinh.</li> <li>- Đặc tính: Đầu nối Luer Lock chịu áp lực cao, chống rò rỉ. Có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                                                        |
| 150 | PP2600<br>037572 | Dây bơm thuốc cân quang<br>dài tối thiểu 150cm                 | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài tối thiểu 150cm.</li> <li>- Chất liệu: Vật liệu làm bằng PVC, Nylon/Polyurethane.</li> <li>- Đặc tính: Chịu áp lực từ 500psi, 900psi, 1200psi.</li> </ul>                                                                                                                                                                         |
| 151 | PP2600<br>037573 | Bộ dây truyền chống gập<br>kèm túi chứa dịch giảm<br>đau 200ml | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Túi chứa dịch tối thiểu 200ml.</li> <li>- Chất liệu: Nhựa PVC.</li> <li>- Đặc tính: Có cổng bơm vào túi với dây truyền dịch chống gập dài tối thiểu 150cm, bằng PVC. Giảm đau lập trình bơm tự động ngắt quãng PIEB.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> <li>- Yêu cầu khác: Cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ khi trúng thầu.</li> </ul> |
| 152 | PP2600<br>037574 | Khóa ba ngã chịu áp lực<br>cao                                 | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: PC, PP, SI.</li> <li>- Đặc tính: Không dây. Không có chất DEHP. Có thể xoay 360 độ. Chịu áp lực.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                  |
| 153 | PP2600<br>037575 | Khóa ba ngã có dây dài<br>25cm                                 | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài dây tối thiểu 25cm.</li> <li>- Chất liệu: Thân khóa làm bằng nhựa Polycarbonate (PC)</li> <li>- Đặc tính: Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock. Chạc ba có nòng trơn nhẵn, góc xoay 360 độ. Có khóa chặn dòng. Khóa chịu được áp lực cao.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul> |
| 154 | PP2600<br>037576 | Găng tay cao su khám<br>bệnh có bột các cỡ                     | Đôi         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài tối thiểu 230mm. Các cỡ</li> <li>- Chất liệu: Cao su thiên nhiên.</li> <li>- Đặc tính: Có phủ bột.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                     |
| 155 | PP2600<br>037577 | Găng tay phẫu thuật tiệt<br>trùng các cỡ                       | Đôi         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài tối thiểu 260mm. Các cỡ.</li> <li>- Chất liệu: Cao su thiên nhiên.</li> <li>- Đặc tính: Có phủ bột.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng và đóng gói từng đôi riêng biệt.</li> </ul>                                                                                                                                                   |
| 156 | PP2600<br>037578 | Găng tay cao su khám<br>bệnh không có bột các cỡ               | Đôi         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài tối thiểu 230mm. Các cỡ.</li> <li>- Chất liệu: Cao su thiên nhiên.</li> <li>- Đặc tính: Không có phủ bột.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                              |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa             | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|------------------|-----------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 157 | PP2600<br>037579 | Khăn gói dụng cụ 100cm x 100cm                | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (100cm x 100cm) (<math>\pm 2</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Vải không dệt SMMS 50gsm.</li> <li>- Đặc tính: Chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện.</li> <li>- Đóng gói: Có thể tiệt trùng bằng EO, hấp ướt, Plasma.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 158 | PP2600<br>037580 | Khăn gói dụng cụ 120cm x 120cm                | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (120cm x 120cm) (<math>\pm 2</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Vải không dệt SMMS 50gsm.</li> <li>- Đặc tính: Chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện.</li> <li>- Đóng gói: Có thể tiệt trùng bằng EO, hấp ướt, Plasma.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 159 | PP2600<br>037581 | Túi ép dùng cho máy hấp autolave 100mm x 200m | Cuộn        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 100mm x 200m (<math>\pm 10</math>m).</li> <li>- Chất liệu: Một mặt được làm bằng giấy y tế dày tối thiểu 60gr, một mặt là lớp phim trong suốt, dày tối thiểu 52<math>\mu</math>m. Túi gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp phim.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp.</li> <li>+ Có tối thiểu 3 đường hàn nhiệt chắc chắn.</li> <li>+ Phù hợp cho hai loại tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO.</li> </ul> </li> <li>- Yêu cầu khác: Cam kết cung cấp máy ép túi khi trúng thầu.</li> </ul>          |
| 160 | PP2600<br>037582 | Túi ép dùng cho máy hấp autolave 200mm x 200m | Cuộn        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 200mm x 200m (<math>\pm 10</math>m).</li> <li>- Chất liệu: Một mặt được làm bằng giấy y tế dày tối thiểu 60gr, một mặt là lớp phim trong suốt, dày tối thiểu 52<math>\mu</math>m. Túi gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp phim.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp.</li> <li>+ Có tối thiểu 3 đường hàn nhiệt chắc chắn.</li> <li>+ Phù hợp cho hai loại tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO.</li> </ul> </li> <li>- Yêu cầu khác: Nhà thầu cam kết cung cấp máy ép túi khi trúng thầu.</li> </ul> |



| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                 | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|------------------|---------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 161 | PP2600<br>037583 | Túi ép dùng cho máy hấp autolave 250mm x 200m     | Cuộn        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 250mm x 200m (<math>\pm 10</math>m).</li> <li>- Chất liệu: Một mặt được làm bằng giấy y tế dày tối thiểu 60gr, một mặt là lớp phim trong suốt, dày tối thiểu 52<math>\mu</math>m. Túi gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp phim.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp.</li> <li>+ Có tối thiểu 3 đường hàn nhiệt chắc chắn.</li> <li>+ Phù hợp cho hai loại tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO.</li> </ul> </li> <li>- Yêu cầu khác: Nhà thầu cam kết cung cấp máy ép túi khi trúng thầu.</li> </ul> |
| 162 | PP2600<br>037584 | Túi ép dùng cho máy hấp autolave 300mm x 200m     | Cuộn        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 300mm x 200m (<math>\pm 10</math>m).</li> <li>- Chất liệu: Một mặt được làm bằng giấy y tế dày tối thiểu 60gr, một mặt là lớp phim trong suốt, dày tối thiểu 52<math>\mu</math>m. Túi gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp phim.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp.</li> <li>+ Có tối thiểu 3 đường hàn nhiệt chắc chắn.</li> <li>+ Phù hợp cho hai loại tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO.</li> </ul> </li> <li>- Yêu cầu khác: Nhà thầu cam kết cung cấp máy ép túi khi trúng thầu.</li> </ul> |
| 163 | PP2600<br>037585 | Túi ép dùng cho máy hấp autolave 350mm x 200m     | Cuộn        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 350mm x 200m (<math>\pm 10</math>m).</li> <li>- Chất liệu: Một mặt được làm bằng giấy y tế dày tối thiểu 60gr, một mặt là lớp phim trong suốt, dày tối thiểu 52<math>\mu</math>m. Túi gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp phim.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp.</li> <li>+ Có tối thiểu 3 đường hàn nhiệt chắc chắn.</li> <li>+ Phù hợp cho hai loại tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO.</li> </ul> </li> <li>- Yêu cầu khác: Nhà thầu cam kết cung cấp máy ép túi khi trúng thầu.</li> </ul> |
| 164 | PP2600<br>037586 | Túi ép dùng cho máy hấp nhiệt độ thấp Plasma 75mm | Cuộn        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều rộng 75mm (<math>\pm 2</math>mm), chiều dài tối thiểu 70m.</li> <li>- Chất liệu: Cấu tạo bằng sợi polyethylene.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chỉ thị chuyển từ màu đỏ qua màu vàng sau khi hấp.</li> <li>+ Tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp.</li> </ul> </li> <li>- Yêu cầu khác: Nhà thầu cam kết cung cấp máy ép túi khi trúng thầu.</li> </ul>                                                                                                                                         |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                  | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|------------------|----------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 165 | PP2600<br>037587 | Túi ép dùng cho máy hấp nhiệt độ thấp Plasma 100mm | Cuộn        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều rộng 100mm (<math>\pm 2</math>mm), chiều dài tối thiểu 70m.</li> <li>- Chất liệu: Cấu tạo bằng sợi polyethylene.</li> <li>- Đặc tính: Chỉ thị chuyển từ màu đỏ qua màu vàng sau khi hấp.</li> <li>- Yêu cầu khác: Tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp. Nhà thầu cam kết cung cấp máy ép túi khi trúng thầu.</li> </ul>        |
| 166 | PP2600<br>037588 | Túi ép dùng cho máy hấp nhiệt độ thấp Plasma 150mm | Cuộn        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều rộng 150mm (<math>\pm 2</math>mm), chiều dài tối thiểu 70m.</li> <li>- Chất liệu: Cấu tạo bằng sợi polyethylene.</li> <li>- Đặc tính: Chỉ thị chuyển từ màu đỏ qua màu vàng sau khi tiệt trùng.</li> <li>- Yêu cầu khác: Tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp. Nhà thầu cam kết cung cấp máy ép túi khi trúng thầu.</li> </ul> |
| 167 | PP2600<br>037589 | Túi ép dùng cho máy hấp nhiệt độ thấp Plasma 200mm | Cuộn        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều rộng 200mm (<math>\pm 2</math>mm), chiều dài tối thiểu 70m.</li> <li>- Chất liệu: Cấu tạo bằng sợi polyethylene.</li> <li>- Đặc tính: Chỉ thị chuyển từ màu đỏ qua màu vàng sau khi hấp.</li> <li>- Yêu cầu khác: Tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp. Nhà thầu cam kết cung cấp máy ép túi khi trúng thầu.</li> </ul>        |
| 168 | PP2600<br>037590 | Túi ép dùng cho máy hấp nhiệt độ thấp Plasma 250mm | Cuộn        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều rộng 250mm (<math>\pm 2</math>mm), chiều dài tối thiểu 70m.</li> <li>- Chất liệu: Cấu tạo bằng sợi polyethylene.</li> <li>- Đặc tính: Chỉ thị chuyển từ màu đỏ qua màu vàng sau khi hấp.</li> <li>- Yêu cầu khác: Tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp. Nhà thầu cam kết cung cấp máy ép túi khi trúng thầu.</li> </ul>        |
| 169 | PP2600<br>037591 | Túi ép dùng cho máy hấp nhiệt độ thấp Plasma 350mm | Cuộn        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều rộng 350mm (<math>\pm 2</math>mm), chiều dài tối thiểu 70m.</li> <li>- Chất liệu: Cấu tạo bằng sợi polyethylene</li> <li>- Đặc tính: Chỉ thị chuyển từ màu đỏ qua màu vàng sau khi hấp.</li> <li>- Yêu cầu khác: Tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp. Nhà thầu cam kết cung cấp máy ép túi khi trúng thầu.</li> </ul>         |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa              | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|------------------|------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 170 | PP2600<br>037592 | Túi ép phồng dùng cho máy hấp ước 350mm x 100m | Cuộn        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 350mm x 100m (<math>\pm 10</math>m).</li> <li>- Chất liệu: Một mặt được làm bằng giấy y tế dày tối thiểu 60gr, một mặt là lớp phim trong suốt, dày tối thiểu 52<math>\mu</math>m</li> <li>- Đặc tính: Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. Phù hợp cho hai loại tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO.</li> <li>- Yêu cầu khác: Nhà thầu cam kết cung cấp máy ép túi khi trúng thầu.</li> </ul> |
| 171 | PP2600<br>037593 | Cassette nhựa (cho giải phẫu bệnh lý)          | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Có lỗ hình chữ nhật kích thước 5mm x 1mm.</li> <li>- Chất liệu: POM.</li> <li>- Đặc tính: Cassette liền nắp. Chống lại 100% tác động hóa học của dung môi mô học.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                             |
| 172 | PP2600<br>037594 | Túi chứa dịch 5 lít                            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Thể tích 5 lít.</li> <li>- Chất liệu: Chất liệu PVC, không có DEHP, không có Latex.</li> <li>- Đặc tính: Có đầu nối.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 173 | PP2600<br>037595 | Túi chứa dịch thải các cỡ 250ml và 1000ml      | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 250ml và 1000ml</li> <li>- Chất liệu: Phin lọc kháng khuẩn. Chất liệu nhựa vinyl có phủ polyethylene.</li> <li>- Đặc tính: Túi chứa dịch thải từ vết thương, dùng 1 lần, có chứa gel tạo đông.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                |
| 174 | PP2600<br>037596 | Túi đựng nước thải 10 lít                      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Thể tích túi 10 lít</li> <li>- Đặc tính: Dùng để đựng nước thải trong điều trị lọc máu liên tục.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 175 | PP2600<br>037597 | Túi xả 15 lít                                  | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Thể tích 15 lít.</li> <li>- Đặc tính: Chứa dịch xả sử dụng được máy Homechoice.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 176 | PP2600<br>037598 | Bộ hút đàm vô trùng 25ml                       | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Thể tích 25ml.</li> <li>- Đặc tính: Dây hút mềm không bị cứng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 177 | PP2600<br>037599 | Lọ cấy đàm vô trùng                            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc tính: Dùng lấy đàm cho bệnh nhân thở máy.- Đóng gói: Vô trùng từng cái.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 178 | PP2600<br>037600 | Lọ nhựa đựng bệnh phẩm 50ml có nắp             | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Thể tích 50ml (<math>\pm 5</math>ml).</li> <li>- Chất liệu: Nhựa.</li> <li>- Đặc tính: Có nắp.</li> <li>- Đóng gói: đóng gói riêng từng cái.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                  |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa     | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                           |
|-----|------------------|---------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 179 | PP2600<br>037601 | Ống nghiệm nhựa có nắp 16mm           | Cái         | - Kích thước: 100mm x 16mm.<br>- Chất liệu: Nhựa trong.                                                                                                              |
| 180 | PP2600<br>037602 | Tube chimigly                         | Cái         | - Kích thước: Thể tích 5ml ( $\pm$ 1ml).<br>- Chất liệu: Nhựa.<br>- Đặc tính: Chứa chất chống đông Sodium Flouride (NaF) và Ethylene Diaminetetraacetic Acid (EDTA). |
| 181 | PP2600<br>037603 | Tube citrat                           | Cái         | - Kích thước: Thể tích chứa 5ml ( $\pm$ 1ml).<br>- Chất liệu: Nhựa.<br>- Đặc tính: Chứa chất chống đông Citrate 3.2%.                                                |
| 182 | PP2600<br>037604 | Tube đựng huyết thanh 1,5ml nắp trắng | Cái         | - Kích thước: Thể tích 1,5ml.<br>- Chất liệu: Nhựa.<br>- Đặc tính: Có nắp màu trắng.                                                                                 |
| 183 | PP2600<br>037605 | Tube EDTA có nắp cao su               | Cái         | - Kích thước: Thể tích 5ml ( $\pm$ 1ml).<br>- Chất liệu: Nhựa.<br>- Đặc tính: Chứa chất chống đông Ethylene Diaminetetraacetic Acid (EDTA). Nắp cao su.              |
| 184 | PP2600<br>037606 | Tube Hemolyse có nắp                  | Cái         | - Kích thước: Thể tích 5ml ( $\pm$ 1ml).<br>- Chất liệu: Nhựa.<br>- Đặc tính: Nắp nhựa màu trắng.                                                                    |
| 185 | PP2600<br>037607 | Tube Hemolyse không nắp               | Cái         | - Kích thước: Thể tích 5ml ( $\pm$ 1ml).<br>- Chất liệu: Nhựa.<br>- Đặc tính: Không nắp.                                                                             |
| 186 | PP2600<br>037608 | Tube Heparine                         | Cái         | - Kích thước: Thể tích 5ml ( $\pm$ 1ml).<br>- Chất liệu: Nhựa.<br>- Đặc tính: Chứa chất chống đông Heparin Lithium.                                                  |
| 187 | PP2600<br>037609 | Tube Serumplast 5ml                   | Cái         | - Kích thước: Thể tích 5ml ( $\pm$ 1ml).<br>- Chất liệu: Nhựa.<br>- Đặc tính: Có nắp màu đỏ, có chứa hạt nhựa Poly styrene.                                          |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                           | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 188 | PP2600<br>037610 | Ống lấy máu chân không chứa chất kích hoạt đông máu         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 13mm x 75mm. Thể tích 4ml.</li> <li>- Chất liệu: PET.</li> <li>- Đặc tính: Chất bổ sung: các hạt silica siêu nhỏ.</li> <li>- Yêu cầu khác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thành ống có phủ silicone.</li> <li>+ Nắp thiết kế hai lớp, không có latex.</li> <li>+ Nắp cao su cho phép kim chọc mẫu xuyên qua, ngăn chặn mảnh vụn rơi xuống mẫu máu.</li> <li>+ Có vạch chỉ thị lượng máu cần lấy trong khoảng chênh lệch <math>\pm 10\%</math></li> <li>+ Vô khuẩn bằng phương pháp chiếu xạ.</li> </ul> </li> </ul>          |
| 189 | PP2600<br>037611 | Ống lấy máu chân không chứa EDTA                            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 13mm x 75mm. Thể tích 4ml</li> <li>- Chất liệu: PET.</li> <li>- Đặc tính: có bổ sung 7.2mg EDTA K2 dạng phun khô.</li> <li>- Yêu cầu khác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nắp thiết kế hai lớp, không có latex.</li> <li>+ Nắp cao su cho phép kim chọc mẫu xuyên qua, ngăn chặn mảnh vụn rơi xuống mẫu máu.</li> <li>+ Có vạch chỉ thị lượng máu cần lấy trong khoảng chênh lệch <math>\pm 10\%</math></li> <li>+ Vô khuẩn bằng phương pháp chiếu xạ.</li> </ul> </li> </ul>                                                |
| 190 | PP2600<br>037612 | Ống lấy máu chân không chứa chất chống đông Lithium Heparin | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 13mm x 75mm. Thể tích 4ml</li> <li>- Chất liệu: PET.</li> <li>- Đặc tính: có chất bổ sung Lithium Heparin 17IU/ml dạng phun khô.</li> <li>- Yêu cầu khác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nắp thiết kế hai lớp, không có latex.</li> <li>+ Nắp cao su cho phép kim chọc mẫu xuyên qua, ngăn chặn mảnh vụn rơi xuống mẫu máu.</li> <li>+ Có vạch chỉ thị lượng máu cần lấy trong khoảng chênh lệch <math>\pm 10\%</math></li> <li>+ Vô khuẩn bằng phương pháp chiếu xạ.</li> </ul> </li> </ul>                                 |
| 191 | PP2600<br>037613 | Ống nhựa lấy máu chân không chứa chất chống đông citrate    | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 13mm x 75mm. Thể tích 1,8ml</li> <li>- Chất liệu: nhựa PP và PET.</li> <li>- Đặc tính: Chất chống đông Sodium citrate 3,2%.</li> <li>- Yêu cầu khác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có vạch chỉ thị lượng máu tối thiểu, dạng vòng mờ 360.</li> <li>+ Ống thiết kế 2 lớp giảm thiểu tối đa khoảng không.</li> <li>+ Nắp thiết kế hai lớp, không có latex.</li> <li>+ Nắp cao su cho phép kim chọc mẫu xuyên qua, ngăn chặn mảnh vụn rơi xuống mẫu máu.</li> <li>+ Vô khuẩn bằng phương pháp chiếu xạ.</li> </ul> </li> </ul> |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa     | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------------|---------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 192 | PP2600<br>037614 | Túi chứa nước tiểu 2000ml có dây treo | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Kích cỡ 2000ml, độ dày tối thiểu 1,2mm.</li> <li>- Chất liệu: Nhựa y tế PVC.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu ít (25ml).</li> <li>+ Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược. Có quai treo bằng nhựa PVC.</li> <li>+ Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng.</li> <li>+ Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide.</li> </ul> </li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul> |
| 193 | PP2600<br>037615 | Túi hậu môn nhân tạo                  | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 70mm</li> <li>- Chất liệu: Hydrocolloid</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dính vào da có độ pH từ 4.0 - 5.5.</li> <li>+ Với thành phần Hydrocolloid, có cấu trúc liên kết vật lý Styrene-Isoprene-Styrene giúp dễ dán dễ kháng mạnh với các chất ăn mòn.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                               |
| 194 | PP2600<br>037616 | Airway mở đường thở các số            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Các số 1, 2, 3.</li> <li>- Chất liệu: Nhựa y tế.</li> <li>- Đặc tính: Dùng để mở đường thở.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng từng cái.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 195 | PP2600<br>037617 | Cannula ECMO động mạch 1 nòng         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Có nhiều kích thước trong phạm vi từ 15F đến 23F. Chiều dài tối thiểu 15cm.</li> <li>- Chất liệu: Thân bằng polyurethane.</li> <li>- Đặc tính: Cannula chèn qua da qua dây dẫn 0.038 inch.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 196 | PP2600<br>037618 | Cannula ECMO tĩnh mạch 1 nòng         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Có nhiều kích thước trong phạm vi từ 19F đến 29F. Chiều dài tối thiểu 38cm.</li> <li>- Chất liệu: Thân bằng polyurethane.</li> <li>- Đặc tính: Cannula có thể được chèn qua da qua dây dẫn 0.038 inch.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 197 | PP2600<br>037619 | Mở khí quản có bóng các số            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Số 6, 6.5, 7, 7.5, 8.0, 8.5.</li> <li>- Chất liệu: Nhựa PVC.</li> <li>- Đặc tính: Độ cong chuẩn 105 độ, có đường cân quang trên thân ống.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng từng cái.</li> <li>- Yêu cầu khác: Cánh trong suốt, có in ID, OD và chiều dài ống.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                     |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa              | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|------------------|------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 198 | PP2600<br>037620 | Mở khí quản 2 nòng các số                      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Kích cỡ ống: 6.5mm, 7.0mm, 7.5mm, 8.0mm, 8.5mm.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thân ống có vạch cân quang.</li> <li>+ Đầu ống thiết kế vát hạn chế tổn thương.</li> <li>+ Thiết kế 2 nòng, có nòng trong có thể tái sử dụng nhiều lần.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                           |
| 199 | PP2600<br>037621 | Mở khí quản hút dịch trên bóng chèn            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Kích cỡ ống: 6.5mm, 7.0mm, 7.5mm, 8.0mm, 8.5mm.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có hút dịch trên bóng hạn chế đọng dịch trên bóng chèn.</li> <li>+ Thân ống có vạch cân quang. Đầu ống thiết kế vát hạn chế tổn thương.</li> <li>+ Thiết kế 2 nòng, có nòng trong có thể tái sử dụng nhiều lần.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                   |
| 200 | PP2600<br>037622 | Nội khí quản chuyên dụng đặt đường mũi có bóng | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Các số 5, 5.5, 6, 6.5, 7.0.</li> <li>- Chất liệu: Vật liệu trong suốt PVC phủ silicone.</li> <li>- Đặc tính: Ống có đường cân quang tia X, vạch đánh dấu chiều dài, hình dạng cong thích hợp đặt đường mũi.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng từng cái.</li> </ul>                                                                                                                                                                                         |
| 201 | PP2600<br>037623 | Nội khí quản lò xo các cỡ                      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Ống gồm các cỡ: 5, 5.5, 6, 6.5, 7, 7.5.</li> <li>- Chất liệu: Nhựa PVC, bên trong có lò xo.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ống nội khí quản có bóng, bên trong có lò xo.</li> <li>+ Ống có đường cân quang tia X, vạch đánh dấu chiều dài.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul>                                                                                                                         |
| 202 | PP2600<br>037624 | Nội khí quản 2 nòng trái/phải các số           | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Ống nội phế quản 2 nòng trái/phải số 28, 32, 35, 37, 39.</li> <li>- Chất liệu: Làm từ nguyên liệu PVC phủ silicone.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường cân quang chạy dọc theo thân ống, hai đường ống phân biệt rõ ràng bằng màu sắc.</li> <li>+ Bộ co nối gồm: Co Y, 2 co nối, 2 ống nối bằng silicon có kẹp, 2 co xoay, 2 bóng thể tích lớn, áp lực thấp, bóng phế quản phải có hình chữ P.</li> </ul> </li> </ul> |
| 203 | PP2600<br>037625 | Ống nội khí quản có bóng các số                | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Các số.</li> <li>- Chất liệu: Nhựa PVC.</li> <li>- Đặc tính: Đường cân quang trên ống.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng từng cái.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa           | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|------------------|---------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 204 | PP2600<br>037626 | Ống nội khí quản có hút dịch trên bóng chèn | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Kích cỡ ống các số 6.5mm, 7.0mm, 7.5mm, 8.0mm.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có hút dịch trên bóng hạn chế đọng dịch trên bóng chèn. Có lỗ bên (mắt murphy) đảm bảo thông khí.</li> <li>+ Thân ống có vạch cân quang kết hợp 2 vạch tròn trên bóng hỗ trợ đặt bóng đúng vị trí.</li> </ul> </li> </ul>                                          |
| 205 | PP2600<br>037627 | Cây dẫn đường đặt nội khí quản              | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 15Fr/5mm. Chiều dài tối thiểu 700mm.</li> <li>- Chất liệu: Bọc nhựa Polymer tổng hợp, không latex.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó Bougie đầu cong nhẹ (Coudé angled tip).</li> <li>+ Có các vạch chia đánh dấu rõ ràng trên thân ống.</li> <li>+ Dùng cho ống nội khí quản 6.0 - 11.0.</li> </ul> </li> </ul> |
| 206 | PP2600<br>037628 | Bộ chèn dưới da dùng cho ECMO               | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Ống tiêm 10ml. Kim 18G.</li> <li>+ Các ống nong mạch máu kích thước trong phạm vi từ 10F đến 18F.</li> <li>+ Dây dẫn đường: 0.038 inch, đầu chữ J, chiều dài tối thiểu 100cm (cho động mạch), chiều dài tối thiểu 150cm (cho tĩnh mạch).</li> </ul>                                                                                                                             |
| 207 | PP2600<br>037629 | Ống thông tiểu 1 nhánh các số               | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Từ 6Fr đến 24Fr. Chiều dài 40cm</li> <li>- Chất liệu: PVC mềm.</li> <li>- Đặc tính: Lỗ dẫn lưu so le. Co nổi hình phễu.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                              |
| 208 | PP2600<br>037630 | Ống thông tiểu 2 nhánh các số               | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Từ 12Fr đến 30Fr.</li> <li>- Chất liệu: Vật liệu cao su thiên nhiên phủ silicone, không chứa DEHP.</li> <li>- Đặc tính: Tốc độ dòng cao 130 - 1450ml/phút. Có bóng. Đầu ống có 2 lỗ dẫn lưu lớn. Sử dụng lên đến 14 ngày.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                             |
| 209 | PP2600<br>037631 | Ống thông tiểu 3 nhánh các số               | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Từ 16Fr đến 26Fr.</li> <li>- Chất liệu: Vật liệu cao su thiên nhiên phủ silicone, không chứa DEHP.</li> <li>- Đặc tính: Tốc độ dòng cao 240- 1070ml/phút. Có bóng. Đầu ống có 3 lỗ dẫn lưu lớn. Sử dụng lên đến 14 ngày.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                              |



| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa        | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|------------------|------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 210 | PP2600<br>037632 | Sonde hậu môn                            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Số 28</li> <li>- Chất liệu: Nhựa PVC nguyên sinh.</li> <li>- Đặc tính: Dây dẫn dài 400mm.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 211 | PP2600<br>037633 | Ống thông ổ bụng                         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Số 28.</li> <li>- Chất liệu: Cao su thiên nhiên.</li> <li>- Đặc tính: Có các lỗ trên đầu ống.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng từng cái.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 212 | PP2600<br>037634 | Thông Pezzer                             | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Số 24.</li> <li>- Chất liệu: Cao su thiên nhiên.</li> <li>- Đặc tính: Thân rộng dùng dẫn lưu túi mật.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng từng cái.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 213 | PP2600<br>037635 | Thông Black more                         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài tối thiểu 120cm.</li> <li>- Đặc tính: Có 2 bóng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 214 | PP2600<br>037636 | Bộ ống thông mở bàng quang qua da các cỡ | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Từ 14Fr đến 18Fr.</li> <li>- Chất liệu: Silicone hoặc PVC.</li> <li>- Đóng gói: Bộ vô trùng sử dụng 1 lần.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 215 | PP2600<br>037637 | Bộ ống thông mở thận qua da các cỡ       | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Bộ gồm 1 ống thông, 2 mũi kim trocar, 3 ống nong, 1 thiết bị cố định, 1 dây dẫn, 1 stopcock, 1 lưới dao phẫu thuật.</li> <li>+ Ống thông 8Fr, 10Fr có chiều dài 30cm;</li> <li>+ 1 Mũi kim trocar 21G và 1 mũi kim trocar 19G kèm vỏ bọc PTFE 5Fr;</li> <li>+ Ống nong fascial 6Fr - 10Fr;</li> <li>+ Dây dẫn đường 0.038 inch có chiều dài 150cm;</li> <li>+ Bộ cố định ống thông;</li> <li>+ Ống nối với Stopcock;</li> <li>+ Lưới dao phẫu thuật số 11.</li> <li>- Chất liệu: Ống thông đuôi lợn C-Flex; dây dẫn đường cứng phủ PTFE đầu "J". Không chứa cao su tự nhiên (latex).</li> <li>- Đặc tính: Ống thông 1 nòng có cổng tiêm để bơm thuốc cản quang hoặc dẫn lưu, có vạch đánh dấu. Thời gian đặt ống thông 90 ngày.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> <li>- Xuất xứ: G7</li> </ul> |
| 216 | PP2600<br>037638 | Ống thông Folley niệu đạo 3 vôi các cỡ   | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Từ 16Fr đến 26Fr.</li> <li>- Chất liệu: 100% silicone.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thể tích bóng từ 30ml/cc đến 45ml/cc.</li> <li>+ Tốc độ dòng cao: 243ml - 1073ml/phút.</li> <li>+ Không chứa DEHP, có đường cản quang.</li> <li>+ Sử dụng lên đến 30 ngày.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|------------------|--------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 217 | PP2600<br>037639 | Ống thông JJ silicone các cỡ                     | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 4.8Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr; chiều dài từ 10cm đến 30cm (size chuẩn).</li> <li>- Chất liệu: Kết hợp Polyurethane và silicone; bề mặt phủ lớp ái nước.</li> <li>- Đặc tính: Tương thích sinh học lên đến 365 ngày. Phù hợp với dây dẫn 0.035 inch và 0.038 inch.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng từng cái, kèm cây đẩy và dây rút.</li> <li>- Xuất xứ: OECD.</li> </ul>                                                        |
| 218 | PP2600<br>037640 | Ống thông JJ đặt nong niệu quản các cỡ           | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Cỡ 6Fr, 7Fr.</li> <li>- Chất liệu: TPU nhạy nhiệt. Que đẩy làm bằng PP, có màu đỏ.</li> <li>- Đặc tính: 2 lỗ mở, có vạch trên thân ống, có cảm quang, có chỉ khâu ở đầu xa. Thời gian lưu lên đến 3 tháng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                |
| 219 | PP2600<br>037641 | Ống thông JJ đặt nong niệu quản 7F               | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Cỡ 7Fr. Chiều dài 26cm (<math>\pm 2</math>cm).</li> <li>- Chất liệu: Nhựa (PUR) Polyurethane.</li> <li>- Tiêu chuẩn: FDA.</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 220 | PP2600<br>037642 | Ống thông Mono J mở thận ra da các cỡ            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 6F, 7F, 8F, 9F, 10F. Chiều dài từ 30cm đến 40cm.</li> <li>- Chất liệu: Nhựa (PUR) Polyurethane.</li> <li>- Đặc tính: Trơn láng, 01 ống thông Pigtail Nerphostomy có khoá Luer kết nối với vòi khoá một chiều.</li> </ul>                                                                                                                                                                                             |
| 221 | PP2600<br>037643 | Ống thông niệu đạo 2 vòi Silicone có bóng các cỡ | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Từ 12Fr đến 26Fr.</li> <li>- Chất liệu: 100% silicone.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tốc độ dòng cao: 132 - 1230ml/phút.</li> <li>+ Thể tích bóng từ 5ml/cc đến 45ml/cc.</li> <li>+ Không chứa DEHP, có đường cảm quang.</li> <li>+ Sử dụng lên đến 30 ngày.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul>                                                                    |
| 222 | PP2600<br>037644 | Thông niệu quản 6Fr, 7Fr dài 70cm                | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Cỡ 6Fr. Chiều dài 70cm.</li> <li>- Chất liệu: Kết hợp Polyurethane và silicone pha Bismuth Subcarbonate cảm quang. Không chứa cao su tự nhiên (latex) và phthalates.</li> <li>- Đặc tính: Có 1 nòng với 1 cổng tiêm, 1 đầu chuyển đổi khóa luer. Đầu mở thuận nhỏ, có vạch đánh dấu độ sâu để xác định vị trí.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng từng cái.</li> <li>- Tiêu chuẩn: FDA.</li> <li>- Xuất xứ: G7</li> </ul> |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa            | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|------------------|----------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 223 | PP2600<br>037645 | Ống thông silicone nuôi ăn dạ dày thành bụng | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 24Fr.</li> <li>- Chất liệu: Silicone.</li> <li>- Đặc tính: Có bóng cố định.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng. Sử dụng 1 lần.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                |
| 224 | PP2600<br>037646 | Bộ rửa dạ dày                                | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Size 28mm.</li> <li>- Chất liệu: Cao su tự nhiên.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 225 | PP2600<br>037647 | Thông dạ dày các số                          | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr.</li> <li>- Chất liệu: Nhựa PVC nguyên sinh.</li> <li>- Đặc tính: Dây dẫn mềm dẻo, trơn, giảm tổn thương niêm mạc.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                                                                                                                           |
| 226 | PP2600<br>037648 | Bình dẫn lưu áp lực âm                       | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Dung tích 400ml (<math>\pm</math> 50ml).</li> <li>- Chất liệu: Nhựa PVC.</li> <li>- Đặc tính: Bình hút áp lực âm gồm có các bộ phận (bình, drain, trocar, đầu nối chữ Y và dây nối).</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng riêng từng bộ phận.</li> </ul>                                                                                 |
| 227 | PP2600<br>037649 | Bộ dẫn lưu vết mổ áp lực âm 450ml            | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Thể tích tối thiểu 450ml.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dạng dẹt, có lò xo nén tạo áp lực âm.</li> <li>+ Duy trì liên tục áp lực hút ở mức thấp.</li> <li>+ Có van một chiều.</li> <li>+ Cho phép dẫn lưu song song từ hai phía của vết mổ.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> </ul> |
| 228 | PP2600<br>037650 | Ống dẫn lưu vết mổ Silicone                  | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài tối thiểu 60cm.</li> <li>- Chất liệu: Silicone.</li> <li>- Đặc tính: Loại tròn hoặc dẹt.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                      |
| 229 | PP2600<br>037651 | Ống dẫn lưu vết mổ Silicone loại xẻ rãnh     | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Loại xẻ rãnh, tròn hoặc dẹt, các cỡ.</li> <li>- Chất liệu: Silicone.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các kênh mở để tăng lưu lượng dẫn lưu, giảm thiểu đông máu.</li> <li>+ Cải thiện diện tích tiếp xúc với các mô.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> </ul>                          |
| 230 | PP2600<br>037652 | Bộ dẫn lưu vết mổ áp lực âm 200ml            | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Thể tích tối thiểu 200ml.</li> <li>- Chất liệu: Silicone.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dạng bơm hút chân không, có van một chiều chống trào ngược.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> </ul>                                                                                         |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                 | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------------|---------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 231 | PP2600<br>037653 | Bộ dẫn lưu vết mổ áp lực âm 100ml                 | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Thể tích tối thiểu 100ml.</li> <li>- Chất liệu: Silicone.</li> <li>- Đặc tính: Tích hợp van chống trào ngược chống nhiễm khuẩn, dạng bơm hút chân không.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 232 | PP2600<br>037654 | Ống thông dẫn lưu màng phổi có nòng trocar các số | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Số 28F đến 32F.</li> <li>- Chất liệu: PVC y tế, không Latex.</li> <li>- Đặc tính: Dẫn lưu màng phổi kèm nòng sắt (Trocar), có co nối đi kèm.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng, sử dụng 1 lần.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 233 | PP2600<br>037655 | Thông dẫn lưu túi mật chữ T các số                | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Từ số 14 đến số 20.</li> <li>- Chất liệu: Cao su.</li> <li>- Đặc tính: Thông dẫn lưu ống mật chữ T.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 234 | PP2600<br>037656 | Dây hút đàm có kiểm soát các số                   | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Các số 5 - 6 - 8 - 10 - 12 - 14 - 16 - 18. Dây có độ dài tối thiểu 55cm.</li> <li>- Chất liệu: Nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kết cấu 02 phần: Khóa van và dây dẫn.</li> <li>+ Dây dẫn nhựa trong.</li> <li>+ Đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút.</li> <li>+ Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có nắp.</li> </ul> </li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                                                                                                                                          |
| 235 | PP2600<br>037657 | Bộ hút đàm kín                                    | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 12Fr, 14Fr, 16Fr, đường kính ngoài 4mm - 5,3mm, dài 57cm.</li> <li>- Chất liệu: Ống hút bằng nhựa PVC, thân có cán quang, có vạch chia, màng bọc bảo vệ.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ống hút có 2 nòng: nòng chính hút dịch và nòng phụ chạy dọc theo thân catheter để bơm nước muối súc rửa và pha loãng đàm.</li> <li>+ Đầu hút điều khiển bằng van trượt, có khóa xoay.</li> <li>+ Đầu ống bo tròn 20 độ, có thêm 2 lỗ phụ ở mặt bên.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng. Đầy đủ phụ kiện kèm theo: catheter mount, co nối, dụng cụ ngắt kết nối,...</li> </ul> |
| 236 | PP2600<br>037658 | Dây dẫn lưu Penrose                               | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính từ 0,6cm đến 2,5cm.</li> <li>- Chất liệu: Cao su thiên nhiên.</li> <li>- Đặc tính: Dẫn lưu cho các thương nông.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa         | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|------------------|-------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 237 | PP2600<br>037659 | Bộ dây chạy thận nhân tạo                 | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Chiều dài dây tối thiểu 130mm.</li> <li>+ Dây bơm: 8mm x 12mm x 400mm.</li> <li>+ Thể tích làm đầy từ 155ml đến 170ml.</li> <li>- Chất liệu: Nhựa y tế không chứa latex và DEHP.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Có đầu transducer.</li> <li>+ Gồm dây động mạch và tĩnh mạch.</li> <li>+ Dây tĩnh mạch có vị trí tiêm trước bầu nhỏ giọt.</li> <li>+ Có các điểm lấy máu và tiêm thuốc.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul> |
| 238 | PP2600<br>037660 | Bộ dây lọc máu cho máy thận Online HDF    | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Không chứa DEHP.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Dây lọc máu dùng cho máy HDF online: 1 bộ dây gồm dây động mạch, dây tĩnh mạch và dây bù dịch (safeline).</li> <li>+ Có cảm biến đo lường áp lực động mạch.</li> <li>+ Có bộ phát hiện khí.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> <li>- Yêu cầu khác: Tương thích với máy HDF online 5008S của Bệnh viện.</li> </ul>                                                                            |
| 239 | PP2600<br>037661 | Dây oxy 1 nhánh                           | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Số 10, 14. Chiều dài tối thiểu 40cm.</li> <li>- Chất liệu: Chất liệu nhựa y tế.</li> <li>- Đặc tính: 1 nhánh</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 240 | PP2600<br>037662 | Dây oxy 2 nhánh                           | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Dây dẫn có chiều dài tối thiểu 2,3m.</li> <li>- Chất liệu: Nhựa PVC y tế.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Bao gồm dây dẫn và gọng mũi. Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn.</li> <li>+ Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu.</li> <li>+ Lòng ống có khóa chống gập.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                                                      |
| 241 | PP2600<br>037663 | Bộ chuyển tiếp của máy thẩm phân phúc mạc | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Kết nối giữa túi dịch và ống thông.</li> <li>+ Dụng cụ hỗ trợ thẩm phân phúc mạc.</li> <li>- Đóng gói: Vô khuẩn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 242 | PP2600<br>037664 | Đầu nối chữ Y loại Y-Star                 | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc tính: Đầu nối chữ Y dạng bấm và vặn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 243 | PP2600<br>037665 | Ống nối chữ Y có khóa                     | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 1/4.</li> <li>- Đặc tính: Hình dạng chữ Y, trong suốt dùng cho hệ thống ECMO, có khóa.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                             | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                       |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 244 | PP2600<br>037666 | Co nối máy thở                                                | Cái         | - Đặc tính: Dùng như một liên kết giữa hệ thống dây thở và mặt nạ hỗ trợ việc hô hấp cho bệnh nhân.                                                                                                              |
| 245 | PP2600<br>037667 | Ống cai máy thở chữ T                                         | Cái         | - Kích thước: Phù hợp với ống nội khí quản.<br>- Chất liệu: Nhựa y tế PVC.<br>- Đặc tính: Dùng thở oxy cai máy thở. Ống thở chữ T, có dây nối bình oxy.<br>- Đóng gói: Vô trùng.                                 |
| 246 | PP2600<br>037668 | Ống đo áp lực 7Fr                                             | Cái         | - Kích thước: Cỡ 7Fr. Chiều dài tối thiểu 47cm.<br>- Chất liệu: Không latex.<br>- Đặc tính: Catheter đo áp lực 2 đường, đầu thẳng dùng đo áp lực bàng quang.<br>- Đóng gói: Vô khuẩn.                            |
| 247 | PP2600<br>037669 | Ống đo áp lực 9Fr                                             | Cái         | - Kích thước: Cỡ 9Fr. Chiều dài tối thiểu 47cm.<br>- Chất liệu: PVC/Polyisoprene.<br>- Đặc tính: Catheter đo áp lực ổ bụng, đầu bóng.                                                                            |
| 248 | PP2600<br>037670 | Ống nối catheter chiều dài 150cm                              | Cái         | - Kích thước: Chiều dài tối thiểu 150cm.<br>- Chất liệu: PVC.<br>- Đặc tính: Ống nối đo áp lực.                                                                                                                  |
| 249 | PP2600<br>037671 | Ống nối từ bộ phận bơm đến catheter chiều dài 400cm           | Cái         | - Kích thước: Chiều dài tối thiểu 400cm.<br>- Chất liệu: PVC/Silicone.                                                                                                                                           |
| 250 | PP2600<br>037672 | Bộ kết nối 3 cổng                                             | Bộ          | - Kích thước: Đường kính trong tối thiểu 2mm.<br>- Chất liệu: Polycarbonate.<br>- Đặc tính:<br>+ Bộ kết nối 3 cổng.<br>+ Chịu áp lực lớn nhất 500 PSI.<br>+ Có luer xoay và đầu xoay đuôi khí.<br>- Xuất xứ: G7. |
| 251 | PP2600<br>037673 | Bộ kết nối (cassette) máy thở phân phức mạc tự động người lớn | Bộ          | - Đặc tính: Dây chạy tương thích với máy Homechoice.<br>- Đóng gói: Được tiệt trùng, đóng gói vô trùng.                                                                                                          |
| 252 | PP2600<br>037674 | Dây máy thở 2 nhánh dùng 1 lần                                | Cái         | - Chất liệu: Nhựa PVC nguyên sinh hoặc PP hoặc PP+EVA                                                                                                                                                            |
| 253 | PP2600<br>037675 | <b>Bộ dây dẫn nối với máy HFNC kèm Nasal Cannula</b>          |             |                                                                                                                                                                                                                  |

| STT   | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                    | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-------|------------------|------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 253.1 |                  | Bộ dây dẫn nối với máy HFNC có bộ phận phun khí dung | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài dây thở tối thiểu 1,8m.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Buồng làm ẩm và dây thở có kiểm soát nhiệt;</li> <li>+ Buồng làm ẩm có phao kép, tự động dừng dòng chảy khi đạt mức tối ưu;</li> <li>+ Dây thở dạng 2 vòng xoắn kép vừa gia nhiệt cho khí thở, vừa cách nhiệt với môi trường bên ngoài;</li> <li>+ Dây thở có tích hợp sensor đo nhiệt độ. Vòng xoắn gia nhiệt được tích hợp trên thành dây thở;</li> <li>+ Flow 2 - 60 lít/phút;</li> <li>+ Có kẹp giúp cố định dây thở trên áo người bệnh;</li> <li>+ Thời hạn sử dụng tối đa 14 ngày cho người bệnh/1 lần sử dụng.</li> </ul> </li> </ul> |
| 253.2 |                  | Nasal Cannula dùng cho máy HFNC                      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Các size S, M, L.</li> <li>- Đặc tính: Có kẹp cố định ống dây, gọng mũi.</li> <li>- Yêu cầu khác: Tương thích máy HFNC.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 254   | PP2600<br>037676 | Catheter động mạch quay 3Fr 8cm                      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 20G.</li> <li>- Chất liệu: Catheter bằng Flourinated ethylene propylene (FEP), bề mặt trơn và ngăn hình thành huyết khối.</li> <li>+ Dây dẫn đường bằng thép không gỉ.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 255   | PP2600<br>037677 | Catheter động mạch quay 4Fr 8cm                      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 18G, dài 8cm hoặc 12cm.</li> <li>- Chất liệu: Polyurethane.</li> <li>- Đặc tính: Thiết kế có sleeve (ống đỡ) ở đầu ra catheter.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng bằng EO. Các phụ kiện đi kèm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Guide wire đầu J.</li> <li>+ Kim dẫn thẳng 18G x 7cm.</li> <li>+ Bơm tiêm 5cc.</li> <li>+ Khóa 3 ngã.</li> <li>+ Dao mổ.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 256   | PP2600<br>037678 | Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng                  | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 7F. Chiều dài tối thiểu 20cm.</li> <li>- Chất liệu: Dây dẫn J chất liệu hợp kim Niken - Titan</li> <li>- Đặc tính: 01 nòng. Có cản quang.</li> <li>- Đóng gói: Catheter, dây dẫn. Các phụ kiện đi kèm: Kim luồn 20G, cây nong, ống tiêm 5ml, dao mổ, kẹp nắp tiêm. Đóng gói vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa           | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|------------------|---------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 257 | PP2600<br>037679 | Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 7F. Chiều dài tối thiểu 20cm.</li> <li>- Chất liệu: Catheter chất liệu PU. Dây dẫn J chất liệu hợp kim Niken - Titan</li> <li>- Đặc tính: 02 nòng. Có cản quang</li> <li>- Đóng gói: Catheter, dây dẫn. Các phụ kiện đi kèm: Kim luồn 20G, cây nong, ống tiêm 5ml, dao mổ, kẹp nắp tiêm. Đóng gói vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 258 | PP2600<br>037680 | Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 7F. Chiều dài tối thiểu 20cm.</li> <li>- Chất liệu: Dây dẫn J chất liệu hợp kim Niken - Titan</li> <li>- Đặc tính: 03 nòng. Có cản quang</li> <li>- Đóng gói: Catheter, dây dẫn. Các phụ kiện đi kèm: Kim luồn 20G, cây nong, ống tiêm 5ml, dao mổ, kẹp nắp tiêm. Đóng gói vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 259 | PP2600<br>037681 | Cathete tĩnh mạch trung tâm ngoại vi 2 nòng | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Catheter kích cỡ 5F/6F, 2 nòng catheter cỡ 18G/nòng, chất liệu polyurethane.</li> <li>- Thiết kế hình nón ngược.</li> <li>- Dây dẫn bằng thép không rỉ, chiều dài tối thiểu 70cm.</li> <li>- Thông nòng microintroducer 10cm.</li> <li>- Kim introducer 21G.</li> <li>- Lưỡi dao.</li> <li>- Nắp đậy cho mỗi nòng catheter.</li> <li>- Bơm tiêm đầu xoắn luer-lock 10ml hoặc 12ml, không latex.</li> <li>- Thiết bị cố định catheter.</li> <li>- Thước đo giấy.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 260 | PP2600<br>037682 | Cathete tĩnh mạch trung tâm ngoại vi 3 nòng | Bộ          | <p>Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoại vi 3 nòng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Catheter PowerPICC kích cỡ 5F, chất liệu polyurethane. Được chỉ định cho việc theo dõi CVP.</li> </ul> <p>3 nòng catheter:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nòng màu đỏ cỡ 18G, sử dụng cho tiêm truyền áp lực cao với tốc độ tối đa 5ml/giây và áp lực tối đa 300 psi</li> <li>+ Nòng màu xám và màu trắng cỡ 19G, thể tích đuổi khí 0,44ml, tốc độ dòng chảy với trọng lực 280ml/giờ, không sử dụng cho tiêm truyền áp lực cao.</li> <li>- Bơm tiêm đầu xoắn luer-lock 10ml hoặc 12ml.</li> <li>- Thiết bị cố định catheter.</li> <li>- Lưỡi dao.</li> <li>- Thước đo giấy.</li> <li>- 3 nắp đậy catheter.</li> <li>- Kim introducer 21G.</li> <li>- Thông nòng microintroducer 10cm.</li> </ul> |



| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa        | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|------------------|------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                  |                                          |             | - Dây dẫn bằng nitinol, chiều dài tối thiểu 70cm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 261 | PP2600<br>037683 | Bộ catheter chạy thận 2<br>nòng          | Bộ          | <p>- Kích thước: Catheter chạy thận 2 nòng 12Fr, chiều dài trong phạm vi từ 16cm đến 20cm. Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 01 Dây dẫn đường Nitinol;</li> <li>+ Đầu J 0.038 inch x 60cm;</li> <li>+ 01 Kim Y dẫn đường vật liệu 304 SS&amp;PC 18G;</li> <li>+ 02 Cây nong 12Fr x 15cm, 10F x 15cm vật liệu PP;</li> <li>+ 01 Bơm tiêm 5ml;</li> <li>+ 01 Dao mổ số 11;</li> <li>+ 01 Miếng gạc trong suốt;</li> <li>+ 01 Sợi chỉ phẫu thuật;</li> <li>+ 02 Nắp heparin;</li> </ul> <p>- Chất liệu: Catheter vật liệu PU (polyurethane) cản quang.</p> <p>- Đặc tính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tốc độ dòng (245ml/phút) (<math>\pm 5</math>).</li> <li>+ Tiệt trùng ETO.</li> </ul> |
| 262 | PP2600<br>037684 | Bộ catheter chạy thận 3<br>nòng          | Bộ          | <p>- Kích thước: Catheter chạy thận 3 nòng 12F, chiều dài trong phạm vi từ 16cm đến 20cm. Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 01 Dây dẫn đường Nitinol;</li> <li>+ Đầu J 0.038 inch x 60cm;</li> <li>+ 01 Kim Y dẫn đường 18G;</li> <li>+ 02 Cây nong 12Fr x 15cm, 10F x 15cm vật liệu PP;</li> <li>+ 01 Bơm tiêm 5ml;</li> <li>+ 01 Dao mổ số 11;</li> <li>+ 01 Miếng gạc trong suốt;</li> <li>+ 01 Sợi chỉ phẫu thuật;</li> <li>+ 03 Nắp heparin;</li> </ul> <p>- Đặc tính: Hai cổng catheter màu khác nhau. Đầu tip dễ phát hiện dưới X-quang.</p> <p>- Chất liệu: Catheter vật liệu PU (polyurethane) cản quang.</p> <p>- Đóng gói: Tiệt trùng ETO.</p> <p>- Xuất xứ: G7.</p>                          |
| 263 | PP2600<br>037685 | Catheter động mạch đùi<br>dùng cho Picco | Cái         | <p>- Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính vòng ngoài 5F;</li> <li>+ Chiều dài sử dụng: 200mm (<math>\pm 5</math>mm);</li> <li>+ Cannul đường kính 18G/chiều dài 80mm (<math>\pm 5</math>mm);</li> <li>+ Cannul đường kính 20G/chiều dài 55mm (<math>\pm 5</math>mm);</li> <li>+ Que nong mạch đường kính ngoài 1,8mm (<math>\pm 0,1</math>mm);</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa     | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|------------------|---------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                  |                                       |             | - Chất liệu: Polyurethane.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 264 | PP2600<br>037686 | Catheter đo cung lượng tim liên tục   | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Catheter đo cung lượng tim liên tục cỡ 7.5F. Chiều dài tối thiểu 110mm. Đường kính bóng 13mm. Thể tích bóng 1,5ml.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đo thông số CO và SV chính xác cứ sau 20 giây;</li> <li>+ Thuật toán FastCCO kết hợp pha loãng nhiệt từ dây tóc. Nhiệt của ống thông Swan-Ganz và APCO từ dạng sóng PA.</li> </ul> </li> </ul>                                 |
| 265 | PP2600<br>037687 | Catheter lọc màng bụng đầu cong       | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài tối thiểu 63cm.</li> <li>- Đặc tính: Catheter để vô dịch ổ bụng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 266 | PP2600<br>037688 | Catheter niệu quản cho tán sỏi qua da | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 6Fr, 7Fr, dài 70cm.</li> <li>- Chất liệu: Polyurethane.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đầu thẳng đóng;</li> <li>+ Đầu thẳng mở;</li> <li>+ Đầu nối;</li> <li>+ Đầu thôn nhọn cung cấp khả năng tiếp cận không gây chấn thương khi truyền thuốc cản quang hoặc dây dẫn.</li> </ul> </li> <li>- Tiêu chuẩn: FDA.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul> |
| 267 | PP2600<br>037689 | Catheter bóng kép nong sán não thất   | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài tối thiểu 64cm.</li> <li>- Chất liệu: Polyurethane, silicone.</li> <li>- Đặc tính: Catheter kèm tiếp hợp khóa xoay âm, nối với bóng kép silicone trong suốt, kèm 1 xi lanh 1ml.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                           |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|------------------|--------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 268 | PP2600<br>037690 | Bộ catheter cảnh hầm có Cuff                     | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài từ đầu tip đến cuff từ 19cm đến 27cm, đường kính tối thiểu 14.5Fr, đường kính gấp cong 1.04 inch. Bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 01 thông luân catheter tối thiểu 15Fr có van khóa khí tự động;</li> <li>+ 01 cây nong có kích thước tối thiểu 10Fr;</li> <li>+ 01 stylet;</li> <li>+ 01 cây tạo đường hầm, 02 nắp đậy;</li> <li>+ 01 cây nong có kích thước tối thiểu 8Fr;</li> <li>+ 01 dây guidewire 0.038 inch;</li> <li>+ 01 kim dò 18G và 02 băng gạc 2 x 2inch.</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: Polyurethane hoặc Carbothane, có cản quang.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bộ catheter đường hầm dùng trong lọc máu dài hạn;</li> <li>+ Đầu catheter thiết kế đối xứng;</li> <li>+ Tốc độ dòng chảy 500ml/phút.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng, đóng gói vô trùng.</li> <li>- Xuất xứ: Châu Mỹ.</li> </ul> |
| 269 | PP2600<br>037691 | Catheter dẫn lưu đường mật qua da có kim các cỡ  | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Từ 6F đến 16F. Chiều dài catheter tối thiểu 20cm. Chiều dài đoạn pigtail từ 5cm đến 10cm.</li> <li>- Chất liệu: Thermoplastic polyurethane.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dùng trong thủ thuật dẫn lưu mật, thận ra da, dẫn lưu ổ áp xe;</li> <li>+ Đầu tip thon nhọn;</li> <li>+ Các lỗ dẫn lưu to;</li> <li>+ Có phủ lớp ái nước.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: 01 ống dẫn lưu phủ hydrophilic dạng pigtail có khóa string lock, 01 kim dẫn đường trocar stylet, 01 kim chọc trocar needle, 01 bộ duỗi thẳng pigtail spit straightener.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 270 | PP2600<br>037692 | Ống hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 0.062 inch; 0.068 inch; 0.072 inch. Chiều dài tối thiểu 132cm.</li> <li>- Chất liệu: Nitinol. Phủ lớp ưa nước.</li> <li>- Đặc tính: Độ mượt cao, giảm ma sát khi di chuyển trong lòng mạch máu.</li> <li>+ Xuất xứ: Châu Mỹ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                   | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|------------------|-----------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 271 | PP2600<br>037693 | Ống hút huyết khối mạch não, đường kính 0.071"      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính trong 0.068 inch và 0.071 inch; đường kính ngoài 0.083 inch và 0.0855 inch. Chiều dài tối thiểu 132cm.</li> <li>- Chất liệu: Nitinol.</li> <li>- Đặc tính: Thiết kế dạng coil dẹt, đầu ống vát mềm.</li> <li>- Xuất xứ: Châu Mỹ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 272 | PP2600<br>037694 | Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não loại lớn | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính trong 0.070 inch. Kích cỡ 6F. Chiều dài tối thiểu 125cm.</li> <li>- Chất liệu: PTFE và kết hợp giữa sợi bện và cuộn dây làm bằng thép không gỉ.</li> <li>- Đặc tính: Đầu xa mềm và có thể uốn tạo hình bằng hơi nước.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> <li>- Xuất xứ: Châu Mỹ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                       |
| 273 | PP2600<br>037695 | Ống thông trung gian có lớp phủ PTFE trong lòng ống | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính trong: 0.039 inch, 0.052 inch, 0.065 inch. Đường kính ngoài (đầu xa/gân): 3.9F/4.2F, 5.0F/5.3F, 6.1F/6.3F. Chiều dài khả dụng từ 115cm đến 145cm. Đầu ống cong 25 độ.</li> <li>- Chất liệu: Ống thông có lớp phủ ưa nước hai lớp. Lớp phủ PTFE trong lòng ống.</li> <li>- Đặc tính: Số dấu căn quang ở đầu ống là 1.</li> <li>- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu.</li> </ul>                                                                                                                                 |
| 274 | PP2600<br>037696 | Ống thông lấy huyết khối các cỡ                     | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Trong phạm vi từ 2F đến 7F. Đường kính trong phạm vi từ 5mm đến 14mm.</li> <li>- Chất liệu: Bóng Latex, chiều dài tối thiểu dài 60cm.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có vạch chia trên thân ống;</li> <li>+ Tiệt trùng bằng tia Gamma.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Vô trùng riêng lẻ từng cái.</li> <li>- Xuất xứ: Châu Âu.</li> </ul>                                                                                                                                      |
| 275 | PP2600<br>037697 | Ống thông hút huyết khối ngoại vi                   | Cái         | <p>Bộ hút huyết khối ngoại vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thiết kế đầu Tip Entry profile lớn hơn 0.40mm nhỏ hơn 50mm.</li> <li>+ Cấu trúc lớp bôi trơn Hydrophilic ở đoạn xa 310mm.</li> <li>+ Chiều dài hữu dụng 135cm, 136.5cm, 141cm.</li> <li>+ Gồm: 2 bơm tiêm polycarbonate 30ml, 1 stopcock, 1 filter basket.</li> <li>+ Catheter dạng Non-Braided</li> <li>+ Khu vực hút Aspiration Area 0.95mm<sup>2</sup>.</li> <li>+ Tương thích Sheath 6F, OTW 0.035 inch.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng từng cái</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul> |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa           | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------------|---------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 276 | PP2600<br>037698 | Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch ngoại vi    | Cái         | <p>Ống thông dẫn đường với low profile:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Entry profile 3.4F (~1.13mm).</li> <li>- Chiều dài: Trong phạm vi từ 25cm đến 190cm.</li> <li>- Trục Shaft làm bằng Barium Sulfate (BaSO4).</li> <li>- Hệ thống dây dẫn: 0.018 inch (0.46mm).</li> <li>- Tương thích Sheath 4F/5F.</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng từng cái.</li> <li>- Xuất xứ: Châu Âu.</li> </ul>                                                                                                                                                        |
| 277 | PP2600<br>037699 | Ống thông chẩn đoán Angiostar Catheter      | Cái         | <p>Ống thông chụp mạch có cấu trúc lưới kép.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đủ các loại kích cỡ: 5F - 6F, dài 100cm và 110cm</li> <li>- Đường kính (trong/ngoài): 1.10mm/1.67mm loại 5F và 1.3mm/2.0mm loại 6F.</li> <li>- Chất liệu lớp trong và lớp ngoài ống thông: Polyacetal /Polycarbonate- Nylon.</li> <li>- Đầu shape bằng: Polyamide.</li> <li>- Có các loại: JL, JR, AL, AR, IMA, PT, MITSUDO...</li> <li>- Tương thích guidewire 0.035 inch và 0.038 inch.</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng từng cái.</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul> |
| 278 | PP2600<br>037700 | Ống thông Laser điều trị tĩnh mạch hiển lớn | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính catheter 600µm, 400µm. Chiều dài của ống thông 2,5m.</li> <li>- Chất liệu: Đầu đốt laser nội mạch gồm sợi quang học Ringlight radial fiber.</li> <li>- Đóng gói: 01 cái/hộp.</li> <li>- Yêu cầu khác: Tương thích với máy Endotherme™ 1470.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                          |
| 279 | PP2600<br>037701 | Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch ngoại biên  | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính: 0.014 inch, 0.018 inch, 0.035 inch. Chiều dài: 65cm, 90cm, 135cm, 150cm.</li> <li>- Chất liệu: Lớp phủ ái nước. Đầu xa phủ hydrophilic, thân catheter và hub trong suốt.</li> <li>- Đặc tính: Có 3 điểm đánh dấu cản quang nằm cách đều nhau dọc theo trục đầu xa. Đường kính tiếp cận tổn thương 0.018 inch.</li> <li>- Tiệt trùng bằng EO</li> </ul>                                                                                                                                         |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 280 | PP2600<br>037702 | Ống thông ái nước chụp mạch máu các cỡ                           | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính tối thiểu 4Fr. Chiều dài tối thiểu 125cm.</li> <li>- Chất liệu: Lớp trong giàu nylon, lớp bên kép thép không gỉ.</li> <li>- Đặc tính: Lớp phủ ái nước dài 15cm hoặc 40cm đầu xa. Tương thích dây dẫn 0.0038 inch/0.97mm. Áp lực bơm tối đa 750psi.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng riêng lẻ từng cái.</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                              |
| 281 | PP2600<br>037703 | Ống thông can thiệp chẩn đoán mạch máu gan, mạch máu tạng các cỡ | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 5Fr, chiều dài 70cm và 100cm.</li> <li>- Chất liệu: Lớp ngoài polyurethane, lớp giữa là lớp bên đơn, lớp trong giàu nylon.</li> <li>- Đặc tính: Đoạn xa có lớp phủ ái nước Hydrophilic dài 25cm hoặc 40cm.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng riêng lẻ từng cái.</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 282 | PP2600<br>037704 | Ống thông can thiệp đầu mềm các cỡ                               | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đầu gần 6.0F và đầu xa 4.9F và 6.0F. Đường kính trong 0.058 inch và 0.070 inch. Chiều dài trong phạm vi từ 95cm đến 135cm.</li> <li>- Chất liệu: Polyamide được thiết kế bên dọc thân ống bằng 8 dây hỗ trợ chống gãy gấp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 283 | PP2600<br>037705 | Ống thông can thiệp mạch máu thần kinh các cỡ                    | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 6F, 7F, 8F (Bộ ống thông là 4F, 5F, 6F tương ứng). Đường kính trong của bộ ống thông tối thiểu 1,8mm. Đường kính ngoài của bộ ống thông tối thiểu 2mm. Chiều dài trong phạm vi từ 80cm đến 110cm.</li> <li>- Chất liệu: Lớp phủ ái nước từ đầu tip lên tới 15cm. Marker cản quang platinum ở đầu tip và chất liệu cản quang ở trục ống.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hình dạng đầu tip: angled, straight.</li> <li>+ Bộ ống thông với dilator đính kèm thay sheath giúp giảm kích thước tại vị trí đâm kim.</li> </ul> </li> <li>- Xuất xứ: ASEAN.</li> </ul> |
| 284 | PP2600<br>037706 | Ống thông chẩn đoán buồng tim đường kính tối thiểu 4F            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Các cỡ 4F, 5F, 6F. Chiều dài tối thiểu 80cm.</li> <li>- Chất liệu: Nylon.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đầu tip cản quang tốt, khả năng nhớ hình tốt.</li> <li>+ Tương thích guidewire 0.035 inch/0.038 inch.</li> <li>+ Các loại thẳng, cong 145 độ, cong 155 độ.</li> <li>+ Chịu áp lực tối đa 1200PSI.</li> </ul> </li> <li>- Xuất xứ: Châu Mỹ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                  |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                              | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 285 | PP2600<br>037707 | Ống thông chẩn đoán mạch máu não, mạch máu tạng, mạch vành và ngoại biên các cỡ                | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Các cỡ trong phạm vi từ 4F đến 6F. Chiều dài trong phạm vi từ 40cm đến 150cm.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nylon Pebax.</li> <li>+ Phần thân được thiết kế các sợi thép không gỉ.</li> </ul> </li> <li>- Độ cản quang dưới màn hình huỳnh quang cao.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có tối thiểu các dạng đầu Cobra/Vert/Simmons/Yashiro/RH/Judkins Right/Judkins Left/TiG/PIG Tail,...</li> <li>+ Chịu được áp lực đến 1.200 PSI.</li> </ul> </li> </ul>                  |
| 286 | PP2600<br>037708 | Ống thông chẩn đoán mạch máu các cỡ                                                            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Các cỡ trong phạm vi từ 4F đến 6F. Chiều dài trong phạm vi từ 40cm đến 150cm.</li> <li>- Chất liệu: Nylon Pebax.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tương thích guide wire 0.035 inch; 0.038 inch.</li> <li>+ Hình dạng đầu tip: DVS A1, DVS A2, Cobra 1-3, Simmon 1-5, Vertebral, Headhunter 1-5, Hook, Bentson 1-3, Bentson, Cerebral, Berenstein, Ultimate, Renal, Bern.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                               |
| 287 | PP2600<br>037709 | Ống thông chẩn đoán ngoại biên, Cobra loại 5F                                                  | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài tối thiểu 65cm. Loại 5F</li> <li>- Chất liệu: Nylon Pebax.</li> <li>- Đặc tính: Có đường viền bên, khả năng nhớ hình đầu tip. Tương thích guide wire 0.035 inch; 0.038 inch.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 288 | PP2600<br>037710 | Ống thông can thiệp chẩn đoán mạch máu não, mạch máu tạng (gan, phế quản) và ngoại biên các cỡ | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính trong phạm vi từ 4F đến 6F. Chiều dài trong phạm vi từ 70cm đến 100cm.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Pebax (Nylon/nylon Blend), phần thân ống thông được đan bằng các sợi thép.</li> </ul> </li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có tối thiểu các dạng đầu: Simmons I, Simmons II, Simmons III, Vert, Cobra II, Cobra III, Liver, Liver RH, Mikaelsson</li> <li>+ Chịu được áp lực đến 1.200PSI.</li> <li>+ Tương thích dây dẫn đến 0.038 inch.</li> </ul> </li> </ul> |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                        | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 289 | PP2600<br>037711 | Ống thông chụp mạch não có cấu tạo 3 lớp nylon elastomer đường kính 5F                   | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 5Fr, đường kính trong tối thiểu 0.043 inch, chiều dài tối thiểu 100cm.</li> <li>- Chất liệu: 3 lớp nylon elastomer với lưới đan thép không gỉ. Lớp SUS cho khả năng đẩy tốt.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bề mặt phủ lớp polyamide, đầu tip bo tròn, cấu trúc đồng trục.</li> <li>+ Bề mặt cản quang.</li> <li>+ Tương thích guidewire 0.038 inch.</li> <li>+ Giới hạn áp lực 1000psi</li> </ul> </li> <li>- Xuất xứ: ASEAN.</li> </ul> |
| 290 | PP2600<br>037712 | Ống thông mở đường dài, đường kính lớn                                                   | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính: 6F hoặc 7F. Chiều dài tối đa 90cm.</li> <li>+ Đầu xa có lớp phủ ái nước với chiều dài 25cm.</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: Lớp lót PTFE.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chống xoắn gập, đánh dấu cản quang ở đầu xa.</li> <li>+ Bao gồm: ống dẫn; đầu nối chữ Y &amp; ống nối đầu thon.</li> </ul> </li> </ul>                                                                    |
| 291 | PP2600<br>037713 | Ống thông hút huyết khối mạch máu não 0.035"                                             | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính trong tối thiểu 0.035 inch. Đường kính ngoài (đầu gần/xa): 0.062 inch/0.050 inch. Chiều dài hoạt động tối thiểu 160cm</li> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ. Có lớp lót PTFE.</li> <li>- Đặc tính: Độ cứng giảm dần từ đầu gần đến đầu xa.</li> <li>- Xuất xứ: Châu Mỹ.</li> </ul>                                                                                                                                                                              |
| 292 | PP2600<br>037714 | Catheter chụp động mạch vành cả 2 bên qua đường động mạch quay chống xoắn, chống co thắt | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu thành ống Polyamide 2 lớp thiết kế sợi bên kép. Áp lực 1200 psi. Tương thích guidewire 0.038 inch.</li> <li>Đường kính: 5F, chiều dài từ 100cm đến 120cm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 293 | PP2600<br>037715 | Ống thông chẩn đoán đường quay, chống xoắn, ái nước các cỡ                               | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Nylon Pebax có bên sợi thép không gỉ.</li> <li>- Đường kính trong lớn 0.046 inch/1.17mm loại 5F</li> <li>- Đầu bumper tip có 1 lỗ bên. Chiều dài đầu tip: 2.0cm</li> <li>- Dùng được với guide wire 0.038 inch.</li> <li>- Chiều dài: 100cm.</li> <li>- Tiêu chuẩn: CFG - FDA.</li> <li>- Xuất xứ: Châu Mỹ.</li> </ul>                                                                                                                                                     |



| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                  | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 294 | PP2600<br>037716 | Ống thông chẩn đoán mạch vành JI, JR, 4F đến 6F                    | Cái         | <p>Kích cỡ: 4F, 5F, 6F.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính trong của ống: 0.042 inch/1.07mm (4F), 0.047 inch/1.19mm (5F), 0.057 inch/1.45mm (6F).</li> <li>- Áp suất tối đa 1200 PSI.</li> <li>- Cấu trúc nylon 3 đoạn.</li> <li>- Thân ống được bện từ các sợi thép không gỉ và bọc chất liệu chống đông máu.</li> <li>- Đường kính trong duy trì từ đoạn tay cầm đến đầu tip.</li> <li>- Công nghệ duy trì nhiệt độ ổn định.</li> <li>- Đầu tip cản quang mềm.</li> <li>- Dây dẫn tương thích 0.035 inch, 0.038 inch.</li> <li>- Chiều dài ống: 65cm, 80cm, 100cm, 125cm.</li> <li>- Các dạng đầu cong: JL, JR, AL, AR, DRC, SRC, MPA 2, MPB 2, SON, BARBEAU, RBL, RBL-TG, RBL-JK, PIG, LCB, RCB, IM.</li> </ul> |
| 295 | PP2600<br>037717 | Ống thông chẩn đoán mạch vành từ đường động mạch đùi các cỡ 4F, 5F | Cái         | <p>Chất liệu Nylon Pebax.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại wire -braided có thân bằng chất liệu thép không gỉ bện.</li> <li>- Đầu tip cản quang.</li> <li>- Có các loại JL, JR, AL, AR.</li> <li>- Kích cỡ 4F, 5F dài 100cm.</li> <li>- Đường kính trong 0.042 inch/1.07mm loại 4F, 0.046 inch/1.17mm loại 5F.</li> <li>- Dùng được với guide wire 0.035 inch - 0.038 inch.</li> <li>- Chịu áp lực dòng chảy cao 1.200 psi/ 81.6 bar.</li> <li>- Tiêu chuẩn: CFG - FDA.</li> <li>- Xuất xứ: Châu Mỹ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                        |
| 296 | PP2600<br>037718 | Ống thông chẩn đoán mạch vành các cỡ                               | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu bằng nylon, trực linh hoạt thiết kế 3 lớp, lớp trong và ngoài nylon, lớp giữa sợi bện, đầu tip 2 lớp mềm có cản quang.</li> </ul> <p>Chịu được áp lực 1050 psi. Chiều dài 100cm và ≥ 110cm. Dạng JR, JL, AR, AL, pigtail.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 297 | PP2600<br>037719 | Ống thông chụp mạch máu dạng Pigtail các cỡ                        | Cái         | <p>Ống thông chẩn đoán mạch vành dạng Pigtail, chất liệu nylon và có cản quang.</p> <p>Kích cỡ 4F, 5F, chiều dài tối thiểu 65cm.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                              | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 298 | PP2600<br>037720 | Ống thông can thiệp mạch vành đường kính từ 6F đến 8F                          | Cái         | Công nghệ sợi bên có độ cứng ống giảm dần từ đoạn gần tới đầu tip.<br>Đầu tip bằng Urethane.<br>Lòng trong ống rộng: 6F (1.80mm/ 0.071 inch), 7F (2.05mm/ 0.081 inch), 8F (2.28mm/ 0.090 inch) được phủ lớp PTFE.<br>Đường kính ngoài: 2.09mm, 2.4mm, 2.7mm (6F, 7F, 8F).<br>Các loại shape: JL, JR, AL, SAL, AR, HS, IM, PB, SC, SPB, MP.<br>Chiều dài khả dụng: 100cm. |
| 299 | PP2600<br>037721 | Ống thông can thiệp mạch vành loại cứng, lõi đan dài kim loại các cỡ           | Cái         | Ống thông can thiệp mạch vành loại cứng, lõi đan dài kim loại 2 x 4. Loại 6F có lòng rộng 0.070 inch, đầu cong các loại, các cỡ.                                                                                                                                                                                                                                         |
| 300 | PP2600<br>037722 | Ống thông can thiệp kích thước từ 5F đến 7F                                    | Cái         | - Lớp trong bằng PTFE, giữa là lưới thép không gỉ. Kết cấu từ 5 vùng<br>- 6 vùng có độ cứng khác nhau giữa các vùng.<br>- Hình dạng kiểu BL, JR, JL, MP, AL, Ikari.<br>- Kích thước: 5F - 7F. Chiều dài: 85cm, 100cm, 120cm.                                                                                                                                             |
| 301 | PP2600<br>037723 | Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành các cỡ                                    | Cái         | Thiết kế trục ống với công nghệ dây dẫn kép với đầu vào hình dáng loe (flared).<br>Lõi thân ống gia cố tăng cường độ cứng.<br>Đường kính trong: 5.5F, 6F, 7F, 8F (0.052 inch, 0.057 inch, 0.063 inch, 0.072 inch).<br>Đường kính ngoài: 0.064 inch, 0.068 inch, 0.076 inch, 0.086 inch.<br>Chiều dài khả dụng: 150cm.                                                    |
| 302 | PP2600<br>037724 | Ống thông can thiệp động mạch vành kích thước từ 5F đến 8F                     | Cái         | - Chất liệu lõi là các sợi kim loại dệt được kết nang polymer.<br>- Lòng ống thông rộng 0.058 inch - 0.090 inch.<br>- Có các dạng cong EBU, RBU, IMA, SAL, SL, AL,...                                                                                                                                                                                                    |
| 303 | PP2600<br>037725 | Ống thông hỗ trợ điều trị đặt stent chuyển hướng dòng chảy túi phình không lõi | Cái         | - Kích thước: 5F và 6F. Đường kính trong là 0.058 inch và 0.072 inch, đường kính ngoài 0.07 inch và 0.084 inch. Chiều dài làm việc là 95cm, 105cm, 115cm, 125cm, 130cm. Chiều dài đầu xa linh động 8cm.<br>- Chất liệu: Cấu tạo gồm 5 lớp, lớp trong cùng là PTFE.<br>- Đặc tính: Ống thông hỗ trợ thả coil hoặc stent thay đổi dòng chảy.                               |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                 | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 304 | PP2600<br>037726 | Vi ống thông can thiệp mạch máu não có phủ lớp Polymer ưa nước    | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Dài khoảng 156cm (đường kính ngoài đầu gần/xa là 2.1F/1.6F, có 2 markers cân quang), dài khoảng 167cm (đường kính ngoài gần/xa là 2.1F/1.3F, có 1 marker cân quang).</li> <li>- Chất liệu: Phủ lớp Polymer ưa nước.</li> <li>- Đặc tính: Đầu có thể uốn được bằng hơi nước.</li> <li>- Xuất xứ: Châu Mỹ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                           |
| 305 | PP2600<br>037727 | Vi ống thông can thiệp đi kèm dây dẫn đường                       | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính gần 3F, đường kính xa 2.4F; đường kính trong 0.021 inch, chiều dài tối thiểu 105cm, 130cm, 150cm.</li> <li>- Chất liệu: Phủ ái nước, chất liệu được bện bằng dây thép không rỉ.</li> <li>- Đặc tính: Kèm dây dẫn đường.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng bằng EO.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                        |
| 306 | PP2600<br>037728 | Vi ống thông can thiệp mạch máu não nhiều loại đường kính         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Từ khoảng 0.017 inch, 0.021 inch và 0.027 inch, đường kính ngoài đầu gần từ 2.4F, 2.5F, 3.1F, đường kính ngoài đầu xa là 1.7F, 2.0F và 2.6F. Chiều dài sử dụng là 150cm và 156cm.</li> <li>- Chất liệu: Chất liệu PTFE, lớp ngoài phủ Hydrophilic.</li> <li>- Đặc tính: Đầu thẳng, 45 độ, 90 độ và hình chữ J.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> <li>- Xuất xứ: Châu Mỹ.</li> </ul>                                                                                                                       |
| 307 | PP2600<br>037729 | Vi ống thông can thiệp mạch não có lớp phủ PTFE ở trong lòng ống. | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính trong: 0.0165 inch, 0.021 inch, 0.027 inch, 0.039 inch. Đường kính ngoài (đầu xa/gần): 1.9F/2.3F, 2.2F/2.6F, 3.0F/3.1F, 4.0F/4.1F. Chiều dài khả dụng: trong phạm vi từ 125cm đến 167cm.</li> <li>- Chất liệu: Lớp phủ 2 lớp ái nước và gia công bện/cuộn xoắn, lớp phủ PTFE ở trong lòng ống.</li> <li>- Đặc tính: Đầu ống thẳng có thể định hình. Số dấu cân quang: 1 dấu với ống 0.027 inch, 0.039 inch; 2 dấu với ống 0.0165 inch, 0.021 inch.</li> <li>- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu.</li> </ul> |
| 308 | PP2600<br>037730 | Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh 0.027"                      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính trong: 0.017 inch, 0.021 inch, 0.027 inch và 0.045 inch.</li> <li>+ Đầu: thẳng; gập chữ J; gập 45 độ và gập 90 độ.</li> <li>+ Chiều dài 150cm, 160cm;</li> <li>+ Chiều dài coil 15cm, 30cm;</li> <li>+ Chiều dài đoạn xa 6cm.</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: Nitinol.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tương thích dây dẫn tối đa 0.014 inch, 0.018 inch, 0.025 inch.</li> </ul> </li> </ul>                              |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                           | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                  |                                                             |             | + Có 1 điểm đánh dấu đầu gần và 1 điểm đánh dấu đầu xa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 309 | PP2600<br>037731 | Vi ống thông can thiệp thần kinh có lớp phủ Hydrophilic     | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính ngoài gần - xa là 2.7Fr - 2.4Fr, đường kính trong 0.021 inch, chiều dài là 153cm.</li> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ, hydrophilic, PTFE, nhựa Pebax.</li> <li>- Đặc tính: Sợi thép không gỉ, lớp áo hydrophilic bao bề mặt ngoài, lớp PTFE lót lòng trong cùng, lớp nhựa Pebax.</li> <li>Tương thích với dây dẫn lớn nhất 0.018 inch.</li> <li>- Xuất xứ: Châu Mỹ.</li> </ul> |
| 310 | PP2600<br>037732 | Vi ống thông có marker gia cố vòng xoắn Nitinol             | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính ngoài đầu xa/gần: 2.6F/2.95F. Chiều dài: 150cm, 160cm.</li> <li>- Chất liệu: Gia cố vòng xoắn Nitinol.</li> <li>- Đặc tính: Thiết kế gia cố vòng xoắn Nitinol.</li> <li>- Xuất xứ: Châu Mỹ.</li> </ul>                                                                                                                                                                         |
| 311 | PP2600<br>037733 | Ống thông dùng trong can thiệp mạch 0.088"                  | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài từ 80cm đến 100cm. Đường kính ngoài (đầu gần/xa): 8F/8F. Đường kính trong 0.088 inch. Vùng xa linh hoạt dài 4cm.</li> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ. Có lớp phủ ưa nước.</li> <li>- Đặc tính: Vùng xa linh hoạt 4cm kết hợp lớp phủ ưa nước.</li> <li>- Xuất xứ: Châu Mỹ.</li> </ul>                                                                                           |
| 312 | PP2600<br>037734 | Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh đầu thẳng             | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính ngoài gần - xa là 2.1Fr - 1.7Fr và 2.4Fr - 1.9Fr, đường kính trong 0.017 inch và chiều dài là 150cm.</li> <li>- Chất liệu: Nitinol.</li> <li>- Đặc tính: Hình dạng đầu ống thẳng. Đầu ống linh hoạt, có thể tạo hình bằng hơi nước với hai điểm đánh dấu.</li> </ul>                                                                                                           |
| 313 | PP2600<br>037735 | Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh đầu xa có lớp Nitinol | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính trong đầu xa là 0.013 inch, đường kính ngoài là 2.7Fr - 1.5Fr, chiều dài 165cm. Tương thích với dây dẫn lớn nhất 0.010 inch.</li> <li>- Chất liệu: Được thiết kế đầu gần bằng sợi thép không gỉ, đầu xa có lớp Nitinol.</li> </ul>                                                                                                                                             |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                        | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 314 | PP2600<br>037736 | Vi ống thông mang bóng điều trị hẹp mạch máu não                         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính từ 1,5mm đến 4,0mm. Chiều dài: từ 8mm đến 15mm. Đường kính trong: 0.0165 inch. Đường kính ngoài (đầu xa/gân): 2.7F/ 3.7F. Chiều dài ống thông 150cm.</li> <li>- Chất liệu: Bóng bán giãn nở</li> <li>- Đặc tính: Bóng nong có ống thông 2 lòng. Áp lực danh nghĩa: 6atm. Áp lực tối đa: 14atm</li> <li>- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu.</li> </ul>                                                    |
| 315 | PP2600<br>037737 | Ống thông dẫn đường dùng cho stent chặn dòng chảy nội túi phình mạch não | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính trong từ 0.021 inch đến 0.033 inch, chiều dài từ 133cm đến 154cm.</li> <li>- Chất liệu: PTFE</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 316 | PP2600<br>037738 | Vi ống thông mềm                                                         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính trong 0.013 inch, đường kính ngoài đầu xa 1.5Fr, đường kính ngoài đầu gần 2.7Fr, tổng chiều dài 165cm. Phù hợp với dây dẫn 0.008 inch và 0.010 inch.</li> <li>- Chất liệu: Sợi thép không gỉ, đầu xa có lớp nitinol.</li> <li>- Đặc tính: có đầu tự đứt, có kích thước dài 1,5cm, 3cm, 5cm.</li> </ul>                                                                                           |
| 317 | PP2600<br>037739 | Vi ống thông mềm ái nước                                                 | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính ngoài đoạn gần từ 2.2F - 4.0F, đoạn xa từ 1.9F - 3.8F. Chiều dài vi ống thông 135cm, 155cm.</li> <li>- Chất liệu: Vi ống thông phủ lớp ái nước Hydrophillic ở đoạn xa và phủ PTFE trong lòng ống làm tăng khả năng điều hướng.</li> <li>- Đặc tính: Định dạng với đầu thẳng (D) và đầu cong (MP).</li> </ul>                                                                                     |
| 318 | PP2600<br>037740 | Vi ống thông siêu nhỏ mềm có đầu đứt rời                                 | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính ngoài đầu xa 1.2F, có đoạn tách rời: 1,5cm, 2,5cm và 3,5cm.</li> <li>+ Đường kính ngoài đầu xa 1.5F, có đoạn tách rời: 1,5cm, 2,5cm, 3,5cm và 4,5cm.</li> <li>+ Tổng chiều dài vi ống thông 167cm.</li> </ul> </li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đóng gói kèm vi dây dẫn 0.007 inch hoặc 0.008 inch.</li> </ul> </li> </ul> |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                  | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 319 | PP2600<br>037741 | Vi ống thông dùng trong mạch máu ngoại biên dài từ 110cm đến 150cm | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 2.8F - 1.7F và 2.9F - 2.0F. Chiều dài: 110cm, 130cm, 150cm.</li> <li>- Chất liệu: Sợi Nylon bền, đầu xa phủ lớp ái nước dài 80cm. Tương thích hóa học với lipiodol, thuốc hóa trị, keo và ethanol.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đầu xa: đầu thẳng, cong 45 độ và cổ thiên nga.</li> <li>+ Tương thích với vật liệu tắc mạch có kích thước tới 710µm.</li> <li>+ Chịu được áp lực 800psi.</li> <li>+ Có 1 marker cản quang ở đầu tip.</li> </ul> </li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                      |
| 320 | PP2600<br>037742 | Vi ống thông can thiệp Toce tối thiểu 1.9F                         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 1.9Fr hoặc 2.6Fr.</li> <li>+ Đường kính xa/gần: 1.98/2.8 Fr (Soft), 2.6/2.8 Fr (HF);</li> <li>+ Đường kính trong: 0.022 inch (Soft), 0.027 inch (HF);</li> <li>+ Dây dẫn tối đa: 0.018 inch (Soft), 0.021 inch (HF);</li> <li>+ Chiều dài khả dụng: 105cm - 150cm.</li> <li>- Chất liệu: Sợi bền Tungsten, lớp phủ ái nước.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Áp lực bơm lên tới 1000 psi.</li> <li>+ Lớp phủ ái nước đoạn dài 65cm, 100cm.</li> </ul> </li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                    |
| 321 | PP2600<br>037743 | Vi ống thông kèm vi dây dẫn can thiệp Toce                         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính 2.4Fr và 2.7Fr, dài 110cm (±5cm) và 130cm (±5cm).</li> <li>+ Dây dẫn đi kèm: Kích cỡ 0.018 inch - 0.021 inch, có tối thiểu 2 kích cỡ loại chiều dài 120cm và 140cm;</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cấu trúc 3 lớp: lớp trong được phủ lớp PTFE; lớp giữa chất liệu Tungsten; lớp ngoài phủ lớp ái nước M coat.</li> <li>+ Vi dây dẫn lõi bằng hợp kim Nitinol siêu đàn hồi, lớp ngoài Polyurethane.</li> </ul> </li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vi ống thông có đoạn đánh dấu cản quang 0,7mm Platinum/Iridium ở đầu tận.</li> <li>+ Vi dây dẫn lớp phủ ái nước hydrophilic.</li> </ul> </li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul> |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                                  | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 322 | PP2600<br>037744 | Vi ống thông can thiệp Toce gan, mạch máu tạng và ngoại biên siêu nhỏ                              | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích Thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đầu xa, đầu gần là 1.9F, 2.2F, 2.8F;</li> <li>+ Đường kính trong đầu xa, đầu gần là 0.019 inch, 0.022 inch;</li> <li>+ Chiều dài: 110cm, 130cm, 150cm.</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bề mặt phủ hydrophilic;</li> <li>+ Lớp bên ngoài: Urethane, polyamide; lớp giữa: Tungsten;</li> <li>+ Lớp bên trong: Fluoro;</li> <li>+ Dầu cản quang: hợp kim Platinum.</li> </ul> </li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đầu vát bút chì 1.8F. Độ cứng ống thông thay đổi từ đầu tip mềm (đầu xa) đến đầu gần với 10 độ cứng khác nhau.</li> <li>+ Có sẵn 3 hình dạng đầu tip: Straight, Angle, Double Angle.</li> <li>+ Tương thích dây dẫn tối đa 0.018 inch.</li> <li>+ Áp lực tối đa 1000psi.</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul> </li> </ul> |
| 323 | PP2600<br>037745 | Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và mạch máu ngoại biên (tiết niệu, sinh dục, gan, lách, thận) | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính ngoài đầu gần: tối thiểu từ 2.7F - 2.9F.</li> <li>+ Đường kính ngoài đầu xa: tối thiểu có các cỡ 1.7F; 1.8F; 1.9F; 2.2F; 2.7F.</li> <li>+ Chiều dài: Từ 70cm đến 150cm.</li> <li>+ Chiều dài lớp phủ ái nước: từ 60cm đến 110cm.</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bọc Tungsten xuyên suốt chiều dài, phủ lớp ái nước (Hydrophilic).</li> <li>+ Lớp lót PTFE bên trong, đầu tip Marker Platinum.</li> </ul> </li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tương thích vi dây dẫn: từ 0.016 inch - 0.025 inch.</li> <li>+ Chịu được áp lực lên đến 1.000PSI</li> <li>+ Kèm theo vi dây dẫn có cản quang dài 165cm/180cm.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                          |
| 324 | PP2600<br>037746 | Vi ống thông 2 nòng các cỡ                                                                         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Ống thông 2 nòng (1 nòng OTW và 1 nòng RX chiều dài 20cm) để can thiệp cho mạch nhánh và tổn thương CTO. Ống thông gồm 2 lõi kim loại không gỉ.</li> <li>- Chiều dài từ đầu tip tới nòng OTW: 6,5mm.</li> <li>- Lớp phủ: L coating.</li> <li>- Thiết kế ống hình bầu dục.</li> <li>- Đường kính ngoài (tip/distal): 1.5/ 2.5F - 3.3 F.</li> <li>- Chiều dài tối thiểu 145cm.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                                                             | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                           |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 325 | PP2600<br>037747 | Vi ống thông 2 nòng can thiệp động mạch vành, sang thương phân đôi các cỡ                                                     | Cái         | Vi ống thông 2 nòng, can thiệp sang thương chia đôi và CTO, dài 140cm - 145cm, cấu tạo 2 lõi thép không gỉ chống xoắn, gồm 2 nòng: 1 nòng OTW và 1 nòng RX.                                                                          |
| 326 | PP2600<br>037748 | Vi ống thông can thiệp động mạch vành, sang thương tắc mạn CTO các cỡ                                                         | Cái         | Thiết kế trục với lõi ống được bện từ 14 dây dẫn. Đầu tip đường kính 1.3F. Đường kính ngoài (prox/ distal): 2.9F, 2.1F. Lớp phủ hydrophilic tính từ đầu tip: 700mm (dây 135cm)/ 850mm (dây 150cm). Chiều dài khả dụng: 135cm, 150cm. |
| 327 | PP2600<br>037749 | Vi ống thông dài tối thiểu 135cm dùng trong can thiệp CTO các cỡ                                                              | Cái         | Lõi ống được bện từ 10 dây dẫn trở lên. Chiều dài: 135cm, 150cm. Ống có chất liệu kim loại không gỉ.                                                                                                                                 |
| 328 | PP2600<br>037750 | Vi ống thông hỗ trợ can thiệp động mạch vành sang thương dài ngắn ngắn                                                        | Cái         | Đường kính ngoài đầu tip: 1.4F. Đường kính ngoài (prox/ distal): 2.6F, 1.9F. Chiều dài khả dụng: 135cm, 150cm. Lớp phủ ái nước: 70cm - 85cm.                                                                                         |
| 329 | PP2600<br>037751 | Nắp đẩy dùng trong thăm phân phúc mạc                                                                                         | Cái         | - Chất liệu: Nắp bằng nhựa chứa povidon-iod.<br>- Đặc tính: Được sử dụng để bảo vệ đầu khóa nối của bộ chuyển tiếp.                                                                                                                  |
| 330 | PP2600<br>037752 | Chỉ đặc biệt siêu bền                                                                                                         | Cái         | - Kích thước: Chỉ không tiêu số 2 kèm kim.<br>Chiều dài chỉ tối thiểu 90cm.<br>- Chất liệu: Polyethylene khối lượng phân tử siêu cao - (UHMW).<br>- Đặc tính: Sức căng tối thiểu 220N.<br>- Đóng gói: Đã tiệt trùng.                 |
| 331 | PP2600<br>037753 | Chỉ FiberWire                                                                                                                 | Cái         | - Kích thước: Chỉ siêu bền số 2 kèm kim. Chiều dài chỉ tối thiểu 70cm.<br>- Chất liệu: Polyethylene khối lượng phân tử siêu cao.<br>- Đặc tính: Sức căng tối thiểu 220N.<br>- Đóng gói: Đã tiệt trùng.                               |
| 332 | PP2600<br>037754 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 1 chiều dài tối thiểu 100cm, 1 kim tròn đầu cắt chiều dài 45mm, 1/2 vòng tròn | Tép         | - Kích thước: Chỉ số 1, chiều dài tối thiểu 100cm, 1 kim tròn đầu cắt, chiều dài 45mm ( $\pm 1$ mm), 1/2 vòng tròn.<br>- Chất liệu: Polypropylene.<br>- Đặc tính: không tan, đơn sợi.<br>- Đóng gói: Vô trùng                        |



| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                                        | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 333 | PP2600<br>037755 | Chỉ phẫu thuật đơn sợi tổng hợp polypropylene số 2/0, dài 90cm, hai kim tròn dài 31mm 1/2C               | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 2/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 31mm, 1/2 vòng tròn.</li> <li>- Chất liệu: Polypropylene.</li> <li>- Đặc tính: Kim bằng hợp kim thép chứa niken, titanium, chromium, molybden 3% - 4% và sắt. Đường kính kim nhỏ hơn 0,75mm, phủ silicone tối thiểu 3 lớp, thân kim đẹp, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul>                  |
| 334 | PP2600<br>037756 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 2/0, dài tối thiểu 120cm, 2 kim tròn chiều dài 26mm 1/2C | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 2/0, dài tối thiểu 120cm, 2 kim tròn chiều dài 26mm (<math>\pm 1</math>mm), 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chỉ không tan đơn sợi Isotactic polypropylene.</li> <li>+ Kim làm bằng thép không gỉ có thành phần (Chrom tối thiểu 17%, Niken tối thiểu 8%, Molybdenum 0,2 - 10%), phủ silicon.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul> |
| 335 | PP2600<br>037757 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 2/0, dài tối thiểu 90cm 2 kim tròn đầu cắt dài 26mm 1/2C | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 2/0, dài tối thiểu 90cm, 2 kim tròn, đầu cắt chiều dài 26mm, 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi phủ polyethylene glycol (PEG) và DSTDP.</li> <li>+ Kim làm bằng hợp kim (Crom tối thiểu 12%, Niken tối thiểu 9%, Cu tối thiểu 2%, titan tối thiểu 0,9%,...), phủ silicon.</li> </ul> </li> </ul>                |
| 336 | PP2600<br>037758 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylen số 3/0, dài tối thiểu 90cm, 2 kim tròn dài 26mm 1/2C         | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 3/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn SH, dài 26mm 1/2 vòng tròn.</li> <li>- Chất liệu: Polypropylene.</li> <li>- Đặc tính: Kim bằng hợp kim thép chứa niken, titanium, chromium, molybden 3% - 4% và sắt. Đường kính kim nhỏ hơn 0,75mm, phủ silicone tối thiểu 3 lớp, thân kim đẹp.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                            |
| 337 | PP2600<br>037759 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 3/0 dài tối thiểu 90cm 2 kim tròn đầu nhọn dài 26mm 1/2C | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 3/0, dài 90cm, 2 kim tròn 26mm, 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Chỉ không tan đơn sợi Isotactic polypropylene.</li> <li>- Đặc tính: Kim làm bằng thép không gỉ có thành phần (Chrom tối thiểu 17%, Niken tối thiểu 8%, Molybdenum từ 0,2% đến 10%), phủ silicon.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul>                                                                                   |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                                                    | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 338 | PP2600<br>037760 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 3/0 dài tối thiểu 90cm, phủ polyethylene glycol 2 kim dài 26mm 1/2 C | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 3/0, dài tối thiểu 90cm, 2 kim tròn, đầu nhọn chiều dài 26mm, 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi phủ polyethylene glycol (PEG) và DSTDP.</li> <li>+ Kim làm bằng hợp kim (Crom tối thiểu 12%, Niken tối thiểu 9%, Cu tối thiểu 2%, titan tối thiểu 0,9%,...), phủ silicon.</li> </ul> </li> </ul>       |
| 339 | PP2600<br>037761 | Chỉ phẫu thuật đơn sợi tổng hợp Polypropylene số 4/0, chiều dài tối thiểu dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn 17mm 3/8C    | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 4/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn BB, dài 17mm 3/8C.</li> <li>- Chất liệu: Polypropylen</li> <li>- Đặc tính: Kim bằng hợp kim thép chứa niken, titanium, chromium, molybden 3% - 4% và sắt. Đường kính kim nhỏ hơn 0,75mm, phủ silicone tối thiểu 3 lớp, thân kim đẹp.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                               |
| 340 | PP2600<br>037762 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 4/0, chiều dài tối thiểu 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn dài 22mm 1/2C     | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 4/0, chiều dài tối thiểu 90cm, 2 kim tròn 22mm, 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Chỉ không tan đơn sợi Isotactic polypropylene.</li> <li>- Đặc tính: Kim làm bằng thép không gỉ có thành phần (Chrom tối thiểu 17%, Niken tối thiểu 8%, Molybdenum từ 0,2 đến 10%), phủ silicon.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul>                                                            |
| 341 | PP2600<br>037763 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 5/0, dài tối thiểu 90cm, 2 kim tròn dài 17mm 1/2C                    | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 5/0, chiều dài tối thiểu 90cm, 2 kim tròn đầu tròn RB-1 dài 17mm, 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Polypropylen</li> <li>- Đặc tính: Kim bằng hợp kim thép chứa niken, titanium, chromium, molybden 3% - 4% và sắt. Đường kính kim tối đa 0,42mm, phủ silicone tối thiểu 3 lớp, thân kim đẹp, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul> |
| 342 | PP2600<br>037764 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 5/0, chiều dài tối thiểu 75cm, 2 kim tròn dài 18mm 1/2C              | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Cỡ chỉ số 5/0, chiều dài tối thiểu 75cm, 2 kim tròn 18mm, 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Chỉ không tan đơn sợi Isotactic polypropylene.</li> <li>- Đặc tính: Kim làm bằng thép không gỉ, có thành phần (Chrom tối thiểu 17%, Niken tối thiểu 8%, Molybdenum từ 0,2 đến 10%), phủ silicon.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul>                                                        |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                                                            | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 343 | PP2600<br>037765 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene 6/0, chiều dài tối thiểu 60cm, 2 kim tròn đầu cắt dài 13mm 3/8C                 | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 6/0, chiều dài tối thiểu 60cm, 2 kim tròn đầu cắt Multipass 13mm, 3/8C.</li> <li>- Chất liệu: Polypropylen</li> <li>- Đặc tính: Kim bằng hợp kim thép chứa niken, titanium, chromium, molybden 3% - 4% và sắt. Đường kính kim nhỏ hơn 0,35mm, phủ silicone tối thiểu 3 lớp, thân kim đẹp.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul> |
| 344 | PP2600<br>037766 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 6/0, chiều dài tối thiểu 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn dài 10mm 3/8C             | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 6/0, chiều dài tối thiểu 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn 3/8C, chiều dài 10mm (<math>\pm 1</math>mm).</li> <li>- Chất liệu: Polypropylen</li> <li>- Đặc tính: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul>                                                          |
| 345 | PP2600<br>037767 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 7/0, chiều dài tối thiểu 60cm, 2 kim tròn đầu cắt dài 11mm 3/8C.             | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 7/0, chiều dài tối thiểu 60cm, 2 kim tròn đầu cắt dài 11mm 3/8C.</li> <li>- Chất liệu: Polypropylen</li> <li>- Đặc tính: Kim bằng hợp kim thép chứa niken, titanium, chromium, molybden 3% - 4% và sắt. Đường kính kim nhỏ hơn 0,26mm, phủ silicone tối thiểu 3 lớp, thân kim đẹp.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul>        |
| 346 | PP2600<br>037768 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 7/0, chiều dài tối thiểu 60cm, 2 kim, kim tròn đầu tròn chiều dài 9,3mm 3/8C | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 7/0, chiều dài tối thiểu 60cm, 2 kim tròn, đầu tròn 3/8C chiều dài 9mm (<math>\pm 0,3</math>mm).</li> <li>- Chất liệu: Polypropylen.</li> <li>- Đặc tính: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul>                                                                                                 |
| 347 | PP2600<br>037769 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 8/0, chiều dài tối thiểu 60cm, 2 kim tròn đầu cắt dài 8mm 3/8C               | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 8/0, chiều dài tối thiểu 60cm, 2 kim tròn, đầu cắt 3/8C chiều dài 8mm (<math>\pm 0,3</math>mm).</li> <li>- Chất liệu: Polypropylen.</li> <li>- Đặc tính: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                 |
| 348 | PP2600<br>037770 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 8/0, chiều dài tối thiểu 60cm, 2 kim tròn đầu nhọn dài 6mm 3/8C              | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 8/0, chiều dài tối thiểu 60cm, 2 kim tròn, đầu nhọn 3/8C chiều dài 6mm (<math>\pm 2</math>mm).</li> <li>- Chất liệu: Polypropylen.</li> <li>- Đặc tính: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                  |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                                               | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 349 | PP2600<br>037771 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 10/0, chiều dài tối thiểu 30cm, 2 kim hình thang dài 6,5mm 3/8C | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 10/0 chiều dài tối thiểu 30cm, 2 kim tròn đầu hình thang dài 6,5mm 3/8 vòng tròn.</li> <li>- Chất liệu: Polypropylen.</li> <li>- Đặc tính: Kim bằng hợp kim thép chứa niken, titanium, chromium, molybden 3% - 4% và sắt. Đường kính kim nhỏ hơn 0,16mm, phủ silicone tối thiểu 3 lớp, thân kim đẹp.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul> |
| 350 | PP2600<br>037772 | Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 26mm 1/2C                            | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 2/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tròn 1/2C 26mm (<math>\pm 1</math>mm).</li> <li>- Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên đa sợi Silk.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                                                                                                             |
| 351 | PP2600<br>037773 | Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0, không kim, 13 sợi x 60cm                                                    | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 2/0, không kim.</li> <li>- Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên đa sợi Silk.</li> <li>- Đặc tính: 13 sợi x 60cm.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                                                                                                                                   |
| 352 | PP2600<br>037774 | Chỉ không tan tự nhiên Silk số 3/0, dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 26mm 1/2C                                  | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 3/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tròn 1/2C chiều dài 26mm (<math>\pm 2</math>mm).</li> <li>- Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên đa sợi Silk.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                                                                                                   |
| 353 | PP2600<br>037775 | Chỉ không tan tự nhiên Silk số 3/0, không kim, 13 sợi x 60cm                                                    | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 3/0, không kim.</li> <li>- Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên đa sợi Silk.</li> <li>- Đặc tính: 13 sợi x 60cm.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                                                                                                                                   |
| 354 | PP2600<br>037776 | Chỉ không tan tự nhiên Silk số 4/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 26mm 1/2C                            | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 4/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tròn 1/2C chiều dài 24mm (<math>\pm 2</math>mm).</li> <li>- Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên đa sợi Silk.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                                                                                                    |
| 355 | PP2600<br>037777 | Chỉ không tiêu tổng hợp Nylon số 2/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tam giác dài 26mm 3/8C                      | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 2/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tam giác 3/8C chiều dài 26mm (<math>\pm 2</math>mm).</li> <li>- Chất liệu: Chỉ không tiêu tổng hợp Nylon.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                                                                                                    |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                          | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 356 | PP2600<br>037778 | Chỉ không tiêu tổng hợp Nylon số 3/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tam giác dài 26mm 3/8C | Tép         | - Kích thước: Chỉ số 3/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tam giác 3/8C chiều dài 24mm ( $\pm 2$ mm).<br>- Chất liệu: Chỉ không tiêu tổng hợp Nylon.<br>- Đóng gói: Vô trùng.<br>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.                         |
| 357 | PP2600<br>037779 | Chỉ không tiêu tổng hợp Nylon số 4/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tam giác dài 18mm 3/8C | Tép         | - Kích thước: Chỉ số 4/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tam giác 3/8C chiều dài 18mm ( $\pm 2$ mm).<br>- Chất liệu: Chỉ không tiêu tổng hợp Nylon.<br>- Đóng gói: Vô trùng.<br>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.                         |
| 358 | PP2600<br>037780 | Chỉ không tiêu tổng hợp Nylon số 5/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tam giác dài 16mm 3/8C | Tép         | - Kích thước: Chỉ số 5/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tam giác 3/8C chiều dài 16mm ( $\pm 2$ mm).<br>- Chất liệu: Chỉ không tiêu tổng hợp Nylon.<br>- Đóng gói: Vô trùng<br>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.                          |
| 359 | PP2600<br>037781 | Chỉ phẫu thuật Ethilon 8/0 chiều dài tối thiểu 13cm, kim tròn dài 6,5mm                    | Tép         | - Kích thước: Chỉ số 8/0, chiều dài tối thiểu 13cm, kim tròn 38/C, chiều dài 6,5mm ( $\pm 0,5$ mm).<br>- Chất liệu: Polyamide 6/6.<br>- Đóng gói: Vô trùng.<br>- Xuất xứ: Châu Mỹ.                                                 |
| 360 | PP2600<br>037782 | Chỉ phẫu thuật Ethilon 9/0, chiều dài tối thiểu 13cm, kim tròn dài 5,1mm                   | Tép         | - Kích thước: Chỉ số 9/0, chiều dài tối thiểu 13cm, kim tròn chiều dài 5,1mm ( $\pm 0,5$ mm).<br>- Chất liệu: Polyamide 6/6.<br>- Đóng gói: Vô trùng.<br>- Xuất xứ: Châu Mỹ.                                                       |
| 361 | PP2600<br>037783 | Chỉ khâu tiêu đơn sợi có gai số 2/0, chiều dài tối thiểu 30cm, kim tròn dài 26mm 1/2C      | Tép         | - Kích thước: Chỉ tan tổng hợp đơn sợi có gai 2/0, chiều dài tối thiểu 30cm, kim tròn, 1/2C chiều dài 26mm ( $\pm 1$ mm).<br>- Chất liệu: P - dioxanone.<br>- Đặc tính: Đơn sợi có gai.<br>- Đóng gói: Vô trùng.<br>- Xuất xứ: G7. |
| 362 | PP2600<br>037784 | Chỉ tan đơn sợi Polydioxanone số 3/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 26mm 1/2C     | Tép         | - Kích thước: Chỉ số 3/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tròn 1/2C chiều dài 26mm ( $\pm 1$ mm).<br>- Chất liệu: Polydioxanone.- Đặc tính: Chỉ tan đơn sợi.- Đóng gói: Vô trùng.                                                    |
| 363 | PP2600<br>037785 | Chỉ tan đơn sợi Polydioxanone số 4/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 20mm 1/2C     | Tép         | - Kích thước: Chỉ số 4/0, chiều dài tối thiểu 70cm, kim tròn 1/2C chiều dài 20mm ( $\pm 1$ mm).<br>- Chất liệu: Polydioxanone.<br>- Đặc tính: Chỉ tan đơn sợi.<br>- Đóng gói: Vô trùng.                                            |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                                   | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 364 | PP2600<br>037786 | Chỉ tan đơn sợi Polydioxanone số 5/0, dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 17mm 1/2C                    | Tép         | - Kích thước: Chỉ tan đơn sợi Polydioxanone số 5/0, dài tối thiểu 75cm, kim tròn 1/2C chiều dài 17mm ( $\pm 1$ mm).<br>- Chất liệu: Polydioxanone.<br>- Đóng gói: Vô trùng.                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 365 | PP2600<br>037787 | Chỉ tan kháng khuẩn tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1 dài tối thiểu 90cm, kim tròn dài 40mm 1/2C | Tép         | - Kích thước: Chỉ số 1, chiều dài tối thiểu 90cm, 1 kim tròn đầu tròn CT dài 40mm, 1/2C.<br>- Chất liệu:<br>+ Chỉ tan tổng hợp đa sợi kháng khuẩn Polyglactin 910, kim bằng hợp kim thép không gỉ, gồm niken, titan, chromium, molybden 3-4% và sắt, phủ silicone tối thiểu 3 lớp. Đường kính kim nhỏ hơn 1,2mm, giới hạn độ bền kéo hợp kim tối thiểu 2750MPa.<br>+ Phủ triclosan.<br>- Đóng gói: Vô trùng.                                   |
| 366 | PP2600<br>037788 | Chỉ tan tổng hợp đa sợi bền Polyglactin số 1 dài tối thiểu 90cm, kim tròn đầu nhọn dài 40mm 1/2C    | Tép         | - Kích thước: Chỉ số 1, chiều dài tối thiểu 90cm, 1 kim tròn 1/2C chiều dài 40mm.<br>- Chất liệu: Polyglactin 910.<br>- Đặc tính: Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 302 có thành phần (Chrom từ 17% đến 19%, Niken từ 8% đến 10%), phủ silicon.<br>- Đóng gói: Vô trùng.                                                                                                                                 |
| 367 | PP2600<br>037789 | Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1 dài tối thiểu 90cm, kim tròn đầu nhọn dài 40mm 1/2C   | Tép         | - Kích thước: Chỉ tan tổng hợp đa sợi bền Polyglactin số 1, chiều dài tối thiểu 90cm, kim tròn đầu nhọn 1/2C chiều dài 40mm ( $\pm 1$ mm).<br>- Chất liệu: Polyglactin, kim làm bằng thép không gỉ.<br>- Đóng gói: Vô trùng.                                                                                                                                                                                                                   |
| 368 | PP2600<br>037790 | Chỉ phẫu thuật polyglycolic acid số 1 dài 90cm, kim tròn dài 40mm 1/2C                              | Tép         | - Kích thước: Số 1, dài 90cm, kim tròn 1/2C 40mm.<br>- Chất liệu: Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ bằng poly (lactic-co-glycolic acid) (30/70) và calcium stearate.<br>- Đặc tính:<br>+ Sức căng còn lại đạt 65% vào ngày thứ 14. Tan hoàn toàn trong vòng 60 - 90 ngày.<br>+ Độ bền kéo đứt tối thiểu 78,4N và tối thiểu 154% so với USP.<br>+ Lực tách kim và chỉ tối thiểu 35,2N và tối thiểu 196% so với USP.<br>- Đóng gói: Vô trùng. |
| 369 | PP2600<br>037791 | Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1 dài tối thiểu 100cm, kim đầu tù khâu gan dài 65mm 3/8C | Tép         | - Kích thước: Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1, dài tối thiểu 100cm, kim đầu tù khâu gan chiều dài 65mm ( $\pm 1$ mm), 3/8C.<br>- Chất liệu: Polyglactin.<br>- Đóng gói: Vô trùng.                                                                                                                                                                                                                                                 |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                                     | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 370 | PP2600<br>037792 | Chỉ tan kháng khuẩn tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0 dài tối thiểu 70cm, kim tròn dài 26mm 1/2C | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 2/0, chiều dài tối thiểu 70cm, 1 kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chỉ tan tổng hợp đa sợi kháng khuẩn Polyglactin 910, kim bằng hợp kim thép không gỉ, gồm niken, titan, chromium, molybden 3% - 4% và sắt, phủ silicone tối thiểu 3 lớp. Đường kính kim nhỏ hơn 0,7mm, giới hạn độ bền kéo hợp kim tối thiểu 2750MPa.</li> <li>+ Phủ triclosan.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                              |
| 371 | PP2600<br>037793 | Chỉ tan tổng hợp đa sợi bền Polyglactin số 2/0 dài tối thiểu 75cm, kim tròn đầu nhọn dài 30mm 1/2C    | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 2/0, chiều dài tối thiểu 75cm, 1 kim tròn dài tối thiểu 26mm 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi chất liệu chỉ Polyglactin 910.</li> <li>- Đặc tính: Kim làm bằng thép không gỉ AISI 302 có thành phần (Chrom từ 17% đến 19%, Niken từ 8% đến 10%), phủ silicon.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul>                                                                                                                                                           |
| 372 | PP2600<br>037794 | Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0 dài tối thiểu 90cm, kim tròn đầu cắt dài 36mm 1/2C     | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 2/0, chiều dài tối thiểu 90cm, kim tròn đầu cắt dài 36mm 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Chỉ tan nhanh tổng hợp Polyglactine 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate.</li> <li>- Đặc tính: Đường kính kim nhỏ hơn 0,5mm, giới hạn độ bền kéo hợp kim tối thiểu 2750MPa, thân kim đẹp, và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                            |
| 373 | PP2600<br>037795 | Chỉ phẫu thuật polyglycolic acid số 2/0 dài 75cm, kim tròn dài 26mm 1/2C                              | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Số 2/0, dài 75cm, kim tròn dài 26mm 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ bằng poly(lactic-co-glycolic acid) (30/70) và calcium stearate.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sức căng còn lại đạt 65% vào ngày thứ 14. Tan hoàn toàn trong vòng 60 - 90 ngày.</li> <li>+ Độ bền kéo đứt 43,6N và tối thiểu 160% so với USP. Lực tách kim và chỉ tối thiểu 21,1N và tối thiểu 192% so với USP.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul> |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                                     | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 374 | PP2600<br>037796 | Chỉ tan tổng hợp đa sợi có kháng khuẩn Polyglactin số 3/0 dài tối thiểu 70cm, kim tròn dài 26mm 1/2C. | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 2/0, chiều dài tối thiểu 70cm, 1 kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi kháng khuẩn Polyglactin 910, kim bằng hợp kim thép không gỉ, gồm niken, titan, chromium, molybden 3% - 4% và sắt, phủ silicone tối thiểu 3 lớp. Đường kính kim nhỏ hơn 0,62mm, giới hạn độ bền kéo hợp kim tối thiểu 2750MPa.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                  |
| 375 | PP2600<br>037797 | Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0 dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 25mm 1/2C             | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 3/0, chiều dài tối thiểu 75cm, 1 kim tròn dài 26mm 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi chất liệu chỉ Polyglactin910.</li> <li>- Đặc tính: Kim làm bằng thép không gỉ AISI 302 có thành phần (Chrom từ 17% đến 19%, Niken từ 8% đến 10%), phủ silicon.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                           |
| 376 | PP2600<br>037798 | Chỉ phẫu thuật polyglycolic acid số 3/0 dài 75cm, kim tròn dài 26mm 1/2C                              | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Số 3/0, dài 75cm, kim tròn dài 26mm 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ bằng poly (lactic-co-glycolic acid) (30/70) và calcium stearate.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sức căng còn lại đạt 65% vào ngày thứ 14. Tan hoàn toàn trong vòng 60 - 90 ngày.</li> <li>+ Độ bền kéo đứt tối thiểu 25,1N và tối thiểu 140% so với USP.</li> <li>+ Lực tách kim và chỉ tối thiểu 14,4N và tối thiểu 212% so với USP.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul> |
| 377 | PP2600<br>037799 | Chỉ tan kháng khuẩn đa sợi Polyglactin 910 số 4/0 dài tối thiểu 70cm, kim tròn chiều dài 22mm 1/2C    | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 4/0, chiều dài tối thiểu 70cm, kim tròn đầu tròn SH-1 dài 22mm 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi kháng khuẩn Polyglactin 910, kim bằng hợp kim thép không gỉ, gồm niken, titan, chromium, molybden 3% - 4% và sắt, phủ silicone tối thiểu 3 lớp. Đường kính kim tối đa 0,46mm, giới hạn độ bền kéo hợp kim tối thiểu 2750MPa</li> <li>- Đặc tính: Sợi chỉ có tẩm chất kháng khuẩn.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul>                                                                            |



| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                                    | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 378 | PP2600<br>037800 | Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0 dài tối thiểu 75cm kim tròn dài 20mm 1/2C             | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 4/0, chiều dài tối thiểu 75cm, 1 kim tròn dài 20mm, 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi chất liệu chỉ Polyglactin 910.</li> <li>- Đặc tính: Kim làm bằng thép không gỉ có thành phần (Chrom từ 17% đến 19%, Niken từ 8% đến 10%), phủ silicon.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                |
| 379 | PP2600<br>037801 | Chỉ tan tổng hợp đa sợi có kháng khuẩn Polyglactin số 4/0 dài tối thiểu 70cm, kim tròn dài 17mm 1/2C | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ số 4/0, chiều dài tối thiểu 70cm, kim tròn đầu tròn RB-1 Plus 17mm, 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi kháng khuẩn Polyglactin 910, kim bằng hợp kim thép không gỉ, gồm niken, titan, chromium, molybden 3% - 4% và sắt, phủ silicone tối thiểu 3 lớp. Đường kính kim tối đa 0,61mm, giới hạn độ bền kéo hợp kim tối thiểu 2750MPa</li> <li>- Đặc tính: Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                 |
| 380 | PP2600<br>037802 | Chỉ phẫu thuật polyglycolic acid số 4/0 dài 75cm, kim tròn dài 18mm 1/2C                             | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Số 4/0, dài 75cm, kim tròn dài 18mm, 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ bằng poly (lactic-co-glycolic acid) (30/70) và calcium stearate.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sức căng còn lại đạt 65% vào ngày thứ 14. Tan hoàn toàn trong vòng 60 - 90 ngày.</li> <li>+ Độ bền kéo đứt tối thiểu 14 N và tối thiểu 150% so với USP.</li> <li>+ Lực tách kim và chỉ tối thiểu 9 N và tối thiểu 200% so với USP.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul> |
| 381 | PP2600<br>037803 | Chỉ tan tổng hợp đa sợi bền Polyglactin số 5/0 dài tối thiểu 75cm, kim tròn đầu nhọn dài 17mm 1/2C   | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ tan tổng hợp đa sợi bền Polyglactin số 5/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tròn đầu nhọn dài 17mm (<math>\pm 1</math>mm), 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Polyglactin, kim làm bằng thép không gỉ.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 382 | PP2600<br>037804 | Chỉ tan tổng hợp đơn sợi có gai 3/0 dài tối thiểu 30cm, kim tròn dài 26mm 1/2C                       | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ tan tổng hợp đơn sợi có gai 3/0, chiều dài tối thiểu 30cm, kim tròn dài 26mm (<math>\pm 1</math>mm), 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: P - dioxanone.</li> <li>- Đặc tính: Đơn sợi có gai.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                             | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 383 | PP2600<br>037805 | Chỉ khâu tiêu đơn sợi số 4/0 dài tối thiểu 15cm, 1 kim kim tròn dài 17mm 3/8C | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ tan tổng hợp đơn sợi có gai 4/0, chiều dài tối thiểu 15cm, kim tròn dài 17mm (<math>\pm 1</math>mm), 3/8C</li> <li>- Chất liệu: P - dioxanone.</li> <li>- Đặc tính: Đơn sợi có gai.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                              |
| 384 | PP2600<br>037806 | Chỉ khâu tiêu đa sợi số 0 dài tối thiểu 90cm 1 kim tròn dài 40mm 1/2C         | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi số 0, dài tối thiểu 90cm, kim tròn dài 40mm (<math>\pm 1</math>mm), 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Glycolic và lactide được bao phủ bởi calcium stearoyl lactylate.</li> <li>+ Kim làm bằng thép không gỉ, phủ silicon.</li> </ul> </li> <li>- Xuất xứ: G7</li> </ul>    |
| 385 | PP2600<br>037807 | Chỉ khâu tiêu đa sợi, số 1/0 dài tối thiểu 90cm, 1 kim tròn dài 40mm 1/2C     | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi số 1/0, dài tối thiểu 90cm, kim tròn dài 40mm (<math>\pm 1</math>mm), 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Glycolic và lactide được bao phủ bởi calcium stearoyl lactylate.</li> <li>+ Kim làm bằng thép không gỉ, phủ silicon.</li> </ul> </li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul> |
| 386 | PP2600<br>037808 | Chỉ khâu tiêu đa sợi số 2/0 dài tối thiểu 75cm, 1 kim tròn dài 26mm 1/2C      | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi số 2/0, dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 26mm (<math>\pm 1</math>mm), 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Glycolic và lactide được bao phủ bởi calcium stearoyl lactylate.</li> <li>+ Kim làm bằng thép không gỉ, phủ silicon.</li> </ul> </li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul> |
| 387 | PP2600<br>037809 | Chỉ khâu tiêu đa sợi số 3/0 dài tối thiểu 75cm, 1 kim dài 26mm 1/2C           | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi số 3/0, dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 26mm (<math>\pm 1</math>mm), 1/2C .</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Glycolic và lactide được bao phủ bởi calcium stearoyl lactylate.</li> <li>+ Kim làm bằng thép không gỉ, phủ silicon</li> </ul> </li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul> |
| 388 | PP2600<br>037810 | Chỉ khâu tiêu đa sợi số 4/0 dài tối thiểu 75cm, 1 kim tròn dài 26mm 1/2C      | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi số 4/0, dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 26mm (<math>\pm 1</math>mm), 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Glycolic và lactide được bao phủ bởi calcium stearoyl lactylate.</li> <li>+ Kim làm bằng thép không gỉ, phủ silicon.</li> </ul> </li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul> |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                 | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 389 | PP2600<br>037811 | Chỉ tan tự nhiên Chromic catgut số 1/0 dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 40mm 1/2C | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ tan tự nhiên Chromic catgut số 1/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 40mm (<math>\pm 1</math>mm), 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Chromic catgut.</li> <li>- Đóng gói: Đóng gói trong dung dịch alcohol và EO dạng lỏng.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul> |
| 390 | PP2600<br>037812 | Chỉ tan tự nhiên Chromic catgut số 2/0 dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 30mm 1/2C | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ tan tự nhiên Chromic catgut số 2/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 30mm (<math>\pm 1</math>mm), 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Chromic catgut.</li> <li>- Đóng gói: Đóng gói trong dung dịch alcohol và EO dạng lỏng.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul> |
| 391 | PP2600<br>037813 | Chỉ tan tự nhiên Chromic catgut số 3/0 dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 26mm 1/2C | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ tan tự nhiên Chromic catgut số 3/0, chiều dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 26mm (<math>\pm 1</math>mm), 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Chromic catgut.</li> <li>- Đóng gói: Đóng gói trong dung dịch alcohol và EO dạng lỏng.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul> |
| 392 | PP2600<br>037814 | Chỉ tan tự nhiên Chromic catgut số 4/0 dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 26mm 1/2C | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ tan tự nhiên Chromic catgut số 4/0, dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 26mm (<math>\pm 1</math>mm), 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Chromic catgut.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>                                               |
| 393 | PP2600<br>037815 | Chỉ tan tự nhiên Chromic catgut số 5/0 dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 12mm 1/2C | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ tan tự nhiên Chromic catgut số 5/0, dài tối thiểu 75cm, kim tròn dài 12mm (<math>\pm 1</math>mm), 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Chromic catgut.</li> <li>- Đóng gói: Đóng gói trong dung dịch alcohol và EO dạng lỏng.</li> <li>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.</li> </ul>       |
| 394 | PP2600<br>037816 | Chỉ thép khâu xương ức số 5 dài tối thiểu 45cm, kim tròn đầu cắt dài 48mm 1/2C    | Tép         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chỉ thép số 5, chiều dài tối thiểu 45cm, kim tròn đầu cắt dài 48mm (<math>\pm 1</math>mm), 1/2C.</li> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                               | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                               |
|-----|------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 395 | PP2600<br>037817 | Chỉ thép số 5 dài tối thiểu 45cm, kim tròn trocal dài 55mm 1/2C | Tép         | - Kích thước: Chỉ thép số 5, chiều dài tối thiểu 45cm, kim tròn trocal dài 55mm ( $\pm 1$ mm), 1/2 C.<br>- Chất liệu: Thép không gỉ.<br>- Đóng gói: Đóng gói trong dung dịch alcohol và EO dạng lỏng                     |
| 396 | PP2600<br>037818 | Chỉ khâu tự tiêu có gai kháng khuẩn dạng xương cá               | Sợi         | - Kích thước: 2.0, 3.0, 4.0.<br>- Đặc tính: Chỉ tự tiêu, có dạng xương cá, tự cố định không cần thắt nút khi khâu.                                                                                                       |
| 397 | PP2600<br>037819 | Chỉ thép khâu xương bánh chè                                    | Tép         | - Kích thước: Số 7. Kim tam giác 1/2C. Chiều dài tối thiểu 120mm.<br>- Chất liệu: Thép không gỉ.<br>- Xuất xứ: OECD hoặc ASEAN.                                                                                          |
| 398 | PP2600<br>037820 | Chỉ thép cuộn dài tối thiểu 5m                                  | Cuộn        | - Kích thước: Đường kính 0.8mm, 1.0mm và 1.2mm, chiều dài tối thiểu 5m.<br>- Chất liệu: Thép y khoa.<br>- Đặc tính: Loại không luồn kim, cuộn tròn.<br>- Đóng gói: 1 cuộn/gói.                                           |
| 399 | PP2600<br>037821 | Chỉ thép B3                                                     | Cuộn        | - Kích thước: Đường kính 0.3mm, 0.6mm chiều dài tối thiểu 10m.<br>- Chất liệu: Chất liệu thép y khoa.<br>- Đặc tính: Loại không luồn kim, cuộn tròn.<br>- Đóng gói: 1 cuộn/gói.                                          |
| 400 | PP2600<br>037822 | Tấm điện cực trung tính có vòng đẳng thế dùng 1 lần             | Miếng       | - Đặc tính: Dán trên người bệnh nhân, cách điện khi đốt dao điện, dùng cho các loại máy cắt đốt.                                                                                                                         |
| 401 | PP2600<br>037823 | Tấm nối điện cực trung tính                                     | Miếng       | - Đặc tính: Dán trên người bệnh nhân, cách điện khi đốt dao điện, dùng cho các loại máy cắt đốt Valleylab của Bệnh viện.                                                                                                 |
| 402 | PP2600<br>037824 | Lưỡi dao bào da                                                 | Cái         | - Kích thước: Dài 157mm x rộng 18mm x dày 0,229mm.<br>- Chất liệu: Thép không gỉ.<br>- Đóng gói: Vô trùng. 01 cái/gói.                                                                                                   |
| 403 | PP2600<br>037825 | Lưỡi dao cắt vi phẫu                                            | Cái         | - Kích thước: Góc nghiêng tối thiểu 35 độ. Chiều dài 80mm.<br>- Chất liệu: Thép.<br>- Đóng gói: hộp/50 cái.                                                                                                              |
| 404 | PP2600<br>037826 | Lưỡi mài xương kim cương                                        | Cái         | - Kích thước: Đường kính (2.1mm - 5.0mm) $\pm 10\%$ .<br>- Chất liệu: Thép không gỉ tiêu chuẩn y tế.<br>- Đặc tính:<br>+ Mũi khoan mài kim cương dùng trong phẫu thuật thần kinh;<br>+ Mũi khoan sai số $\leq 2/100$ mm; |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa               | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------------|-------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                  |                                                 |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mũi khoan được xử lý làm cứng nhằm nâng cao thêm khả năng cắt;</li> <li>+ Có 8 vạch chỉ chỉ trên mũi khoan mài cho phép mở rộng chiều dài làm việc thêm 8mm;</li> <li>+ Một mũi khoan mài dùng được với tất cả các ngành chức năng của hệ thống khoan cao tốc.</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> <li>- Yêu cầu khác: Nhà thầu cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ khi trúng thầu.</li> </ul> |
| 405 | PP2600<br>037827 | Mũi mài cột sống dùng trong nội soi cột sống    | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính đầu mũi mài tối thiểu 3mm.</li> <li>- Chất liệu: Thân thép không gỉ, mũi phủ kim cương.</li> <li>- Đặc tính: Có tấm chắn bảo vệ dây thần kinh khi mài.</li> <li>- Yêu cầu khác: Nhà thầu cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ khi trúng thầu.</li> </ul>                                                                                                          |
| 406 | PP2600<br>037828 | Mũi dao 36 kHz cỡ chuẩn cho dao mổ CUSA         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính tối thiểu 1,9mm, dài tối thiểu 11cm.</li> <li>- Chất liệu: Titanium.</li> <li>- Đặc tính: Mũi dao 36kHz cỡ chuẩn, cong kéo dài tương thích với tay dao 36kHz của Dao mổ siêu âm CUSA.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> </ul>                                                                                                                              |
| 407 | PP2600<br>037829 | Mũi dao 36kHz cỡ nhỏ dài, cho dao mổ CUSA       | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính tối thiểu 1,5mm, dài tối thiểu 19cm.</li> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Đặc tính: Mũi dao 36kHz tương thích với tay dao 36kHz của Dao mổ siêu âm CUSA</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng</li> </ul>                                                                                                                                                        |
| 408 | PP2600<br>037830 | Mũi dao 36kHz cho mô canxi hóa, cho dao mổ CUSA | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: đường kính tối thiểu 1mm, dài tối thiểu 11cm.</li> <li>- Chất liệu: Titanium.</li> <li>- Đặc tính: Mũi dao 36kHz Saber tương thích với tay dao 36kHz của Dao mổ siêu âm CUSA.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                 |
| 409 | PP2600<br>037831 | Mũi dao 36kHz dành cho mô xơ, cho dao mổ CUSA   | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính tối thiểu 1,5mm, dài tối thiểu 11cm.</li> <li>- Chất liệu: Titanium.</li> <li>- Đặc tính: Mũi dao 36kHz Shear tương thích với tay dao 36kHz của Dao mổ siêu âm CUSA.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> </ul>                                                                                                                                               |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                        | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 410 | PP2600<br>037832 | Mũi dao 36 kHz đường kính tối thiểu 1,9mm dùng nhiều lần cho dao mổ CUSA | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính tối thiểu 1,9mm, dài tối thiểu 11cm.</li> <li>- Chất liệu: Titanium.</li> <li>- Đặc tính: Mũi dao 36kHz cỡ chuẩn, cong kéo dài gồm tối thiểu: 1 mũi dao, tối thiểu 5 ống phun, tối thiểu 5 que thông.</li> <li>- Tương thích với tay dao 36kHz của Dao mổ siêu âm CUSA.</li> <li>- Đóng gói: Không tiệt trùng.</li> </ul>                                 |
| 411 | PP2600<br>037833 | Bộ dây bơm hút cho dao mổ CUSA                                           | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ dây bơm hút gồm 1 dây dẫn dịch hút và 1 dây dẫn dịch tưới, được kết nối với tay dao và dao mổ siêu âm CUSA.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                       |
| 412 | PP2600<br>037834 | Bộ chống nhiễm khuẩn cho dao mổ CUSA                                     | Bộ          | Bộ chống nhiễm khuẩn cho dao mổ siêu âm CUSA.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 413 | PP2600<br>037835 | Bộ dao siêu âm không dây đầu cong                                        | Bộ          | <p>Bộ dao mổ siêu âm bao gồm: 1 máy phát sóng siêu âm không dây sử dụng nhiều lần, 1 pin sạc sử dụng nhiều lần, 1 khay sạc pin, 1 khay hấp tiệt trùng, 2 dụng cụ thay lắp pin. Tương thích tay dao siêu âm không dây cùng hãng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul>                                                                                                                      |
| 414 | PP2600<br>037836 | Dao cắt cơ vòng                                                          | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chiều dài dao trên 25mm.</li> <li>+ Chiều dài đầu tip 5mm.</li> <li>+ Đường kính dụng cụ trong phạm vi từ 3Fr đến 7Fr</li> </ul> </li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thiết kế ngã bơm và ngã luân dây dẫn riêng biệt.</li> <li>+ Ngã luân dây dẫn tương thích 0.035 inch.</li> </ul> </li> </ul> |
| 415 | PP2600<br>037837 | Dao cắt kim các cỡ                                                       | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chiều dài kim trong phạm vi từ 3mm đến 6mm.</li> <li>+ Đường kính dụng cụ trong phạm vi từ 3F đến 7F.</li> <li>+ Chiều dài dụng cụ tối thiểu 200cm.</li> <li>+ Chiều dài dây dẫn 0.035 inch.</li> </ul> </li> <li>- Đặc tính: Dao cắt cơ vòng dạng 2 kênh/3 kênh.</li> </ul>                                                |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|------------------|--------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 416 | PP2600<br>037838 | Dao siêu âm dùng mổ hở bướu cổ                   | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cán chiều dài 9cm (<math>\pm 1</math>cm);</li> <li>+ Đầu dao cong, chiều dài 16mm (<math>\pm 2</math>mm);</li> <li>+ Độ mở hàm trên 10,4mm (<math>\pm 1</math>mm).</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đầu dao làm bằng hợp kim titanium, phủ lớp chống dính Teplon FEP.</li> <li>+ Hàm kẹp làm bằng chất liệu aluminum phủ lớp Silastic.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Bao gồm dao và chia vận màu xám. Tiệt khuẩn bằng EO.</li> <li>- Yêu cầu khác: Phù hợp cho máy cắt đốt siêu âm Harmonic của Bệnh viện.</li> </ul> |
| 417 | PP2600<br>037839 | Dây dao dùng cho dao siêu âm mổ mở và mổ nội soi | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dây dao cho phép chuyển đổi năng lượng điện thành năng lượng cơ học, kết hợp và tương thích với máy phát chính GEN11. Tần số dao động siêu âm: 55500 lần/giây.</li> <li>+ Số lần sử dụng: 95 lần phẫu thuật. Số lần phẫu thuật còn lại được chỉ rõ trên màn hình của máy phát chính.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Dây dao được đóng gói cùng chia vận và đầu thử. Không vô khuẩn.</li> <li>- Phù hợp cho máy cắt đốt siêu âm Harmonic của Bệnh viện</li> </ul>                                                                                                   |
| 418 | PP2600<br>037840 | Dây dao dùng mổ hở                               | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dây dao siêu âm cho phép chuyển đổi năng lượng điện thành năng lượng cơ học, kết hợp và tương thích với máy phát chính GEN11 của bệnh viện. Tần số dao động siêu âm: 55500 lần/giây.</li> <li>+ Số lần sử dụng 100 lần phẫu thuật. Số lần phẫu thuật còn lại được chỉ rõ trên màn hình của máy phát chính.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Dây dao được đóng gói cùng chia vận và đầu thử. Không vô khuẩn, đầu thử dài 9cm</li> </ul>                                                                                                                               |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|------------------|-----------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 419 | PP2600<br>037841 | Lưỡi dao dạng kéo 5mm dài 23cm    | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dao siêu âm 23cm (<math>\pm 1</math>cm), đường kính cán 5mm, kết hợp với dây dao và máy phát chính GEN11 của bệnh viện.</li> <li>+ Chiều dài hàm dao 15mm (<math>\pm 1</math>cm), độ mở hàm 10mm (<math>\pm 1</math>cm).</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: Lưỡi dao bằng hợp kim titanium, phủ lớp chống dính.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công nghệ thích ứng mô cho phản hồi bằng âm thanh và chức năng cầm máu ưu việt.</li> <li>+ Biên độ dao động tối đa ở mức năng lượng Max 85,9<math>\mu</math>m.</li> <li>+ Cán xoay 360 độ, điều chỉnh bằng một tay.</li> <li>+ Thiết kế sử dụng riêng cho phiên bản phần mềm X hoặc mới hơn của máy GEN11.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Bao gồm dao và chia vận màu xám dạng vô khuẩn.</li> <li>- Tiệt trùng: Bằng EO.</li> </ul> |
| 420 | PP2600<br>037842 | Lưỡi dao dạng kéo 5mm dài 36cm    | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dao siêu âm 36cm (<math>\pm 1</math>cm), đường kính cán 5mm, kết hợp với dây dao và máy phát chính GEN11 của bệnh viện.</li> <li>+ Chiều dài hàm dao 15mm (<math>\pm 1</math>cm), độ mở hàm 10mm (<math>\pm 1</math>cm).</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: Lưỡi dao bằng hợp kim titanium, phủ lớp chống dính.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công nghệ thích ứng mô cho phản hồi bằng âm thanh và chức năng cầm máu ưu việt.</li> <li>+ Biên độ dao động tối đa ở mức năng lượng Max 91,2<math>\mu</math>m.</li> <li>+ Cán xoay 360 độ, điều chỉnh bằng một tay.</li> <li>+ Thiết kế sử dụng riêng cho phiên bản phần mềm X hoặc mới hơn của máy GEN11.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Bao gồm dao và chia vận màu xám dạng vô khuẩn.</li> <li>- Tiệt trùng: Bằng EO.</li> </ul> |
| 421 | PP2600<br>037843 | Tay dao cắt hàn mạch dài 21cm     | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chiều dài dụng cụ 21cm</li> <li>+ Chiều dài ngàm dao hàn mạch tối thiểu 20mm</li> <li>+ Chiều dài ngàm dao cắt tối thiểu 19mm</li> </ul> </li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hình dạng ngàm dao cong 40 độ</li> <li>+ Tương thích với các hệ thống máy Valleylab</li> </ul> </li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |



| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa         | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|------------------|-------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 422 | PP2600<br>037844 | Tay dao cắt hàn mạch dài 23cm             | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính 5mm;</li> <li>+ Chiều dài dụng cụ 23cm;</li> <li>+ Chiều dài ngàm dao hàn mạch tối thiểu 20mm;</li> <li>+ Chiều dài ngàm dao cắt tối thiểu 18mm.</li> </ul> </li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hình dạng ngàm dao cong 22 độ;</li> <li>+ Hàm có kết cấu điểm chặn bằng sứ;</li> <li>+ Nhiệt độ ngàm dao dưới 60 độ C sau mỗi lần kích hoạt;</li> <li>+ Tương thích với các hệ thống máy Valleylab.</li> </ul> </li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul>                                              |
| 423 | PP2600<br>037845 | Tay dao cắt hàn mạch dài 37cm             | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính 5mm;</li> <li>+ Chiều dài dụng cụ 37cm;</li> <li>+ Chiều dài ngàm dao hàn mạch tối thiểu 20mm;</li> <li>+ Chiều dài ngàm dao cắt tối thiểu 18mm.</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: Ngàm dao phủ lớp nano.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hình dạng ngàm dao cong 22 độ;</li> <li>+ Hàm có kết cấu điểm chặn bằng sứ;</li> <li>+ Nhiệt độ ngàm dao dưới 60 độ C sau mỗi lần kích hoạt;</li> <li>+ Tương thích với các hệ thống máy Valleylab.</li> </ul> </li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul> |
| 424 | PP2600<br>037846 | Tay dao mổ điện đơn cực sử dụng nhiều lần | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài tối thiểu 4,5m.</li> <li>- Chất liệu: Dây silicon.</li> <li>- Đặc tính: Sử dụng nhiều lần.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 425 | PP2600<br>037847 | Tay dao siêu âm không dây đầu cong        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Tay dao siêu âm không dây, đường kính 5mm, lưỡi dao 14,5mm, kích thước từ 13cm - 39cm.</li> <li>- Đặc tính: Tương thích với bộ dao siêu âm không dây cùng hãng.</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 426 | PP2600<br>037848 | Dây cưa sọ não                            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài trong phạm vi 40cm - 50cm.</li> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ.</li> <li>- Đặc tính: Không đứt gãy khi thực hiện.</li> <li>- Xuất xứ: EU hoặc G7.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                  | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 427 | PP2600<br>037849 | Lưỡi bào khớp đường kính các cỡ                                    | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính 2,0mm, 2,9mm, 3,5mm, 4,5mm, 5,5mm. Chiều dài làm việc tối thiểu 7cm</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lưỡi bào cắt lọc mô dùng trong nội soi khớp;</li> <li>+ Có tính năng khóa cửa sổ hút;</li> <li>+ Có hai chế độ cắt dao động.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Vô trùng, dùng một lần.</li> </ul> |
| 428 | PP2600<br>037850 | Lưỡi bào xương dùng trong phẫu thuật đường kính từ 3,5mm đến 5,5mm | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính 3,5mm, 4,5mm, 5,5mm. Chiều dài làm việc tối thiểu 13cm.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lưỡi bào cắt lọc mô dùng trong nội soi khớp;</li> <li>+ Thiết kế răng vát ở cả hai mặt;</li> <li>+ Có tính năng khóa cửa sổ hút;</li> <li>+ Có hai chế độ cắt dao động.</li> </ul> </li> </ul>               |
| 429 | PP2600<br>037851 | Lưỡi dao bào sụn ổ khớp các cỡ                                     | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính tối thiểu 3,5mm. Chiều dài làm việc tối thiểu 12cm.</li> <li>- Đặc tính: Tốc độ làm việc tối thiểu 2.500 vòng/phút.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                     |
| 430 | PP2600<br>037852 | Lưỡi nạo nội soi khớp các cỡ                                       | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính 3,5mm, 4,5mm, 5,5mm. Chiều dài làm việc tối thiểu 13cm.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lưỡi bào thẳng hoặc cong, mã màu theo cỡ để nhận diện;</li> <li>+ Thiết kế răng vát ở cả hai mặt;</li> <li>+ Có tính năng khóa cửa sổ hút;</li> <li>+ Có hai chế độ cắt dao động.</li> </ul> </li> </ul>     |
| 431 | PP2600<br>037853 | Lưỡi dao mổ các số                                                 | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Các số 11, 12, 15, 20.</li> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                         |
| 432 | PP2600<br>037854 | Dao cắt niêm mạc Dual Knife đại tràng                              | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài kim 1,5mm, chiều dài làm việc 2300mm trở lên, dùng cho kênh thủ thuật 2,8mm.</li> <li>- Đặc tính: Dùng để cắt niêm mạc đại tràng điều trị ung thư sớm.</li> </ul>                                                                                                                                                                   |
| 433 | PP2600<br>037855 | Dao cắt niêm mạc Dual Knife dạ dày                                 | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài kim 2mm, chiều dài làm việc 1650mm trở lên, dùng cho kênh thủ thuật 2,8mm.</li> <li>- Đặc tính: Dùng để cắt niêm mạc dạ dày điều trị ung thư sớm.</li> </ul>                                                                                                                                                                        |
| 434 | PP2600<br>037856 | Dao cắt niêm mạc IT Knife dạ dày                                   | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài kim 4mm, chiều dài làm việc 1650mm trở lên, dùng cho kênh thủ thuật 2,8mm.</li> <li>- Đặc tính: Dùng để cắt niêm mạc dạ dày điều trị ung thư sớm.</li> </ul>                                                                                                                                                                        |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                  | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 435 | PP2600<br>037857 | Dao cắt niêm mạc IT<br>Knife đại tràng                             | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài kim tối thiểu 3,5mm, chiều dài làm việc 2300mm trở lên, kênh thủ thuật 2,8mm.</li> <li>- Đặc tính: Dùng để cắt niêm mạc dạ dày điều trị ung thư sớm.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 436 | PP2600<br>037858 | Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần với góc đốt 90°                     | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính phần thân tối thiểu 3,3mm. Chiều dài làm việc tối thiểu 13cm.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhiệt độ cắt đốt từ 40 độ - 70 độ.</li> <li>+ Tạo plasma dày 100µm - 200µm.</li> <li>+ Có mạch bảo vệ ống kính, ngắt đầu đốt khi lại gần hoặc tiếp xúc với kim loại.</li> <li>+ Có cảm biến theo dõi nhiệt độ chất lỏng trong khớp.</li> <li>+ Đầu mũi nghiêng 90 độ.</li> <li>+ Có chế độ tự ngắt.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                       |
| 437 | PP2600<br>037859 | Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio công nghệ APT                         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đầu mũi nghiêng 90 độ.</li> <li>+ Đường kính mũi tối đa 5,5mm</li> <li>+ Đường kính thân tối thiểu 3,5mm.</li> </ul> </li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhiệt độ cắt đốt 40 độ - 70 độ.</li> <li>+ Đầu đốt mô mềm dùng công nghệ Coblation, cắt ở nhiệt độ thấp hơn so với đầu đốt RF thông thường.</li> <li>+ Khe hút đơn hình ngôi sao.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 438 | PP2600<br>037860 | Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio, đường kính phần thân tối thiểu 3,5mm | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đầu mũi nghiêng 90 độ.</li> <li>+ Đường kính mũi 5,25mm.</li> <li>+ Đường kính phần thân tối thiểu 3,5mm.</li> <li>+ Chiều dài làm việc tối thiểu 13cm.</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: Phần cách nhiệt được phủ vật liệu PET (polyethylene terephthalate).</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhiệt độ cắt đốt 40 độ - 70 độ.</li> <li>+ Đầu đốt dùng công nghệ Coblation, cắt ở nhiệt độ thấp hơn so với đầu đốt RF thông thường.</li> <li>+ Có cảm biến theo dõi nhiệt độ chất lỏng trong khớp.</li> <li>+ Độ chính xác nhiệt độ <math>\pm 3</math> độ C.</li> <li>+ Có chế độ tự ngắt.</li> </ul> </li> </ul> |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                              | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 439 | PP2600<br>037861 | Lưỡi cắt đốt sóng cao tần Plasma dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chiều dài làm việc 150mm/280mm, đường kính tối đa 4.0mm.</li> <li>+ Chiều dài tay cầm 180mm.</li> <li>+ Chiều dài dây hút nước tối thiểu 320mm, đường kính ngoài 3,8mm, đường kính trong 2,1mm.</li> <li>+ Chiều dài dây nối nguồn 3150mm.</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: Thân đầu đốt bằng thép không gỉ SUS, đầu điện cực bằng Tungsten, phần cách nhiệt bằng ceramic, tay cầm bằng nhựa ABS.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đầu mũi nghiêng trong phạm vi từ 0 đến 90 độ, loại đầu ít nhất 1 bi hoặc đầu móc.</li> <li>+ Phần thân được phủ lớp cách nhiệt.</li> <li>+ Tạo lớp phủ Plasma dày 1 - 200µm.</li> <li>+ Có chế độ tự ngắt khi tiếp xúc kim loại.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng sẵn.</li> <li>- Cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ khi trúng thầu.</li> </ul> |
| 440 | PP2600<br>037862 | Lưỡi cắt đốt sử dụng trong phẫu thuật nội soi khớp bằng sóng radio nghiêng 90° | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính phần thân tối thiểu 3,0mm. Chiều dài làm việc tối thiểu 12cm.</li> <li>- Đặc tính: Đầu đốt cong 90 độ</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 441 | PP2600<br>037863 | Ống ghép mạch máu loại thẳng các cỡ                                            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính từ 4mm đến 6mm, chiều dài tối thiểu 20cm.</li> <li>- Chất liệu: ePTFE.</li> <li>- Đặc tính: Chống huyết khối.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 442 | PP2600<br>037864 | Ống ghép mạch máu chữ Y                                                        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 14mm x 7mm x 45cm, 16mm x 8mm x 45cm, 18mm x 9mm x 45cm, 20mm x 10mm x 45cm.</li> <li>- Chất liệu: Mạch máu nhân tạo chữ Y làm bằng chất liệu polyester, ngâm tẩm gelatin có thể thủy phân.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Độ chịu lực tối thiểu 240N, lực giữ chỉ khâu tối thiểu 20N.</li> </ul> </li> <li>- Tiệt trùng bằng ethylene oxide.</li> <li>- Xuất xứ: Châu Âu.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                               | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 443 | PP2600<br>037865 | Ống ghép mạch máu loại thẳng thay thế động mạch chủ ngực - bụng | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Trong phạm vi (08-32)mm x (20-30)cm</li> <li>- Chất liệu: Mạch máu nhân tạo thẳng làm bằng chất liệu polyester, ngâm tẩm gelatin có thể thủy phân.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Độ chịu lực tối thiểu 240N, lực giữ chỉ khâu lớn hơn 20N, độ xốp nhỏ hơn 0.15ml/cm<sup>2</sup>/phút, độ dày thành mạch trung bình 0,36mm - 0,38mm.</li> <li>- Tiệt trùng bằng ethylene oxide.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng riêng lẻ từng cái.</li> <li>- Xuất xứ: Châu Âu.</li> </ul> </li> </ul> |
| 444 | PP2600<br>037866 | Stent đường mật kim loại các cỡ, Platinol                       | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Stent phủ bán phần hoặc không phủ cover.</li> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính thân stent 10mm;</li> <li>+ Chiều dài stent từ 60mm đến 80mm;</li> <li>+ Chiều dài bộ đặt tối thiểu 170cm;</li> <li>+ Đường kính bộ đặt stent nhỏ hơn 9Fr.</li> </ul> </li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Guidewire tương thích 0.035 inch.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                 |
| 445 | PP2600<br>037867 | Stent đường mật bằng kim loại các cỡ                            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Stent không phủ thuốc, stent không bọc, bọc bán phần, bọc toàn phần.</li> <li>- Kích thước: Đường kính thân stent 10mm, có nhiều kích cỡ, chiều dài tối thiểu 60mm, có tối thiểu 3 điểm cân quang trên stent.</li> <li>- Đặc tính: Bộ đặt có 3 điểm cân quang, đường kính 7F cho stent không phủ, 9F cho bộ đặt có phủ, chiều dài tối thiểu 170cm.</li> </ul>                                                                                                                                                                     |
| 446 | PP2600<br>037868 | Stent đường mật bằng nhựa các cỡ                                | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kích cỡ tối thiểu 8.5Fr;</li> <li>+ Chiều dài tối thiểu 9cm.</li> </ul> </li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính trong tối đa theo suốt chiều dài của stent.</li> <li>+ Stent thẳng có đoạn giữa hơi cong hoặc loại cong 2 đầu.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                    |
| 447 | PP2600<br>037869 | Bộ đặt stent đường mật nhựa dùng nhiều lần                      | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài tối thiểu 170cm.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cán có thể điều chỉnh, tháo rời.</li> <li>+ Thân cây đẩy có kẻ vạch để theo dõi chiều dài cần đưa vào bên trong.</li> <li>+ Phù hợp dây dẫn tối thiểu 0.035 inch.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                   |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                 | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|------------------|---------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 448 | PP2600<br>037870 | Stent kim loại thực quản các cỡ                   | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính thân stent 22mm (<math>\pm 2</math>mm).</li> <li>+ 2 đầu loe 27mm (<math>\pm 2</math>mm).</li> <li>+ Chiều dài stent các kích cỡ từ 7cm (<math>\pm 2</math>cm) đến 12cm (<math>\pm 2</math>cm).</li> <li>+ Đường kính bộ đặt stent 18F (<math>\pm 0,5</math>F).</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: Nitriol.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có thể thu hồi sau khi bung 75% stent.</li> <li>+ Có dây rút để di chuyển stent.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> <li>- Yêu cầu khác: Có tối thiểu 4 điểm cản quang và 1 điểm vàng ngăn cách stent và bộ đặt. Stent cản quang toàn phần.</li> </ul> |
| 449 | PP2600<br>037871 | Stent niệu quản các cỡ                            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các cỡ 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr.</li> <li>+ Chiều dài từ 10cm đến 30cm. Phù hợp với dây dẫn 0.035 inch và 0.038 inch.</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: Kết hợp Polyurethane và silicone, bề mặt phủ lớp ái nước.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có 2 đầu: đầu cuộn J màu xanh và 1 đầu có các tua mềm màu trắng. Đầu thôn nhỏ giúp đưa stent vào dễ dàng.</li> <li>+ Vòng lặp dưới bàng quang tối thiểu 2.1Fr</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Kèm cây đẩy và dây rút.</li> </ul>                                                                                                                                            |
| 450 | PP2600<br>037872 | Dụng cụ mở đường bằng coil kim loại dùng cho ECMO | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính trong 6F, 7F dùng cho ECMO.</li> <li>- Chất liệu: Dây dẫn dạng cuộn kim loại.</li> <li>- Đặc tính: Dụng cụ mở đường vào động mạch chốt tự động, đính kèm stopcock 3 ngã. Phủ lớp ái nước, đầu tip có dấu cản quang.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 451 | PP2600<br>037873 | Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu                  | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài tối thiểu 7cm. Đường kính từ 5Fr đến 11Fr.</li> <li>- Chất liệu: Bề mặt phủ lớp ái nước, đầu tip có dấu cản quang.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sheath có thiết kế dạng dễ dàng uốn cong.</li> <li>+ Dụng cụ mở đường có tính năng chốt tự động, công tắc bên có stopcock 3 ngã, có van cầm máu.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 452 | PP2600<br>037874 | Bộ thắt tĩnh mạch thực quản                       | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Tương thích với ống soi từ 8,6mm đến 13mm.</li> <li>- Đặc tính: Gồm 1 tay quay và 1 đầu thắt tối thiểu 6 vòng cao su.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                                | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 453 | PP2600<br>037875 | Cảm biến đo oxy tại não/<br>mô người lớn dùng cho ECMO                                           | Miếng       | - Đặc tính: Cảm biến đo oxy tại não/ mô người lớn dùng cho ECMO. Dùng 2 đầu phát, 2 đầu thu cho kết quả nhanh, chính xác.<br>- Dùng cho máy SenSmart X-100.                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 454 | PP2600<br>037876 | Phổi hỗ trợ tim phổi nhân tạo cấp cứu kèm dây dẫn dùng cho ECMO (tương thích máy Maquet)         | Bộ          | - Kích thước:<br>+ Thể tích mỗi trong phạm vi 500mL - 600mL.<br>+ Lưu lượng máu đạt được mức tối thiểu 7 lít/phút.<br>+ Diện tích bề mặt trao đổi khí tối thiểu 1,8m <sup>2</sup> .<br>+ Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt tối thiểu 0,4m <sup>2</sup> .<br>- Đặc tính: Phổi nhân tạo dùng cho ECMO, phủ vật liệu tương thích sinh học, dùng được 14 ngày trở lên.<br>- Đóng gói: Tiệt trùng.<br>- Yêu cầu khác: Phù hợp với máy ECMO của hãng Maquet.         |
| 455 | PP2600<br>037877 | Phổi hỗ trợ tim phổi nhân tạo cấp cứu kèm dây dẫn dùng cho ECMO (tương thích máy Terumo Capiiox) | Bộ          | - Kích thước:<br>+ Tổng thể tích mỗi máu: 620ml hoặc 740ml.<br>+ Diện tích màng lọc 2,5m <sup>2</sup> .<br>+ Diện tích trao đổi nhiệt 0,22m <sup>2</sup> .<br>+ Chiều dài dây dẫn 1,7m hoặc 2,5m.<br>- Chất liệu:<br>+ Vật liệu màng lọc bằng Polymethylpentene.<br>+ Bộ phận trao đổi nhiệt bằng thép không gỉ.<br>- Đặc tính: Áp lực hoạt động tối đa 1000mmHg (133 kPa). Lưu lượng tối đa 7 lít/phút.<br>- Yêu cầu khác: Phù hợp với máy ECMO của TERUMO. |
| 456 | PP2600<br>037878 | Bóng nong đường mật, cơ vòng bóng dài 5,5mm                                                      | Cái         | - Kích thước:<br>+ Chiều dài bóng từ 3cm đến 5,5cm.<br>+ Bóng có thể bơm ở 3 cấp độ đường kính riêng biệt các cỡ từ 8mm - 9mm - 10mm; 10mm - 11mm - 12mm; 12mm - 13,5mm - 15mm.<br>+ Đường kính dây dẫn bóng 7Fr - 7.5Fr, chiều dài 180cm.<br>- Đặc tính: Có ngã luôn guidewire 0.035 inch.                                                                                                                                                                  |
| 457 | PP2600<br>037879 | Bóng nong đường mật dùng áp lực nước                                                             | Cái         | - Kích thước: Chiều dài bóng tối thiểu 20mm, catheter 7F, chiều dài catheter tối thiểu 170cm.<br>- Đặc tính: Bóng nong đường mật dùng áp lực nước.                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 458 | PP2600<br>037880 | Bóng nong đường mật, thực quản, cơ vòng có ngã guidewire các cỡ                                  | Cái         | - Kích thước: Nhiều kích cỡ đường kính bóng từ 6mm đến 18mm, chiều dài tối thiểu 5mm.<br>- Chất liệu: Pebax.<br>- Đặc tính: Có ngã guidewire.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                          | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 459 | PP2600<br>037881 | Bóng nong thực quản có<br>ngã luân guidewire chất<br>liệu Pebax các cỡ     | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Chiều dài bóng 5,5cm.</li> <li>+ Đường kính bóng 3 cấp độ 12mm, 13,5mm, 15mm.</li> <li>+ Đường kính dây dẫn bóng 7.5F, chiều dài 180cm, có ngã luân guidewire.</li> <li>- Chất liệu: Chất liệu Pebax siêu bền.</li> <li>- Đặc tính: Có ngã luân guidewire.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                        |
| 460 | PP2600<br>037882 | Dây dẫn đường dùng trong<br>niệu quản lõi Nitinol<br>chống gấp khúc các cỡ | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 0.018 inch, 0.025 inch, 0.032 inch, 0.035 inch và 0.038 inch; chiều dài 150cm và 260cm.</li> <li>- Chất liệu: Lõi nitinol chống xoắn, bề mặt phủ hydrophilic.</li> <li>- Đặc tính: Đầu mềm và trơn (đầu thẳng, đầu cong, đầu có đoạn xa mềm, linh hoạt dài 8cm giúp giảm tổn thương). Vỏ polymer cản quang cao.</li> <li>- Đóng gói: Đóng gói vô trùng riêng lẻ.</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul>                                                                                                    |
| 461 | PP2600<br>037883 | Dây dẫn đường guide titan<br>chiều dài tối thiểu 150cm                     | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính: 0.025 inch, 0.032 inch, 0.035 inch và 0.038 inch; chiều dài tối thiểu 150cm.</li> <li>- Chất liệu: Lõi nitinol chống xoắn, bề mặt phủ PTFE, có lớp phủ UroGlide.</li> <li>- Đặc tính: Đầu 3cm có cản quang (đầu thẳng, đầu cong), thân sọc xanh và trắng, đầu platinum: hiển thị dưới nội soi huỳnh quang, lớp phủ UroGlide trơn 60cm giảm ma sát khi đưa vào và tháo rút.</li> <li>- Tiêu chuẩn: FDA.</li> <li>- Đóng gói: Đóng gói vô trùng riêng lẻ.</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul> |
| 462 | PP2600<br>037884 | Dây dẫn hướng đường mật<br>đầu thẳng hoặc cong                             | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính từ 0.025 inch - 0.035 inch, chiều dài 400cm.</li> <li>- Chất liệu: Chống gấp, trục nitinol.</li> <li>- Đặc tính: Đầu thẳng hoặc cong</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 463 | PP2600<br>037885 | Dây dẫn hướng đường mật<br>có phần đầu linh hoạt                           | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính 0,035 inch, chiều dài tối thiểu 400cm, phần đầu linh hoạt 5cm.</li> <li>- Đặc tính: Dây dẫn hướng sử dụng một lần.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 464 | PP2600<br>037886 | Dây dẫn đường vắn vàng                                                     | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính từ 0.032 inch - 0.035 inch, dài 150cm.</li> <li>- Chất liệu: Lõi Nitinol chống gấp khúc, đoạn đầu trên dài 65mm có phủ lớp hydrophilic.</li> <li>- Đặc tính: Đầu thẳng, vỏ vắn đen vàng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                         |



| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                         | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 465 | PP2600<br>037887 | Đầu nối 2 đầu male to male dùng cho hệ thống ECMO và lọc máu              | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Male to Male.</li> <li>- Chất liệu: Vật liệu Polycarbonate.</li> <li>- Đặc tính: Đầu nối 2 đầu Male to Male dùng cho hệ thống ECMO và lọc máu.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng EO.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 466 | PP2600<br>037888 | Đầu nối ống thông vào bộ chuyển tiếp bằng Titanium                        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kết nối giữa bộ chuyển tiếp và catheter.</li> <li>+ Dụng cụ hỗ trợ thâm phân phúc mạc.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Vô khuẩn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 467 | PP2600<br>037889 | Bộ dây và màng lọc tách huyết tương cho diện tích $0,5m^2$                | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Quả lọc tách huyết tương diện tích <math>0,5m^2</math>, thể tích mỗi 50ml, thể tích huyết tương trong khoảng 125ml.</li> <li>- Chất liệu: Polyethersulfone.</li> <li>- Đặc tính: Bộ bao gồm các bộ phận: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quả lọc tách huyết tương;</li> <li>+ Dây động mạch kèm dây dẫn phụ cho truyền heparin, cổng chọc kim và đầu nhọn;</li> <li>+ Dây tĩnh mạch kèm túi chất thải 2 lít để mỗi dịch, cổng chọc kim và cổng tiêm truyền;</li> <li>+ Dây dẫn dịch thải kèm cổng lấy mẫu;</li> <li>+ Dây dẫn dịch thay thế kèm túi làm ấm;</li> <li>+ Túi dịch thải 7 lít;</li> <li>+ Filter bảo vệ các cổng áp lực;</li> <li>+ Phù hợp cho máy lọc máu liên tục OMNI hiện có tại bệnh viện.</li> </ul> </li> </ul> |
| 468 | PP2600<br>037890 | Bộ quả lọc và dây máu để điều trị lọc tách huyết tương diện tích $0,6m^2$ | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Diện tích màng <math>0,6m^2</math>, thể tích mỗi 67ml.</li> <li>- Chất liệu: Polysulfone.</li> <li>- Đặc tính: Bộ bao gồm các bộ phận: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quả lọc huyết tương tiệt trùng bằng hơi nước inline;</li> <li>+ 1 bộ cassette gồm dây động mạch, dây tĩnh mạch, dây dịch thải;</li> <li>+ 1 túi đựng dịch thải 10L;</li> <li>+ Dây dịch bù MPS.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                                       | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 469 | PP2600<br>037891 | Bộ quả thay huyết tương, kèm dây máu                                                                    | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Thể tích máu của cả bộ quả lọc trong phạm vi 110ml - 140ml. Diện tích màng tối thiểu 0,35m<sup>2</sup>. Đường kính trong của sợi lọc trong phạm vi 330µm. Thể tích máu trong quả lọc huyết tương trong phạm vi 35ml - 50ml</li> <li>- Chất liệu: Màng lọc dạng sợi rỗng Polypropylene.</li> <li>- Đặc tính: Tốc độ máu từ tối đa 100ml/min đến tối thiểu 400ml/min.</li> <li>- Phù hợp cho máy lọc máu liên tục PrismaFlex hiện có tại bệnh viện.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                |
| 470 | PP2600<br>037892 | Kít trao đổi huyết tương, hồng cầu                                                                      | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Có filter lọc tối đa 200microns trên đường trả máu về.</li> <li>- Đặc tính: Bộ kít có gắn sẵn các đường dây, đường dịch thay thế, túi thải, kênh ly tâm. Có túi đuổi khí. Các bộ phận được mã hóa màu.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 471 | PP2600<br>037893 | Quả lọc hấp phụ điều trị ngộ độc cấp, kèm dây nối có diện tích hấp phụ tối thiểu 70.000m <sup>2</sup> . | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Quả lọc hấp phụ thể tích hấp phụ 230ml;</li> <li>+ Thể tích khoang máu tối thiểu 145ml;</li> <li>+ Diện tích hấp phụ tối thiểu 70.000m<sup>2</sup></li> <li>- Chất liệu: Resin trung tính.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 472 | PP2600<br>037894 | Quả lọc hấp phụ điều trị suy thận mạn kèm dây nối có diện tích hấp phụ tối thiểu 50.000m <sup>2</sup>   | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Quả lọc hấp phụ máu dùng trong lọc máu kết hợp hấp phụ (HD+HP).</li> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Thể tích chứa hạt hấp phụ 130ml - 140ml</li> <li>+ Diện tích hấp phụ tối thiểu 50.000m<sup>2</sup></li> <li>- Chất liệu: Hạt hấp phụ resin.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Dải hấp phụ: 5-30kDa; Tốc độ máu tối thiểu 300ml/phút; Thể tích máu mỗi 100ml - 120ml;</li> <li>+ Khử trùng: chiếu xạ;</li> <li>+ Kiểm soát sàng phân tử quy mô Nano;</li> <li>+ Khả năng hấp phụ chọn lọc các độc tố có trọng lượng phân tử trung bình và cao như PTH, β2-microglobulin, leptin, CRP, IL-6, TNFα;</li> <li>+ Có thể sử dụng kết hợp với máy lọc máu trong quy trình HD+HP.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt khuẩn sẵn.</li> </ul> |
| 473 | PP2600<br>037895 | Quả lọc máu hấp phụ kháng thể có diện tích hấp phụ tối thiểu 90.000m <sup>2</sup>                       | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Quả lọc máu hấp phụ thể tích hấp phụ 280ml;</li> <li>+ Thể tích khoang máu tối thiểu 150ml;</li> <li>+ Diện tích hấp phụ tối thiểu 90.000m<sup>2</sup></li> <li>- Chất liệu: Resin trung tính.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                                    | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 474 | PP2600<br>037896 | Quả lọc máu hấp phụ có diện tích hấp phụ tối thiểu 100.000m <sup>2</sup>                             | Bộ          | - Kích thước:<br>+ Quả lọc máu hấp phụ Cytokin, thể tích hấp phụ 330ml.<br>Diện tích hấp phụ tối thiểu 100.000m <sup>2</sup><br>- Chất liệu: Resin trung tính.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 475 | PP2600<br>037897 | Bộ quả lọc máu kèm hệ thống dây dẫn máu sử dụng cho máy lọc máu liên tục diện tích 1,6m <sup>2</sup> | Bộ          | - Kích thước: Quả lọc máu diện tích 1,6m <sup>2</sup> . 1 túi xả 7 lít.<br>- Chất liệu: Polyethersulfone.<br>- Đặc tính:<br>+ Dây dẫn máu động mạch có các dây dẫn phụ để chứa citrate/heparin;<br>+ Dây dẫn máu tĩnh mạch có dây dẫn phụ chứa can-xi và túi chứa 2 lít chất thải dịch môi;<br>+ Dây dẫn dịch thẩm tách kèm túi làm ấm. Dây dẫn dịch xả, dây dẫn dịch bù.<br>- Yêu cầu khác: Phù hợp cho máy lọc máu liên tục OMNI hiện có tại bệnh viện                               |
| 476 | PP2600<br>037898 | Bộ quả lọc máu liên tục có gắn heparin                                                               | Bộ          | - Kích thước: Diện tích màng tối thiểu 1,5m <sup>2</sup><br>- Chất liệu: Màng lọc: sợi rỗng AN69, PolyethyleneImine (PEI), bề mặt sợi lọc được gắn heparin (tối thiểu 3000 IU/m <sup>2</sup> ).                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 477 | PP2600<br>037899 | Bộ quả lọc máu liên tục kèm dây máu cho người lớn cân nặng tối thiểu 35kg                            | Bộ          | - Kích thước: Diện tích màng tối thiểu 0,9m <sup>2</sup><br>- Chất liệu: Màng lọc dạng sợi rỗng AN69.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 478 | PP2600<br>037900 | Bộ quả lọc và dây máu để điều trị lọc máu liên tục có diện tích màng 1,4m <sup>2</sup>               | Bộ          | Bộ kit trong lọc máu liên tục gồm: 1 quả siêu lọc; 1 bộ cassette:<br>- Kích thước:<br>+ Diện tích màng 1,4m <sup>2</sup><br>+ Thể tích mỗi 100ml/210ml.<br>+ Thể tích máu cần mỗi (toàn bộ kit) 247ml.<br>- Chất liệu: Polysulfone.<br>- Đặc tính:<br>+ Tốc độ máu khuyến cáo từ 100ml/phút - 350ml/phút;<br>+ Tốc độ dòng dịch (thải) tối đa 20%;<br>+ Áp lực xuyên màng tối đa 600mmHg.<br>- Đóng gói: Tiệt trùng bằng hơi nước.<br>- Yêu cầu khác: Thời gian sử dụng tối đa 72 giờ. |
| 479 | PP2600<br>037901 | Màng lọc dịch phụ diện tích màng 2,2m <sup>2</sup>                                                   | Cái         | - Kích thước: Diện tích màng tối thiểu 2,2m <sup>2</sup><br>- Chất liệu: Polysulfone.<br>- Đặc tính: Quả lọc phụ.<br>- Xuất xứ: G7.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 480 | PP2600<br>037902 | Màng lọc thận<br>Lowflux/Middle flux tối thiểu 1,6m <sup>2</sup> | Quả         | Màng lọc thận Low Flux/Middle flux<br>- Kích thước:<br>+ Diện tích bề mặt tối thiểu 1,6m <sup>2</sup><br>+ Thể tích mỗi trong phạm vi (70-90)ml.<br>- Chất liệu: Polynephron hoặc Polysulfone hoặc Polyethersulfon hoặc Helixone.<br>- Đặc tính:<br>+ Hệ số siêu lọc tối thiểu 12.<br>+ Độ thanh thải Ure tối thiểu 180ml/Phút, creatinine tối thiểu 170ml/Phút, Phosphate tối thiểu 160ml/Phút.<br>- Xuất xứ: G7.             |
| 481 | PP2600<br>037903 | Màng lọc thận<br>Lowflux/Middle flux tối thiểu 1,7m <sup>2</sup> | Quả         | Màng lọc thận Low Flux/Middle flux;<br>- Kích thước:<br>+ Diện tích bề mặt tối thiểu 1,7m <sup>2</sup><br>+ Thể tích mỗi trong phạm vi (90-110)ml.<br>- Chất liệu: Polynephron hoặc polysulfone hoặc Polyethersulfon hoặc Helixone.<br>- Đặc tính:<br>+ Hệ số siêu lọc tối thiểu 14.<br>+ Độ thanh thải Ure tối thiểu 185ml/Phút, creatinine tối thiểu 175ml/Phút, Phosphate tối thiểu 165ml/Phút.<br>- Xuất xứ: G7.           |
| 482 | PP2600<br>037904 | Quả lọc thận Super<br>HighFlux tối thiểu 1,6m <sup>2</sup>       | Quả         | - Màn lọc thận superhigh flux .<br>- Kích thước:<br>+ Tối thiểu 1,6m <sup>2</sup><br>+ Thể tích mỗi trong phạm vi 75ml - 95ml.<br>- Chất liệu: Polynephron hoặc Helixone hoặc polysulfone hoặc Polyethersulfon<br>- Đặc tính:<br>+ KUF tối thiểu 60ml/giờ/mmHg.<br>+ Độ thanh thải: Myoglobin tối thiểu 0,8; B2-microglobulin tối thiểu 1,0; Albumin tối đa 0,002.<br>- Tiệt trùng: Tia gamma hoặc hơi nước.<br>- Xuất xứ: G7. |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                       | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 483 | PP2600<br>037905 | Quả lọc thận Super HighFlux tối thiểu 1,7m <sup>2</sup> | Quả         | Màng lọc thận Super HighFlux<br>- Kích thước:<br>+ Tối thiểu 1,7m <sup>2</sup> .<br>+ Thể tích mỗi: trong phạm vi (90 - 105)ml.<br>- Chất liệu: Polynephron hoặc Polyethersulfone hoặc Helixone hoặc Polysulfone<br>- Đặc tính:<br>+ Hệ số siêu lọc: KUF tối thiểu 67 (mL/giờ/mmHg).<br>+ Độ thanh thải: Myoglobin tối thiểu 0,8; $\beta$ 2-Microglobulin tối thiểu 1,0; Inulin tối thiểu 1; Albumin tối đa 0,002.<br>- Tiệt trùng hơi nước hoặc tia Gamma.<br>- Xuất xứ: G7. |
| 484 | PP2600<br>037906 | Màng lọc thận Highflux tối đa 1,6m <sup>2</sup>         | Quả         | Màng lọc thận HighFlux:<br>- Kích thước:<br>+ Diện tích bề mặt (1,4 - 1,6)m <sup>2</sup> ,<br>+ Thể tích mỗi: trong phạm vi (70-100)ml<br>- Chất liệu: Helixone hoặc polysulfone hoặc Polyethersulfon;<br>- Đặc tính:<br>+ Hệ số siêu lọc tối thiểu 55;<br>+ Độ thanh thải: Ure tối thiểu 190ml/Phút, Creatinine tối thiểu 185ml/Phút, Phosphate tối thiểu 180ml/Phút.<br>+ TMP: (500 - 600)mmHg.<br>+ Tiệt khuẩn sẵn.<br>- Xuất xứ: G7.                                      |
| 485 | PP2600<br>037907 | Màng lọc thận Highflux tối thiểu 1,6m <sup>2</sup>      | Quả         | Màng lọc thận HighFlux:<br>- Kích thước:<br>+ Diện tích bề mặt tối thiểu 1,6m <sup>2</sup><br>+ Thể tích mỗi: trong phạm vi (90-100)ml.<br>- Chất liệu: Helixone hoặc polysulfone hoặc Polyethersulfon.<br>- Đặc tính:<br>+ Hệ số siêu lọc tối thiểu 55;<br>+ Độ thanh thải: Ure tối thiểu 190ml/Phút, creatinine tối thiểu 185ml/Phút, Phosphate tối thiểu 180ml/Phút;<br>+ TMP: (500 - 600) mmHg;<br>+ Tiệt khuẩn sẵn.<br>- Xuất xứ: G7.                                    |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                 | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 486 | PP2600<br>037908 | Quả lọc thận Super HighFlux 1,5m <sup>2</sup>                     | Quả         | Màng lọc thận Super HighFlux:<br>- Kích thước:<br>+ Diện tích bề mặt 1,5m <sup>2</sup><br>+ Thể tích mỗi: trong phạm vi (90 - 100)ml .<br>- Chất liệu: Polynephron.<br>- Đặc tính:<br>+ Hệ số siêu lọc tối thiểu 60(mL/giờ/mmHg).<br>+ Độ thanh thải: Ure (270 - 280)ml/min;<br>Creatinine (250 - 260)ml/min; Phosphate (240 - 250)ml/min; Vitamin B12 (180 - 190)ml/min;<br>Myoglobin tối thiểu 100ml/min; β2-Microglobulin tối thiểu 1; Inulin tối thiểu 1; Albumin tối đa 0.0024.                                                            |
| 487 | PP2600<br>037909 | Màng lọc thận HighFlux diện tích màng tối thiểu 1,8m <sup>2</sup> | Quả         | Màng lọc thận HighFlux<br>- Kích thước:<br>+ Diện tích bề mặt tối thiểu 1,8m <sup>2</sup><br>+ Thể tích mỗi: trong phạm vi (90-100)ml.<br>- Chất liệu: Helixone hoặc polysulfone hoặc Polyethersulfon.<br>- Tiệt khuẩn sẵn;<br>- Đặc tính:<br>+ Hệ số siêu lọc tối thiểu 60.<br>+ Độ thanh thải: Ure tối thiểu 270ml/Phút, Creatinine tối thiểu 250ml/Phút, Phosphate tối thiểu 240ml/Phút.<br>+ TMP: tối thiểu 600mmHg<br>+ Albumin nhỏ hơn 0,001<br>- Xuất xứ: G7.                                                                            |
| 488 | PP2600<br>037910 | Bộ sợi laser điều trị rò hậu môn                                  | Bộ          | - Kích thước:<br>+ Đường kính lõi 600μm;<br>+ Khẩu độ số 0.22;<br>+ Chiều dài 2,5m.<br>- Đặc tính:<br>+ Sợi quang phát tia diode, bước sóng 1470nm dùng để điều trị rò hậu môn kèm ống nông hậu môn;<br>+ Phần đầu xa của sợi quang được bao bọc bởi nắp thủy tinh thạch anh cứng có chiều dài 11mm, đường kính ngoài 1,8mm;<br>+ Đầu xa của sợi được đánh dấu thêm bằng các dấu gạch ngang trên mỗi cm vạch 5cm và 10cm;<br>+ Thời lượng xung từ 0.01s đến 60.0s;<br>+ Cổng kết nối tiêu chuẩn tương thích với máy Leonardo Dual 45, Biolitec. |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                     | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 489 | PP2600<br>037911 | Bộ sợi laser điều trị trĩ                                                             | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính ngoài 1,85mm;</li> <li>+ Đường kính lõi 500µm;</li> <li>+ Khẩu độ số 0.26/0.37;</li> <li>+ Chiều dài 2,6m.</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: Sợi quang bằng silica.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sợi quang phát tia diode, bước sóng 1470nm dùng để điều trị trĩ kèm ống nóng hậu môn;</li> <li>+ Thời lượng xung từ 0.01s đến 60.0s;</li> <li>+ Cổng kết nối tiêu chuẩn, tương thích với máy Leonardo Dual 45, Biolitec.</li> </ul> </li> </ul> |
| 490 | PP2600<br>037912 | Bộ mở dạ dày qua da                                                                   | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 24F.</li> <li>- Chất liệu: Silicone.</li> <li>- Đặc tính: Bộ mở dạ dày ra da qua nội soi dạng kéo. Gồm: 01 troca, 1 dây dẫn, 1 dao, 1 ống thông silicon, 1 kéo và 1 kim, 1 snare, 1 drap.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 491 | PP2600<br>037913 | Dụng cụ khâu cắt mổ trĩ                                                               | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cỡ 33mm và 34mm;</li> <li>+ Đường kính lòng cắt 26mm;</li> <li>+ Chiều cao ghim mở 3.8mm, chiều cao ghim đóng từ 0,75mm - 1,5mm;</li> <li>+ Đường kính ghim 0,28mm.</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: Ghim dập bằng titanium.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thiết kế an toàn kép trước khi bắn;</li> <li>+ Đầu đe không tháo rời, buồng chứa dịch trong suốt;</li> <li>+ Ống nóng hình tròn và ống nóng hình cánh bướm.</li> </ul> </li> </ul>               |
| 492 | PP2600<br>037914 | Dụng cụ phẫu thuật trĩ Longo đường kính đầu 33mm, tối thiểu 28 kim bằng hợp kim titan | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Dụng cụ phẫu thuật trĩ Longo 33mm</li> <li>- Kích thước: Đường kính đầu 33mm, tối thiểu 28 kim.</li> <li>- Chất liệu: Hợp kim titanium tương thích với cộng hưởng từ có điều kiện.</li> <li>- Đặc tính: Có khả năng điều chỉnh được chiều cao kim đóng từ 0,75mm đến 1,5mm.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt khuẩn bằng ethylen oxide.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                          |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                                      | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 493 | PP2600<br>037915 | Dụng cụ khâu cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Longo với công nghệ định hướng ghim dập đúng chiều | Cái         | Dụng cụ khâu nối vòng tự động dùng trong phẫu thuật Longo và Starr.<br>- Kích thước: Đường kính ghim 33mm. Chiều cao ghim từ 3,5mm đến 4,8mm.<br>- Chất liệu: Ghim bằng titanium<br>- Đặc tính:<br>+ Công nghệ định hướng ghim dập đúng chiều.<br>+ 32 ghim dập, có đầu đe tháo rời.                                                                                                                                                                                |
| 494 | PP2600<br>037916 | Dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng trong kỹ thuật Longo và Starr                                        | Cái         | Dụng cụ cắt khâu nối mô trĩ dùng trong kỹ thuật Longo khâu cắt, treo trĩ, sa trực tràng.<br>- Kích thước: Chiều cao ghim 4,2mm, đường kính ngoài 32mm, đường kính trong 23mm, độ dày mô dập ghim từ 1,5mm đến 0,8mm.<br>- Chất liệu: Ghim bằng titanium.                                                                                                                                                                                                            |
| 495 | PP2600<br>037917 | Dụng cụ khâu cắt nối tròn các cỡ                                                                       | Cái         | - Kích thước:<br>+ Chiều cao ghim trước khi đóng 4,8mm/5,0mm và sau khi đóng 2,0mm/2,2mm. Số lượng 24 ghim - 30 ghim;<br>+ Chiều dài cán 212mm và chiều dài tay cầm 247mm;<br>+ Đường kính ghim 0,28mm;<br>+ Đường kính ngoài 29mm/32mm;<br>+ Đầu đe thiết kế nghiêng 90 độ, có thể tháo rời.<br>- Chất liệu: Ghim dập bằng titanium Ti Gr1.<br>- Đặc tính:<br>+ Dụng cụ khâu cắt nối tròn dùng khâu nối ống tiêu hóa;<br>+ Có thiết kế an toàn kép tránh bắn nhâm. |
| 496 | PP2600<br>037918 | Dụng cụ khâu cắt nối vòng đầu cong từ 21mm đến 33mm                                                    | Cái         | - Kích thước:<br>+ Đầu cong trong phạm vi từ 21mm đến 33mm;<br>+ Chiều dài cán từ 18cm đến 35cm.<br>- Chất liệu: Titanium.<br>- Đặc tính:<br>+ Dụng cụ khâu cắt nối vòng công nghệ định hướng ghim dập đúng chiều;<br>+ Thiết kế 2 hàng ghim;<br>+ Đe nghiêng sau khi sử dụng;<br>+ Sau khi đóng, ghim có hình dạng chữ B, chiều cao ghim đóng từ 1mm đến 2,5mm.                                                                                                    |



| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                               | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 497 | PP2600<br>037919 | Dụng cụ khâu cắt nối vòng đầu cong từ 20mm đến 35mm             | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Đầu cong, đường kính trong phạm vi từ 20mm đến 35mm;</li> <li>+ Đường kính ngoài khoang ghim từ 21mm đến 33mm;</li> <li>+ Chiều cao ghim mở tối thiểu 5,2mm;</li> <li>+ Chiều cao ghim đóng điều chỉnh đến 2,2mm.</li> <li>- Chất liệu: Kim bằng hợp kim titan.</li> <li>- Đặc tính: Dụng cụ khâu cắt nối vòng đầu cong.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                |
| 498 | PP2600<br>037920 | Dụng cụ khâu cắt nối vòng sử dụng pin đầu cong từ 23mm đến 31mm | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Đầu cong, đường kính từ 23mm đến 31mm;</li> <li>+ Đường kính ngoài khoang ghim từ 21mm đến 33mm;</li> <li>+ Chiều cao ghim mở tối thiểu 5,2mm;</li> <li>+ Chiều cao ghim đóng có thể điều chỉnh cho phù hợp với độ dày mô khác nhau từ 1,5mm đến 2,2mm.</li> <li>- Chất liệu: Ghim làm bằng hợp kim titan.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Dụng cụ khâu cắt nối vòng dùng pin;</li> <li>+ 2 vòng ghim 3D với 20 ghim;</li> <li>+ Bề mặt băng đạn có thiết kế công nghệ chống trượt.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt khuẩn bằng ethylen oxide.</li> </ul> |
| 499 | PP2600<br>037921 | Dụng cụ khâu cắt nối vòng đầu cong 3 hàng ghim                  | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Chiều dài thân dụng cụ: 22cm, 35cm;</li> <li>+ Đường kính tròn: 28mm, 31mm, 33mm tương ứng với số lượng ghim là 39, 45, 48.</li> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Dụng cụ khâu cắt nối vòng dùng trong phẫu thuật nối ống tiêu hóa;</li> <li>+ Thiết kế 3 hàng ghim theo công nghệ Tri-Staple;</li> <li>+ Dễ nghiêng sau khi sử dụng;</li> <li>+ Sau khi đóng, ghim có hình dạng chữ B, chiều cao ghim đóng khác nhau;</li> <li>+ Chiều cao ghim từ trong ra ngoài: 3,0mm; 3,5mm; 4,0mm.</li> </ul>                       |

| STT        | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                                           | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 500        | PP2600<br>037922 | Dụng cụ khâu cắt nối vòng đầu cong từ 25mm đến 33mm                                                         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Chiều dài thân dụng cụ từ 30cm đến 35cm;</li> <li>+ Đường kính: 25mm, 28mm, 31mm, 33mm.</li> <li>- Chất liệu: Titanium.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Dụng cụ khâu cắt nối vòng dùng trong phẫu thuật nối ống tiêu hóa;</li> <li>+ Thiết kế 2 hàng ghim, sau khi đóng ghim có hình dạng chữ B theo công nghệ DST;</li> <li>+ Dẽ nghiêng sau khi sử dụng.</li> </ul>                                                                                    |
| <b>501</b> | PP2600<br>037923 | <b>Bộ dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng</b>                                                              |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 501.1      |                  | Dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng                                                                        | Cái         | Dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Gập góc 45 độ liên tục không khác mỗi bên. Có nút xoay 360 độ.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Thao tác kẹp mô linh hoạt, đóng hàm bằng đạn bằng cách bóp cò và mở hàm bằng đạn bằng cách gạt ngược cò súng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                       |
| 501.2      |                  | Băng đạn khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ nội soi với thiết kế 3 chiều cao ghim dập khác nhau               | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Chiều cao ghim đóng: 1,25mm - 1,5mm - 1,75mm tương ứng với chiều cao ghim mở 3,0mm - 3,5mm - 4,0mm trong cùng 1 băng đạn;</li> <li>+ Đường kính ghim 0,21mm;</li> <li>+ Chiều dài băng đạn 60mm.</li> <li>- Chất liệu: Ghim dập bằng titanium.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên với chiều cao ghim khác nhau trong mỗi băng đạn, dùng cho mô trung bình đến mô dày.</li> <li>+ Dao cắt mới trên mỗi băng đạn.</li> </ul> |
| <b>502</b> | PP2600<br>037924 | <b>Bộ dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi đa năng, dài 34cm, xoay băng đạn 360 độ, gập góc 45 độ mỗi bên</b> |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 502.1      |                  | Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi đa năng, dài 34cm, xoay băng đạn 360 độ, gập góc 45 độ mỗi bên           | Cái         | Dụng cụ khâu nối nội soi đa năng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài trục 16cm, xoay băng đạn 360 độ, có khả năng gập góc 45 độ mỗi bên với 10 điểm gập góc.</li> <li>- Chất liệu: Chất liệu titanium và thép không gỉ hoặc tốt hơn</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                               |
| 502.2      |                  | Băng đạn nội soi chiều dài băng ghim 30mm đến 60mm, công nghệ 3 hàng ghim với chiều cao ghim khác nhau      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Chiều dài băng đạn từ 30mm đến 60mm.</li> <li>+ Chiều cao ghim sau khi đóng từ 1,75mm - 1,5mm - 1,25mm hoặc 1,25mm - 1mm - 0,75mm.</li> <li>- Chất liệu: Titanium, 6 hàng kim.</li> <li>- Đặc tính:</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                           |

| STT        | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                                       | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                  |                                                                                                         |             | + Bảng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng.<br>+ Sau khi đóng, ghim có hình dạng chữ B chuẩn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>503</b> | PP2600<br>037925 | <b>Bộ dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, chiều dài đường cắt nối 60mm gấp góc 45 độ</b>                |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 503.1      |                  | Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, chiều dài đường cắt nối 60mm gấp góc 45 độ                          | Cái         | Dụng cụ khâu cắt nối nội soi gấp góc 60mm:<br>- Kích thước: Đường kính cán 12mm, chiều dài cán 34cm, gấp góc mỗi bên 45 độ, độ mở hàm 20mm.<br>- Chất liệu: Hàm đe bằng thép đúc không gỉ. Lưỡi dao làm bằng thép mác không gỉ.<br>- Đặc tính:<br>+ Dụng cụ khâu cắt nối nội soi gấp góc 60mm.<br>+ Lưỡi dao hình chữ C.<br>+ Công nghệ 3 điểm tiếp xúc.<br>- Đóng gói: Tiệt khuẩn bằng chiếu xạ.                                                                                   |
| 503.2      |                  | Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, chiều dài đường cắt nối 60mm sử dụng pin gấp góc 45 độ              | Cái         | - Kích thước: Đường kính cán 12mm, chiều dài cán 34cm, gấp góc mỗi bên 45 độ.<br>- Chất liệu: Hàm đe bằng thép đúc không gỉ.<br>- Đặc tính:<br>+ Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc sử dụng pin 60mm với công nghệ giữ mô bề mặt;<br>+ Động cơ cải tiến thay đổi tốc độ bắn với chiều dày mô khác nhau giúp tăng cường ép mô và tạo hàng ghim đồng nhất;<br>+ Lưỡi dao hình chữ C, độ mở hàm 22mm;<br>+ Công nghệ 3 điểm tiếp xúc.<br>- Đóng gói: Tiệt khuẩn bằng chiếu xạ. |
| 503.3      |                  | Bảng đạn cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi với công nghệ giữ mô bề mặt, ghim bằng hợp kim titanium | Cái         | - Kích thước:<br>+ Chiều dài 60mm;<br>+ Chiều cao ghim mở đạt mức 2,6mm trở lên;<br>+ Chiều cao ghim đóng đạt mức 1,0mm trở lên.<br>- Chất liệu: Ghim bằng hợp kim titan tương thích với cộng hưởng từ có điều kiện.<br>- Đặc tính:<br>+ Bảng ghim với công nghệ giữ mô bề mặt 60mm;<br>+ 6 hàng ghim.<br>- Đóng gói: Tiệt khuẩn bằng chiếu xạ.                                                                                                                                     |
| <b>504</b> | PP2600<br>037926 | <b>Bộ dụng cụ khâu cắt thẳng nội soi tự động</b>                                                        |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| STT        | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                                 | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 504.1      |                  | Dụng cụ khâu cắt thẳng nội soi tự động                                                            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Tay cầm bằng nhựa, trục kim loại bằng thép không gỉ.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Gập góc 45° liên tục không khắc mỗi bên, hai bên tổng 90°. Có nút xoay 360°;</li> <li>+ Được kích hoạt bằng chip và nhận diện được thông số của băng đạn;</li> <li>+ Nhận diện mô thông minh và đưa ra cảnh báo khi bắn thông qua tín hiệu đèn LED;</li> <li>+ Sử dụng tối đa 15 băng đạn;</li> <li>+ Pin sử dụng trong 8h;</li> <li>+ Thanh "manual override" hỗ trợ mở hàm băng đạn bằng tay trong trường hợp dụng cụ ngưng hoạt động.</li> </ul> </li> </ul> |
| 504.2      |                  | Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi 60mm                                             | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gập góc chủ động, dùng cho mô dày và mô trung bình.</li> <li>- Kích thước: Chiều dài băng đạn 60mm, sau khi đóng có 3 độ cao ghim khác nhau; 1,25mm - 1,5mm - 1,75mm trong mỗi băng.</li> <li>- Chất liệu: Titanium.</li> <li>- Đặc tính: Thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên theo công nghệ Tri-Staple có chiều cao ghim khác nhau là 3mm - 3,5mm - 4mm trong mỗi băng đạn.</li> <li>- Thiết kế lưỡi dao nằm trong băng đạn.</li> </ul>                                                                                                         |
| <b>505</b> | PP2600<br>037927 | <b>Bộ dụng cụ khâu cắt nối thẳng chiều dài đường cắt nối 75mm</b>                                 |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 505.1      |                  | Dụng cụ khâu cắt nối thẳng chiều dài đường cắt nối 75mm                                           | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mở mở 75mm.</li> <li>- Kích thước: Chiều dài đường ghim 81mm, chiều dài đường cắt 78mm.</li> <li>- Chất liệu: Ghim bằng hợp kim titanium.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chiều cao ghim đóng điều chỉnh được 3 mức 1,5mm - 1,8mm - 2,0mm, 118 ghim dạng 3D với 6 hàng ghim;</li> <li>+ Tương thích cộng hưởng từ có điều kiện.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Tiệt khuẩn bằng chiếu xạ.</li> </ul>                                                                                                                                |
| 505.2      |                  | Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, chiều dài đường cắt nối 75mm, ghim bằng hợp kim titanium | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Băng ghim của Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mở mở 75mm</li> <li>- Kích thước: Chiều cao ghim đóng điều chỉnh được 3 mức 1,5mm - 1,8mm - 2,0mm, chiều dài đường ghim 81mm, chiều dài đường cắt 78mm.</li> <li>- Chất liệu: Ghim làm bằng hợp kim titan tương thích với cộng hưởng từ có điều kiện.</li> <li>- Đặc tính: 118 ghim dạng 3D với 6 hàng ghim.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt khuẩn bằng chiếu xạ.</li> </ul>                                                                                                                                                                               |
| <b>506</b> | PP2600           | <b>Bộ dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ mở</b>                                             |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

| STT        | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                      | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            | 037928           |                                                                                        |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 506.1      |                  | Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ mở                                            | Cái         | Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ mở:<br>- Kích thước: Cỡ 60mm/80mm.<br>- Đặc tính:<br>+ Nút bắn được thiết kế điều chỉnh hai bên;<br>+ Nút tháo mở được thiết kế nhỏ gọn;<br>+ Một tay súng có thể sử dụng cho 8 băng đạn.                                                                                                                                                                                                 |
| 506.2      |                  | Băng đạn cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ mở                               | Cái         | - Kích thước:<br>+ Chiều dài đường dao cắt 60mm/80mm;<br>+ Chiều dài đường ghim 64mm/84mm;<br>+ Chiều cao ghim trước khi đóng 3,8mm/4,8mm và sau khi đóng 1,5mm/2,0mm.<br>- Chất liệu: Ghim dập bằng titanium.<br>- Đặc tính:<br>+ Băng đạn dùng cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở;<br>+ Thiết kế với công nghệ kẹp mô tăng cường; + Số lượng ghim: 64 ghim/84 ghim, 2 hàng ghim mỗi bên;<br>+ Lưỡi dao mới trong mỗi băng đạn. |
| <b>507</b> | PP2600<br>037929 | <b>Bộ dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ mở chiều dài từ 60mm đến 100mm</b>      |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 507.1      |                  | Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ mở chiều dài từ 60mm đến 100mm                | Cái         | Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ mở<br>- Kích thước: Ghim từ 3,8mm đến 4,8mm. Chiều dài từ 60mm đến 100mm.<br>- Đặc tính: Công nghệ định hướng ghim dập đúng chiều.                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 507.2      |                  | Băng đạn dùng trong mổ mở, dài 60mm đến 100mm công nghệ định hướng ghim dập đúng chiều | Cái         | - Kích thước: Chiều dài từ 60mm đến 100mm, chiều cao ghim dập trước khi đóng từ 3,8mm đến 4,8mm, chiều cao ghim dập sau khi đóng từ 1,5mm đến 2mm.<br>- Chất liệu: Ghim bằng titanium theo công nghệ định hướng ghim dập đúng chiều.<br>- Đặc tính:<br>+ Băng đạn dùng trong mổ mở, dùng để khâu cắt nối đường tiêu hóa.<br>+ Mỗi dụng cụ có sẵn 1 băng đạn mở.                                                                    |
| <b>508</b> | PP2600<br>037930 | <b>Bộ dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở cỡ 80mm</b>                                     |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 508.1      |                  | Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở cỡ 80mm                                               | Cái         | Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở:<br>- Kích thước: Chiều dài 80mm.<br>- Chất liệu: Lưỡi dao bằng thép không gỉ. Ghim bằng titanium.<br>- Đặc tính:<br>+ Gắn với các băng đạn với chiều cao ghim: 3mm - 3,5mm - 4mm.<br>+ Công nghệ Tri- Staple.                                                                                                                                                                                    |

| STT   | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                  | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-------|------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 508.2 |                  | Băng đạn dùng cho dụng cụ cắt khâu nối thẳng mô mở cỡ 80mm         | Cái         | Băng đạn dùng cho dụng cụ cắt khâu nối thẳng mô mở cỡ 80mm:<br>- Kích thước: Chiều cao ghim 3,0mm, 3,5mm, 4,0mm.<br>- Đặc tính: Công nghệ Tri-Staple, ba hàng ghim chiều cao khác nhau, màu tím.                                                                                                                                                                                                                                             |
| 509   | PP2600<br>037931 | Dụng cụ phẫu thuật nội soi một cổng qua đường hậu môn              | Cái         | Dụng cụ phẫu thuật nội soi 1 lỗ đường hậu môn bao gồm:<br>- 01 nắp đậy có 2 van khóa để thoát khí phẫu thuật hoặc bơm khí và 1 cổng bơm khí.<br>- 01 dụng cụ với kênh thâm nhập kích thước tối thiểu 4cm x 4cm.<br>- 01 cổng gắn túi bơm hơi 10mm.<br>- 03 vỏ ngoài 10mm cho phép dụng cụ thẳng kích thước từ 5mm -10mm đi qua.<br>- 01 nòng đặt.<br>- 01 túi bơm hơi.                                                                       |
| 510   | PP2600<br>037932 | Dụng cụ nong bảo vệ thành vết mổ và nắp chụp                       | Cái         | Dụng cụ nong/bảo vệ thành vết mổ và nắp chụp màu xanh lá bao gồm:<br>+ 01 dụng cụ nong và bảo vệ vết mổ, dùng cho vết mổ có kích thước tối thiểu 2,5cm - 6cm.<br>+ Dây để rút dụng cụ nong và bảo vệ vết mổ sau khi phẫu thuật.<br>+ Màng phim chất liệu Polyurethane, chiều dài tối thiểu 18cm. Cấu tạo với 2 vòng: vòng cứng màu trắng ở trên và vòng mềm màu xanh ở dưới.<br>+ Có nắp đậy phẫu thuật nội soi cho phép trocar 12mm đi qua. |
| 511   | PP2600<br>037933 | Dụng cụ nong và bảo vệ vết mổ dùng trong phẫu thuật cỡ 2.5cm - 6cm | Cái         | Dụng cụ nong và bảo vệ thành vết mổ bao gồm:<br>+ 01 dụng cụ nong và bảo vệ vết mổ, dùng cho vết mổ có kích thước tối thiểu 2,5cm - 6cm.<br>+ Màng phim chất liệu Polyurethane, chiều dài tối thiểu 18cm. Cấu tạo với 2 vòng cao su: vòng cứng màu trắng ở trên và vòng mềm màu xanh ở dưới.<br>+ Bảo vệ vết mổ 360 độ. Độ ẩm được duy trì để thúc đẩy quá trình lành vết mổ.                                                                |
| 512   | PP2600<br>037934 | <b>Snare cắt đốt polyp</b>                                         |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 512.1 |                  | Snare cắt đốt polyp                                                | Cái         | - Kích thước: Đường kính từ 20mm đến 35mm. Chiều dài dụng cụ tối thiểu 2300mm.<br>- Đặc tính:<br>+ Dùng để cắt đốt polyp;<br>+ Có đầu kết nối với máy cắt đốt;<br>+ Có thể xoay 2 chiều 360 độ.<br>- Đóng gói: Vô trùng.                                                                                                                                                                                                                     |

| STT   | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-------|------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 512.2 |                  | Snare cắt lạnh polyp                                             | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính từ 10mm đến 20mm. Chiều dài dụng cụ tối thiểu 2300mm.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dùng để cắt lạnh polyp có trang bị thêm đầu kết nối với máy cắt đốt trong trường hợp cần thiết;</li> <li>+ Có thể xoay 2 chiều 360 độ.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                      |
| 513   | PP2600<br>037935 | Vòng thắt polyp có gắn sẵn cán tay cầm                           | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Vòng thắt polyp có gắn sẵn cán tay cầm chiều dài cán tối thiểu 2300mm, kích cỡ vòng từ 30mm đến 40mm.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                   |
| 514   | PP2600<br>037936 | Tấm lưới dùng trong thoát vị bẹn 15cm x 15cm                     | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 15cm x 15cm.</li> <li>- Chất liệu: Thành phần polypropylene không tiêu, đơn sợi, kích thước lỗ lưới 1mm trở lên.</li> <li>- Đặc tính: Không phân hủy trong cơ thể.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                   |
| 515   | PP2600<br>037937 | Tấm lưới dùng trong thoát vị bẹn 6cm x 11cm                      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 6cm x 11cm.</li> <li>- Chất liệu: Thành phần polypropylene không tiêu, đơn sợi, kích thước lỗ lưới 1mm trở lên.</li> <li>- Đặc tính: Không phân hủy trong cơ thể.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                    |
| 516   | PP2600<br>037938 | Mảnh ghép điều trị thoát vị bẹn cấu trúc dạng vòm 3D 10cm x 15cm | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- mảnh ghép điều trị thoát vị bẹn cấu trúc dạng vòm 3D.</li> <li>- Kích thước: 10cm x 15cm.</li> <li>- Chất liệu: Polyvinylidene Fluoride (PVDF).</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mảnh ghép điều trị thoát vị bẹn cấu trúc dạng vòm 3D;</li> <li>+ Chống rách dây chằng;</li> <li>+ Được tiệt khuẩn và đóng gói riêng lẻ.</li> </ul> </li> </ul> |
| 517   | PP2600<br>037939 | Mảnh ghép điều trị thoát vị bẹn 10cm x 15cm                      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 10cm x 15cm.</li> <li>- Chất liệu: Polyvinylidene Fluoride (PVDF).</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phẫu thuật mổ nội soi điều trị thoát vị bẹn: TAPP, TEP;</li> <li>+ Được tiệt khuẩn và đóng gói riêng lẻ.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                 |
| 518   | PP2600<br>037940 | Mảnh ghép điều trị thoát vị bẹn 7,5cm x 15cm                     | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 7,5cm x 15cm.</li> <li>- Chất liệu: Polyvinylidene Fluoride (PVDF).</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mảnh ghép điều trị thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi được cắt sẵn và bo viền mép;</li> <li>+ Phẫu thuật mổ hở điều trị thoát vị bẹn Lichtenstein;</li> <li>+ Được tiệt khuẩn và đóng gói riêng lẻ.</li> </ul> </li> </ul>         |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                    | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------------|------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 519 | PP2600<br>037941 | Mảnh ghép thoát vị thành bụng chống dính 15cm x 20cm | Cái         | Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng:<br>- Kích thước: 15cm x 20cm. Trọng lượng trong phạm vi từ 70g/m <sup>2</sup> đến 140g/m <sup>2</sup><br>- Chất liệu: Polyester.<br>- Đặc tính:<br>+ Khả năng chịu lực tối thiểu 32N/cm theo chiều dọc, tối thiểu 22N/cm theo chiều ngang.<br>+ Độ đàn hồi lớn hơn 20%.<br>+ Kiểu dệt lưới.<br>+ Chống dính 1 mặt.<br>- Đóng gói: Tệt khuẩn. |
| 520 | PP2600<br>037942 | Lưới điều trị thoát vị bẹn 3D các cỡ                 | Cái         | - Kích thước: Tối thiểu (7cm x 13cm).<br>- Chất liệu: Polypropylene đơn sợi, nhớ hình.<br>- Đặc tính:<br>+ Lưới thoát vị dạng hình học 3 chiều.<br>+ Có đánh dấu hướng về trục giữa.<br>+ Tùy chọn cho thoát vị bẹn bên phải, bên trái.                                                                                                                                                         |
| 521 | PP2600<br>037943 | Lưới điều trị thoát vị dạng tròn                     | Cái         | - Kích thước: Tối thiểu 15cm.<br>- Chất liệu: Polypropylene đơn sợi. Lớp chống dính có các thành phần: Sodium Hyaluronate, Carboxymethylcellulose, Polyethylene glycol, Polyglycolic acid.<br>- Đặc tính:<br>+ Hình dạng tròn.<br>+ Lớp chống dính tự tan trong vòng 30 ngày sau khi đặt.                                                                                                       |
| 522 | PP2600<br>037944 | Lưới điều trị thoát vị dạng elip                     | Cái         | - Kích thước: Tối thiểu (15cm x 20cm).<br>- Chất liệu: Polypropylene đơn sợi. Lớp chống dính có các thành phần: Sodium Hyaluronate, Carboxymethylcellulose, Polyethylene glycol, Polyglycolic acid<br>- Đặc tính:<br>+ Hình dạng ellipse.<br>+ Lớp chống dính tự tan trong vòng 30 ngày sau khi đặt.                                                                                            |



| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                           | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 523 | PP2600<br>037945 | Dụng cụ cố định lưới thoát vị thành bụng, bẹn dùng trong phẫu thuật nội soi | Cái         | Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn) dùng trong phẫu thuật nội soi<br>- Kích thước: Tối thiểu (15cm x 20cm).<br>- Chất liệu: Polypropylene đơn sợi. Lớp chống dính có các thành phần: Sodium Hyaluronate, Carboxymethylcellulose, Polyethylene glycol, Polyglycolic acid.<br>- Đặc tính:<br>+ Hình dạng ellipse.<br>+ Lớp chống dính tự tan trong vòng 30 ngày sau khi đặt.<br>- Xuất xứ: G7. |
| 524 | PP2600<br>037946 | Dụng cụ cố định lưới thoát vị thành bụng, bẹn ghim bằng titan               | Cái         | Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn) dùng trong phẫu thuật nội soi.<br>- Kích thước:<br>+ Chiều dài thân dụng cụ khoảng 35cm - 40cm;<br>+ Đường kính nòng $\leq 5\text{mm}$ ;<br>+ Chiều dài ghim khoảng 3mm - 4mm;<br>+ Chiều rộng khoảng 4mm - 5mm.<br>- Đặc tính:<br>+ Hình dạng ghim xoắn ốc;<br>+ Số lượng ghim tối thiểu 30 ghim/cái.<br>- Xuất xứ: G7.                                 |
| 525 | PP2600<br>037947 | Mảnh ghép thoát vị thành bụng chống dính 20cm x 25cm                        | Cái         | Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng:<br>- Kích thước: 20cm x 25cm. Trọng lượng trong phạm vi từ $70\text{g/m}^2$ đến $140\text{g/m}^2$<br>- Chất liệu: Polyester.<br>- Đặc tính:<br>+ Khả năng chịu lực tối thiểu 32 N/cm theo chiều dọc, tối thiểu 22N/cm theo chiều ngang.<br>+ Chống dính 1 mặt.<br>- Đóng gói: Tiệt khuẩn.                                                             |
| 526 | PP2600<br>037948 | Mảnh ghép thoát vị thành bụng chống dính 20cm x 30cm                        | Cái         | Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng<br>- Kích thước: 20cm x 30cm. Trọng lượng trong phạm vi từ $70\text{g/m}^2$ đến $140\text{g/m}^2$<br>- Chất liệu: Polyester.<br>- Đặc tính:<br>+ Khả năng chịu lực tối thiểu 32 N/cm theo chiều dọc, tối thiểu 22N/cm theo chiều ngang.<br>+ Chống dính 1 mặt.<br>- Đóng gói: Tiệt khuẩn.                                                              |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                              | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 527 | PP2600<br>037949 | Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi 10cm x 15cm | Cái         | Mảnh ghép nhẹ dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ nội soi, co giãn đa chiều.<br>- Kích thước: 15cm x 10cm. Kích thước lỗ 2,1mm x 3,0mm. Trọng lượng 64g/m <sup>2</sup><br>- Chất liệu: Polyester đơn sợi, dệt 3D.<br>- Đóng gói: Tiệt khuẩn. |
| 528 | PP2600<br>037950 | Gắp dị vật răng chuột, răng cá sấu                             | Cái         | - Kích thước: Chiều dài từ 180cm đến 230cm ( $\pm 20$ cm).<br>- Đặc tính: Dụng cụ gắp dị vật dùng cho nội soi dạng răng chuột hoặc răng cá sấu hoặc kết hợp.<br>- Đóng gói: Vô trùng.                                                        |
| 529 | PP2600<br>037951 | Bóng kéo sỏi 3 kênh                                            | Cái         | - Kích thước:<br>+ Đường kính bóng bơm điều khiển được 2 mức độ từ 12mm - 15mm;<br>+ Đường kính dụng cụ đầu thuôn dần 7Fr - 6Fr;<br>+ Tổng chiều dài 200cm.<br>- Đặc tính:<br>+ Guidewire tương thích 0.035 inch;<br>+ Có 3 kênh.            |
| 530 | PP2600<br>037952 | Phim Laser khô kích cỡ 35cm x 43cm                             | Tấm         | - Kích thước: 35cm x 43cm.<br>- Đặc tính:<br>+ Cho máy in khô Carestream/Kodak;<br>+ Sử dụng thiết bị Bệnh viện đang có, chịu trách nhiệm bảo trì, bảo dưỡng máy in phim đảm bảo hoạt động 24/24 giờ không dừng máy.                         |
| 531 | PP2600<br>037953 | Phim Laser khô kích cỡ 25cm x 30cm                             | Tấm         | - Kích thước: 25cm x 30cm.<br>- Đặc tính:<br>+ Cho máy in khô Carestream/Kodak;<br>+ Sử dụng thiết bị Bệnh viện đang có, chịu trách nhiệm bảo trì, bảo dưỡng máy in phim đảm bảo hoạt động 24/24 giờ không dừng máy.                         |
| 532 | PP2600<br>037954 | Phim Laser khô kích cỡ 20cm x 25cm                             | Tấm         | - Kích thước: 20cm x 25cm.<br>- Đặc tính:<br>+ Cho máy in khô Carestream/Kodak;<br>+ Sử dụng thiết bị Bệnh viện đang có, chịu trách nhiệm bảo trì, bảo dưỡng máy in phim đảm bảo hoạt động 24/24 giờ không dừng máy.                         |
| 533 | PP2600<br>037955 | Rọ lấy sỏi độ mở tối thiểu 30mm                                | Cái         | - Kích thước:<br>+ Đường kính dây dẫn từ 2,35mm - 2,6mm, dài tối thiểu 200cm;<br>+ Độ mở 30mm/40mm và 40mm/50mm.<br>- Đặc tính: Dùng lấy sỏi/tán sỏi. Rọ 4 dây.                                                                              |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa         | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|------------------|-------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 534 | PP2600<br>037956 | Rọ lấy sỏi nhánh gan độ mở tối thiểu 20mm | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính dây dẫn 2,6mm, dài tối thiểu 200cm;</li> <li>+ Độ mở từ 20mm - 30mm - 40mm.</li> </ul> </li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có ngã bom thuốc cản quang và ngã luồn dây dẫn;</li> <li>+ Ngã luồn dây dẫn ra hướng chính giữa rọ, tương thích dây dẫn 0.035 inch;</li> <li>+ Dùng lấy sỏi/tán sỏi. Rọ 4 dây xoắn.</li> </ul> </li> </ul>                                                   |
| 535 | PP2600<br>037957 | Rọ lấy sỏi 4 nhánh                        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Độ mở từ 20mm đến 30mm.</li> <li>- Đặc tính: Rọ lấy sỏi 4 nhánh.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 536 | PP2600<br>037958 | Rọ lấy sỏi 3.0Fr                          | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Cỡ 3.0Fr</li> <li>- Chất liệu: Nitinol.</li> <li>- Đặc tính: Loại 4 cạnh, dạng xoắn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 537 | PP2600<br>037959 | Rọ bắt sỏi niệu quản                      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Tối thiểu 1.8Fr, chiều dài tối thiểu 120cm.</li> <li>- Chất liệu: Nitinol.</li> <li>- Đặc tính: Rọ 4 nhánh đầu tròn.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> <li>- Tiêu chuẩn: FDA.</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 538 | PP2600<br>037960 | Cuộn dây lấy sỏi                          | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Cỡ 3.0Fr; độ mở từ 7mm đến 10mm; chiều dài tối thiểu 115cm. Đầu mảnh dài tối thiểu 5cm.</li> <li>- Chất liệu: Cuộn dây gồm: lõi nitinol; vỏ bọc PTFE làm thẳng cuộn dây xoắn hình nón để thu sỏi, có khả năng chống lại năng lượng laser holmium rò rỉ.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm đánh dấu cản quang: có thể quan sát trực quan hoặc đặt dưới nội soi huỳnh quang;</li> <li>+ Tay cầm có thể tháo rời.</li> </ul> </li> </ul> |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa          | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|------------------|--------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 539 | PP2600<br>037961 | Bộ nong lấy sỏi qua da                     | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ 06 que nong, các size: 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr;</li> <li>+ 01 Giá đỡ vừa tán vừa hút (2 nhánh): 18Fr x 13cm;</li> <li>+ 01 Kim chọc dò 18G/23cm;</li> <li>+ 01 Guide wire 0.032 inch;</li> <li>+ 01 Dao mổ số 11;</li> <li>+ 01 Ống thông silicone đầu mở 14Fr x 5ml;</li> <li>+ 01 Kẹp cố định ống thông vào da.</li> <li>- Chất liệu: Các que nong được phủ lớp hydrophilic.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Dùng để tạo đường hầm trong phẫu thuật lấy sỏi qua da và giảm áp lực bể thận;</li> <li>+ Nắp bịt kín dùng để tạo áp suất âm tối đa trong quá trình hút sỏi;</li> <li>+ Có lỗ điều tiết áp lực hút trong thận tăng hoặc giảm bằng cách đóng mở;</li> <li>+ Khoảng hút nghiêng một góc 45 độ.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng bằng EO.</li> <li>- Tiêu chuẩn: FDA.</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul> |
| 540 | PP2600<br>037962 | Bóng chặn đường niệu                       | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ 5Fr và 7Fr; chiều dài 65cm và 100cm; kích cỡ bóng căng 26Fr và 34Fr;</li> <li>+ Thể tích bơm bóng 0,25ml và 0,80ml. Phù hợp với dây dẫn 0.025 inch và 0.038 inch.</li> <li>- Chất liệu: Bóng vật liệu cao su tự nhiên mềm và đàn hồi gắn kín; ống thông cản quang linh hoạt, giữ độ cứng và xoay ở nhiệt độ cơ thể.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Đầu thôn nhỏ;</li> <li>+ Có 2 nòng đánh dấu và mã hóa màu;</li> <li>+ Được dùng làm nghẽn tạm thời niệu quản và các trường hợp: chụp X-quang thận, loại bỏ sỏi và ngăn sỏi di chuyển.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 541 | PP2600<br>037963 | Bộ dẫn lưu và theo dõi bằng quang liên tục | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Bộ bao gồm:</li> <li>01 khoang đo thể tích nước tiểu theo giờ, thể tích tối thiểu 500ml</li> <li>01 khoang đo thể tích nước tiểu 24h, thể tích tối thiểu 2000ml</li> <li>01 van chống trào ngược</li> <li>01 catheter dẫn lưu, dài 115cm, kèm công lấy mẫu</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                     | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 542 | PP2600<br>037964 | Bộ đo áp lực ổ bụng liên tục                          | Bộ          | Bộ bao gồm:<br>Bộ nối bình dịch truyền (IV); Van kép một chiều; Xy-lanh 50ml; Khóa 3 chiều; Khóa 3 chiều đường kính lớn; Tiếp hợp đa bậc; Kết nối kênh dạng phễu.<br>- Đóng gói: Tiệt trùng                                                                                                                                                                                                                                          |
| 543 | PP2600<br>037965 | Bộ nong chuyên dùng cho tán sỏi mật qua da            | Bộ          | - Kích thước:<br>+ 01 sheath, size 18Fr;<br>+ 06 nong thận, các size 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr;<br>+ 02 Kim chọc dò 18G, 22G, chiều dài tối thiểu 20cm.                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 544 | PP2600<br>037966 | Bộ nong dùng 1 lần sử dụng cho phẫu thuật nội soi não | Bộ          | - Kích thước: Cỡ 19Fr<br>- Đặc tính:<br>+ Bao gồm dụng cụ nong (obturator) và vỏ bọc (sheath);<br>+ Đầu obturator tròn và tù;<br>+ Có thang chia độ trên vỏ bọc.<br>- Đóng gói: Vô trùng.                                                                                                                                                                                                                                            |
| 545 | PP2600<br>037967 | Bộ lọc bạch cầu chiết hồng cầu                        | Bộ          | - Chất liệu: Polyurethane.<br>- Đặc tính: Lượng bạch cầu còn dư trung bình tối đa ( $2 \times 10^5$ ), thu được tối thiểu 90% hồng cầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 546 | PP2600<br>037968 | Băng keo chỉ thị nhiệt                                | Cuộn        | - Kích thước: Chiều dài tối thiểu 50m, chiều rộng tối thiểu 19mm.<br>- Đặc tính:<br>+ Các vạch chỉ thị chuyển sang màu xanh tối/đen/nâu đậm sau khi tiếp xúc với hơi nước;<br>+ Sử dụng cho nồi hấp tiệt trùng từ 121°C đến 134°C.<br>- Đóng gói: Cuộn.                                                                                                                                                                              |
| 547 | PP2600<br>037969 | Túi đo áp lực 500ml                                   | Cái         | - Kích thước: Dung tích 500ml.<br>- Chất liệu: Vật liệu túi đo urethane, đồng hồ đo áp lực vật liệu ABS trắng/tinh thể styrene, bóng bóp vật liệu nhựa mềm dẻo không phthalate.<br>- Đặc tính:<br>+ Có thước đo chỉ thị theo màu sắc có thông số từ 0 mmHg, 175 mmHg và 300 mmHg;<br>+ Khi quá áp van tự động được kích hoạt giúp giảm áp lực quay trở lại ngưỡng an toàn;<br>+ Có móc treo thiết kế gọn;<br>+ Có van khóa stopcock. |
| 548 | PP2600<br>037970 | Bao camera vô trùng                                   | Cái         | - Kích thước: 15cm x 235cm.<br>- Chất liệu: Màng nhựa PE, hai vòng nhựa PP.<br>- Đóng gói: Từng cái riêng biệt. Tiệt trùng bằng khí EO.                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------------|-----------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 549 | PP2600<br>037971 | Bao vải + ruột huyết áp           | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 25cm x 35cm.</li> <li>- Chất liệu: PU, ruột cao su.</li> <li>- Đặc tính: Có 02 ống dây. Phù hợp với máy huyết áp cơ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 550 | PP2600<br>037972 | Bộ mở khí quản Ultraperc các số   | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Số 7.0, 8.0, 9.0. Cong 105 độ (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Chất liệu: Nhựa PVC, không chứa DEHP, cánh trong suốt.</li> <li>- Đặc tính: Bóng thành mỏng 0.06mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Yêu cầu khác: Bộ gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dao mở da;</li> <li>+ Kim sắt luồn trong kim nhựa;</li> <li>+ Syringe;</li> <li>+ Guide wire;</li> <li>+ Đầu nong ngắn;</li> <li>+ Guiding catheter;</li> <li>+ Đầu nong lớn;</li> <li>+ Ống mở khí quản có bóng;</li> <li>+ Cây chèn nòng;</li> <li>+ Hai nòng trong;</li> <li>+ Dây cố định ống mở khí quản và chôi làm vệ sinh nòng trong; gạc thấm và gel.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul> |
| 551 | PP2600<br>037973 | Bộ mở khí quản cấp cứu            | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 6.0.</li> <li>- Đặc tính: Bộ mở khí quản cấp cứu PCK gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dao mổ số 15;</li> <li>+ Ống mở khí quản có bóng số 6mm gắn sẵn kim dò đầu tù;</li> <li>+ Thanh chèn;</li> <li>+ Cây nong.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói kèm theo các phụ kiện: Dây cố định ống mở khí quản, chỉ khâu, lọc HME, bơm tiêm.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 552 | PP2600<br>037974 | Buồng tiêm truyền cấy dưới da                                    | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính nền tối thiểu 30mm;</li> <li>+ Chiều cao tối thiểu 11,3mm;</li> <li>+ Thể tích trong 0,6ml;</li> <li>+ Catheter cỡ 8F.</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: Buồng tiêm làm bằng titanium. Catheter làm bằng silicone.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cho phép truyền được chất cản quang, cản từ trực tiếp;</li> <li>+ Tốc độ truyền tối đa 5ml/giây;</li> <li>+ Đầu đóng có van 3 chiều ngăn máu chảy vào gây tắc nghẽn;</li> <li>+ Chụp được dưới CT và MRI.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 553 | PP2600<br>037975 | Sensor SpO2 tương thích cho máy SpO2 di động Nonin của bệnh viện | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài tối thiểu 50cm.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sensor SpO2 (tương thích cho máy SpO2 di động Nonin của bệnh viện).</li> <li>+ Dạng kẹp ngón.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 554 | PP2600<br>037976 | Dây đo SPO2 tương thích monitor hãng NihonKonden                 | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài tối thiểu 50cm.</li> <li>Dây đo thích hợp với Monitor Nihon Kohden.</li> <li>Dạng kẹp ngón.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 555 | PP2600<br>037977 | Ống kính nội soi mềm dùng trong nội soi tiết niệu                | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính kênh làm việc tối thiểu 9F;</li> <li>+ Đường kính trong kênh làm việc tối thiểu 3F;</li> <li>+ Góc uốn: Trong phạm vi từ -275 độ đến +275 độ;</li> <li>+ Chiều dài làm việc tối thiểu 650mm;</li> <li>+ Tổng chiều dài tối thiểu 920mm;</li> <li>+ Trường nhìn tối thiểu 110 độ;</li> <li>+ Độ sâu trường ảnh trong phạm vi từ 3mm đến 100mm;</li> <li>+ Đường kính phần chèn tối thiểu 8.4Fr.</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: Cấu tạo xương rắn kim loại chuyển động linh hoạt.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cần điều khiển có chức năng khóa ở các mức: có thể dừng ở bất kỳ góc lệch nào. Chức năng khóa có 2 cách tùy chỉnh: trạng thái tự do hoặc trạng thái khóa.</li> <li>+ Có nút điều khiển chụp ảnh &amp; video trên tay cầm của kính.</li> <li>+ Camera trang bị cảm biến CMOS.</li> <li>- Tiêu chuẩn: CE.</li> </ul> </li> </ul> |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                        | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 556 | PP2600<br>037978 | Ống soi mềm có giám sát áp lực                           | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Đường kính ngoài tối thiểu 8F;</li> <li>+ Đường kính kênh công cụ tối thiểu 3F;</li> <li>+ Chiều dài làm việc tối thiểu 670mm;</li> <li>+ Độ phân giải: tối thiểu 400 x 400 pixel.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Trên ống soi có cảm biến áp suất;</li> <li>+ Thiết kế xương rắn, được bao phủ bằng lưới dệt;</li> <li>+ Nguồn sáng LED.</li> </ul>                                                                                                                                     |
| 557 | PP2600<br>037979 | Giá đỡ vừa tán vừa hút dùng trong phẫu thuật ống soi mềm | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Các cỡ từ 9.5Fr đến 14Fr;</li> <li>+ Chiều dài trong phạm vi từ 13cm đến 55cm.</li> <li>- Chất liệu: Vỏ bọc được làm bằng PTFE, lò xo thép không gỉ, Nylon, lớp phủ ưa nước.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Thiết kế đầu tip linh hoạt: thẳng hoặc uốn cong;</li> <li>+ 2 kênh trong suốt, kênh xuyên lệch góc 45 độ kết hợp lỗ điều chỉnh áp suất âm.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng bằng EO.</li> </ul>                                                                               |
| 558 | PP2600<br>037980 | Bộ dây bơm nước                                          | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Bộ bao gồm:</li> <li>+ 02 dây silicon, đường kính ngoài tối thiểu 11mm, đường kính trong tối thiểu 6,5mm, dài tối thiểu 60cm;</li> <li>+ 01 dây silicon, đường kính ngoài tối thiểu 10mm, đường kính trong tối thiểu 5mm, dài tối thiểu 250cm;</li> <li>+ 01 dây silicon, đường kính tối thiểu 11mm, đường kính trong tối thiểu 6,5mm, dài tối thiểu 120cm;</li> <li>+ 01 dây silicon, chiều dài tối thiểu 160mm;</li> <li>+ 02 cái ghim nhựa, 02 kẹp dòng chảy, 01 kết nối chữ Y, 03 cái màng silicon.</li> </ul> |
| 559 | PP2600<br>037981 | Ống soi mềm mật                                          | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Độ rộng tối đa 5.0mm;</li> <li>+ Độ rộng kênh làm việc tối thiểu Ø2.0mm;</li> <li>+ Góc uốn từ 180 độ đến 210 độ;</li> <li>+ Chiều dài làm việc tối thiểu 380mm.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Cấu trúc xương rắn kim loại;</li> <li>+ Hệ thống chiếu sáng tối thiểu 4 đèn LED;</li> <li>+ Cần điều khiển có chức năng khóa ở các mức.</li> </ul>                                                                                                                                       |



| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                  | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------------|----------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 560 | PP2600<br>037982 | Vỏ đỡ niệu quản 2 kênh dùng cho tán sỏi ống mềm    | cái         | <p>Cấu tạo gồm nòng trong và vỏ ngoài, 1 bình lọc chứa sỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nòng trong 10Fr, 12Fr;</li> <li>+ Vỏ ngoài 12Fr, 14Fr;</li> <li>+ Chiều dài 28cm, 45cm.</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: Lõi được gia cố gồm một cấu trúc cuộn, vỏ ngoài phủ hydrophilic.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có lỗ kiểm soát áp lực hút.</li> <li>+ Lõi vỏ nong được cấu tạo theo dạng cuộn;</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> <li>- Tiêu chuẩn: FDA.</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul> |
| 561 | PP2600<br>037983 | Đầu cone vàng                                      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Thể tích hút được từ 0μl - 200μl.</li> <li>- Chất liệu: Nhựa.</li> <li>- Đặc tính: Màu vàng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 562 | PP2600<br>037984 | Đầu cone xanh                                      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Thể tích hút được từ 0μl -1000μl.</li> <li>- Chất liệu: Nhựa.</li> <li>- Đặc tính: Màu xanh.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 563 | PP2600<br>037985 | Màn nhựa đo huyết áp dome sterile vỏ chứa cảm biến | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dome đo huyết áp xâm lấn dùng cho máy DSA.</li> <li>+ Dùng cho IBP, niệu đồ, lọc máu.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 564 | PP2600<br>037986 | Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường                      | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: PVC</li> <li>- Đặc tính: Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường gồm: 2 đoạn dây 80inch/06inch, 2 khóa 3 ngã, 1 đầu dò cảm biến DPT, dây truyền dịch.</li> <li>+ Áp lực hoạt động trong phạm vi từ -30mmHg đến 300mmHg.</li> <li>+ Quá áp trong phạm vi từ 400mmHg đến 4000mmHg.</li> <li>+ Độ chính xác: 1mmHg ±1%</li> <li>+ Trở kháng đầu vào trong phạm vi từ 300 Ohm đến 400 Ohm.</li> <li>+ Trở kháng đầu ra trong phạm vi từ 250 Ohm đến 350 Ohm.</li> <li>+ Đối xứng đầu dò: ± 4%</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng bằng EO.</li> </ul>              |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                     | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 565 | PP2600<br>037987 | Bộ phận cảm biến đo huyết áp động mạch dùng cho PICCO | Bộ          | <p>Bộ cảm biến theo dõi huyết áp động mạch: 01 bộ</p> <p>Bộ cảm biến theo dõi huyết áp tĩnh mạch trung tâm: 01 bộ</p> <p>Cảm biến nhiệt đầu vào: 01 cái</p> <p>Theo dõi được áp lực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Hệ thống xả tốc độ 3ml/h với áp lực 300mmHg trong túi xả (xả nhanh lớn hơn 2ml/s);</li> <li>+ Chiều dài dây đo huyết áp tối thiểu dài 150cm;</li> <li>+ Chiều dài đo huyết áp tĩnh mạch trung tâm chiều dài tối thiểu 150cm.</li> <li>- Chất liệu: Polycarbonate (PC), Polyethylen (PE), Silicone (SI), Polyvinylchlorid (PVC), ABS.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Theo dõi cung lượng tim chính xác cùng với catheter Picco;</li> <li>+ Cảm biến áp lực được thiết kế trong suốt.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng bằng EO</li> </ul> |
| 566 | PP2600<br>037988 | Đè lưỡi gỗ tiệt trùng                                 | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm.</li> <li>- Chất liệu: Gỗ tự nhiên.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 567 | PP2600<br>037989 | Điện cực tim dùng 1 lần                               | Miếng       | Điện cực bám dính chắc chắn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 568 | PP2600<br>037990 | Dây điện cực đĩa vàng đo điện não                     | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính 10mm, chiều dài tối thiểu 150cm.</li> <li>- Chất liệu: Điện cực bằng bạc, dây dẫn bằng Cu/Ag.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 569 | PP2600<br>037991 | Điện cực dán đo dẫn truyền                            | Cái         | Chất liệu: Điện cực bằng bạc.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 570 | PP2600<br>037992 | Điện cực đất loại dán Ambu                            | Bịch        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Điện cực bằng bạc.</li> <li>- Đặc tính: Diện tích tiếp xúc tối thiểu 35mm, dây dài tối thiểu 1m.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 571 | PP2600<br>037993 | Clip Polymer Hem-o-lok các size ML, L, XL             | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính từ 3mm đến 16mm.</li> <li>- Chất liệu: Polymer</li> <li>- Đặc tính: Có gai dọc thân clip với chân bám 360 độ, có khoá an toàn.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> <li>- Yêu cầu khác: Cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ khi trúng thầu.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa       | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|------------------|-----------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 572 | PP2600<br>037994 | Clip Polymer kẹp mạch máu cỡ XL         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính từ 7mm đến 16mm.</li> <li>- Chất liệu: Polymer</li> <li>- Đặc tính: Có gai dọc thân clip với chân bám 360 độ, có khoá an toàn</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> <li>- Yêu cầu khác: Cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ khi trúng thầu.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                      |
| 573 | PP2600<br>037995 | Clip Titan kẹp mạch máu cỡ L            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: cỡ L (300)</li> <li>- Chất liệu: Titan</li> <li>- Đặc tính: Hình chữ V.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> <li>- Yêu cầu khác: Cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ khi trúng thầu.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 574 | PP2600<br>037996 | Clip phình mạch máu não Titanium các cỡ | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Trong phạm vi từ 3mm đến 16mm.</li> <li>- Chất liệu: Titan.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mặt trong của lưới có dập các khối hình chóp lõm lớn hoặc rãnh chéo;</li> <li>+ Độ mở tối đa trong phạm vi 3,3mm đến 10,2mm;</li> <li>+ Lực kẹp tối thiểu từ 110g (1.08 N) và có thể lên đến 200g (1.96N).</li> </ul> </li> <li>- Có dụng cụ gắn kẹp sử dụng trong phẫu thuật key hole.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng sẵn.</li> </ul> |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa              | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|------------------|------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 575 | PP2600<br>037997 | Kẹp túi phình mạch máu não gấp góc/cong các cỡ | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Loại kẹp mini: Chiều dài lưỡi tối thiểu 5,0mm, độ mở tối đa 4,6mm, lực đóng tối thiểu 1.08N/110g.</li> <li>+ Loại kẹp mini có lỗ cửa sổ 3,5mm: Chiều dài lưỡi là 3.0/6.9mm và 3,0/5,1mm, độ mở tối đa 3,2mm, lực đóng 110g.</li> <li>+ Loại kẹp tiêu chuẩn: Chiều dài lưỡi tối thiểu 6,4mm, độ mở tối đa 10,2mm, có lực đóng tối thiểu 1.77N/180g.</li> <li>+ Loại kẹp tiêu chuẩn có lỗ cửa sổ 5,0mm: Chiều dài lưỡi là 6/12,7mm; 9/15,7mm và 5/6,7mm, độ mở tối đa 9,1mm, có lực đóng từ 1.47N/150g.</li> <li>+ Loại kẹp túi phình siêu ngắn: Chiều dài lưỡi là 3,0/6,3mm và 3,0/6,7mm, độ mở tối đa 5,8mm, có lực đóng từ 1.47N.</li> <li>+ Loại kẹp cố định: Chiều dài lưỡi tối thiểu 9,0mm, độ mở tối đa 5,5mm, có lực đóng tối thiểu 1.47N/150g.</li> <li>+ Loại kẹp tạm: Chiều dài lưỡi tối thiểu 9,0mm, độ mở tối đa 7,8mm, có lực đóng 0.88N/90g.</li> <li>- Chất liệu: Titanium.</li> <li>- Đặc tính: Kẹp clip phình mạch máu não.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng sẵn.</li> </ul> |
| 576 | PP2600<br>037998 | Kẹp túi phình mạch máu não hình lưỡi lê các cỡ | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Độ dài hàm kẹp từ 5,0mm đến 16mm.</li> <li>Chất liệu: Bằng titan không bị nhiễm từ khi chụp MRI.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Độ mở rộng hàm từ 4,5mm đến 10,2mm;</li> <li>+ Lực kẹp 200gms;</li> <li>+ Lực kẹp được tính tại vị trí 1/3 chiều dài hàm là từ 110gms đến 200gms;</li> <li>+ Hàm kẹp loại lưỡi lê;</li> <li>+ Có khóa chốt chống kẹt mạch máu vào góc hàm clip, bề mặt clip có rãnh chéo, chất liệu titanium;</li> <li>+ Có dụng cụ gắn kẹp sử dụng trong phẫu thuật key hole.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng 2 lớp.</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa       | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------------|-----------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 577 | PP2600<br>037999 | Kẹp túi phình mạch máu não thẳng các cỡ | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Độ dài hàm kẹp từ 3mm đến 12mm</li> <li>- Chất liệu: Vật liệu titan không bị nhiễm từ khi chụp MRI.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Độ mở rộng hàm tối thiểu 6,2mm, lực kẹp tối thiểu 150gms;</li> <li>+ Lực kẹp được tính tại vị trí 1/3 chiều dài hàm từ 110gms đến 200gms;</li> <li>+ Hàm kẹp thẳng;</li> <li>+ Loại có lỗ tròn đường kính 5,0mm;</li> <li>+ Có chốt chống kẹt mạch máu vào góc hàm clip, bề mặt clip có rãnh chéo.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng 2 lớp.</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> </ul> |
| 578 | PP2600<br>038000 | Kẹp cầm máu clip độ mở từ 09mm đến 16mm | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chiều dài làm việc từ 1600mm đến 2300mm, xoay 360 độ, 2 chiều.</li> <li>+ Nhiều độ mở từ 9mm đến 16mm.</li> <li>+ Đường kính tối đa 2,5mm.</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: Không có vỏ bọc nhựa.</li> <li>- Đặc tính: Tay cầm lắp sẵn, có thiết kế khóa an toàn có thể đóng mở nhiều lần.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul>                                                                                                                                                                              |
| 579 | PP2600<br>038001 | Kẹp đốt cầm máu đại tràng               | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài tối thiểu 2300mm.</li> <li>- Đặc tính: Dùng để đốt cầm máu đại tràng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 580 | PP2600<br>038002 | Kẹp đốt cầm máu dạ dày                  | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Chiều dài tối thiểu 1650mm, sử dụng cho kênh thủ thuật từ 2,8mm</li> <li>- Đặc tính: Dùng để đốt cầm máu dạ dày.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 581 | PP2600<br>038003 | Ghim da đầu Scalpfix Clips              | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính 12mm.</li> <li>- Chất liệu: Plastic.</li> <li>- Đặc tính: Cố định da đầu ứng dụng cầm máu.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng sẵn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 582 | PP2600<br>038004 | Mask gây mê các số                      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc tính: Dùng trong gây mê</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa             | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|------------------|-----------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 583 | PP2600<br>038005 | Mask khí dung co T                            | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Ống lượn sóng tối thiểu 14cm;</li> <li>+ Ống thở oxy tối thiểu 2m.</li> <li>- Chất liệu: PP, PVC.</li> <li>- Đặc tính: Bộ gồm</li> <li>+ Bình xông khí dung;</li> <li>+ Ống ngậm;</li> <li>+ Ống thở oxy;</li> <li>+ Đầu nối chữ T;</li> <li>+ Ống lượn sóng.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng bằng EO.</li> </ul>                                                                                                   |
| 584 | PP2600<br>038006 | Mask thở oxy có túi                           | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Size XL. Dây dẫn có chiều dài tối thiểu 2m</li> <li>- Chất liệu: Nhựa PVC nguyên sinh.</li> <li>- Đặc tính: Mặt nạ thở oxy có túi khí.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng bằng EO.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                     |
| 585 | PP2600<br>038007 | Mask venturi                                  | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Tốc độ dòng cao đáp ứng với nhu cầu bệnh nhân</li> <li>+ FiO2 ổn định từ 24% đến 60%.</li> <li>+ Không gây ứ khí CO2.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 586 | PP2600<br>038008 | Mask xông khí dung                            | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Size XL. Dây dẫn có chiều dài tối thiểu 2m</li> <li>- Chất liệu: Nhựa PVC nguyên sinh.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Dây dẫn có khóa;</li> <li>+ Thanh nhôm mềm.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng bằng EO.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                         |
| 587 | PP2600<br>038009 | Mask thanh quản 2 nòng sử dụng một lần các cỡ | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Các số 3, 4, 5. Co nối dài 15mm.</li> <li>- Chất liệu: 100% silicon hoặc PP.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Mặt nạ thanh quản 2 nòng;</li> <li>+ Có đường dẫn dây bơm xả khí mask.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                  |
| 588 | PP2600<br>038010 | Mask thở không xâm lấn                        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp lực (cmH2O): Lưu lượng (lít/phút).</li> <li>- Áp lực 0 tới 20: lưu lượng nhỏ hơn 6.</li> <li>- Áp lực 20 tới 40: lưu lượng nhỏ hơn 12.</li> <li>- Áp lực điều trị (cmH2O): 0 tới 40cmH2O.</li> <li>- Thông tin khoảng chết: Khoảng chết vật lý (Mask và chỗ khuyết cong) sử dụng đệm lớn là 342ml.</li> <li>- Trở kháng:</li> <li>Giảm áp lực đo (bình thường) Tại 50 lít/phút: 0,4cmH2O</li> <li>Tại 100lít/phút: 1,2cmH2O.</li> </ul> |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa               | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------------|-------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 589 | PP2600<br>038011 | Mũi khoan đường kính 2,5mm                      | Cái         | - Kích thước: Đường kính 2,5mm.<br>- Chất liệu: Thép không gỉ.<br>- Đặc tính: Mũi khoan bền nhọn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 590 | PP2600<br>038012 | Mũi khoan đường kính 2,7mm                      | Cái         | - Kích thước: Đường kính 2,7mm.<br>- Chất liệu: Thép không gỉ.<br>- Đặc tính: Mũi khoan bền nhọn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 591 | PP2600<br>038013 | Mũi khoan đường kính 3,2mm                      | Cái         | - Kích thước: Đường kính 3,2mm.<br>- Chất liệu: Thép không gỉ.<br>- Đặc tính: Mũi khoan bền nhọn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 592 | PP2600<br>038014 | Mũi khoan đường kính 3,5mm                      | Cái         | - Kích thước: Đường kính 3,5mm.<br>- Chất liệu: Thép không gỉ.<br>- Đặc tính: Mũi khoan bền nhọn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 593 | PP2600<br>038015 | Mũi khoan đường kính 4,0mm                      | Cái         | - Kích thước: Đường kính 4,0mm.<br>- Chất liệu: Thép không gỉ.<br>- Đặc tính: Mũi khoan bền nhọn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 594 | PP2600<br>038016 | Mũi khoan đường kính 4,5mm                      | Cái         | - Kích thước: Đường kính 4,5mm.<br>- Chất liệu: Thép không gỉ.<br>- Đặc tính: Mũi khoan bền nhọn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 595 | PP2600<br>038017 | Mũi khoan cắt sọc đường kính từ 1,6mm đến 2,3mm | Cái         | - Kích thước:<br>+ Đường kính 1,8mm ( $\pm 10\%$ ).<br>+ Chiều dài làm việc 15mm ( $\pm 10\%$ )<br>- Chất liệu: Thép không gỉ<br>- Đặc tính:<br>+ Lưỡi cưa sọc não dùng trong phẫu thuật thần kinh;<br>+ Lưỡi thẳng hoặc lưỡi xoắn;<br>+ Lưỡi cưa có độ chính xác cao, sai số tối đa 2/100mm;<br>+ Lưỡi cưa được xử lý làm cứng.<br>- Đóng gói: Tiệt trùng, sử dụng 01 lần.<br>- Xuất xứ: G7.<br>- Yêu cầu khác: Cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ khi trúng thầu. |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                     | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 596 | PP2600<br>038018 | Mũi khoan mài kim cương đường kính từ 2,0mm đến 5,0mm | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính (2,0mm - 5,0mm) <math>\pm</math> 10%.</li> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mũi khoan mài kim cương dùng trong phẫu thuật thần kinh;</li> <li>+ Mũi khoan có độ chính xác cao, sai số tối đa 2/100mm;</li> <li>+ Mũi khoan được xử lý làm cứng;</li> <li>+ Có 8 vạch chỉ chỉ trên mũi khoan mài;</li> <li>+ Một mũi khoan mài dùng được với tất cả các ngàm chức năng của hệ thống khoan cao tốc.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng, sử dụng 01 lần.</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> <li>- Yêu cầu khác: Cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ khi trúng thầu.</li> </ul> |
| 597 | PP2600<br>038019 | Mũi khoan phá đường kính từ 2,0mm đến 7,5mm           | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính (2,0mm - 7,5mm) <math>\pm</math> 10%.</li> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mũi khoan mài trái khế dùng trong phẫu thuật thần kinh;</li> <li>+ Mũi khoan có sai số tối đa 2/100mm;</li> <li>+ Mũi khoan được xử lý làm cứng;</li> <li>+ Có 8 vạch chỉ chỉ trên mũi khoan mài;</li> <li>+ Một mũi khoan mài dùng được với tất cả các ngàm chức năng của hệ thống khoan cao tốc.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng, sử dụng 01 lần.</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> <li>- Yêu cầu khác: Cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ khi trúng thầu</li> </ul>                     |



| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|------------------|-----------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 598 | PP2600<br>038020 | Mũi khoan sọ não tự dừng          | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Sử dụng được trên độ dày xương sọ ở 1.0mm, 2.0mm và 3.0mm.</li> <li>+ Độ dày 1.0mm: Mũi khoan có đường kính trong/đường kính ngoài là 7/11mm và 11/14mm;</li> <li>+ Độ dày 2.0mm: Mũi khoan có đường kính trong/đường kính ngoài là 6/9mm, 8/11mm và 11/14mm;</li> <li>+ Độ dày 3.0mm: Mũi khoan có đường kính trong/đường kính ngoài là 7/11mm và 11/14mm.</li> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mũi khoan sọ tự dừng dùng trong phẫu thuật thần kinh;</li> <li>+ Cơ cấu nhả khóa an toàn tối thiểu tổn thương cho màng cứng;</li> <li>+ Đầu cắt có mũi trung tâm chống trượt;</li> <li>+ Tương thích với các máy khoan chuẩn Hudson;</li> <li>+ Tốc độ hoạt động: 800 - 1200 vòng/phút.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng bằng Gamma, sử dụng 01 lần.</li> <li>- Xuất xứ: G7.</li> <li>- Yêu cầu khác: Cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ khi trúng thầu.</li> </ul> |
| 599 | PP2600<br>038021 | Lọc vi sinh cho điều áp hút       | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Co nổi 8mm/12mm.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lọc làm bằng vật liệu PP;</li> <li>+ Đĩa lọc làm bằng PTFE kỵ nước.</li> </ul> </li> <li>- Đặc tính: Khả năng lọc: 0.2micron. Hiệu quả lọc BFE và VFE trên 99.9%.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 600 | PP2600<br>038022 | Lọc khuẩn 1 chức năng             | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Nhựa y tế.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tỷ lệ lọc vi rút/vi khuẩn tối thiểu 99,9 %</li> <li>+ Phin lọc vi khuẩn/vi rút có cổng CO2</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 601 | PP2600<br>038023 | Lọc khuẩn 3 chức năng             | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Nhựa y tế.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tỷ lệ lọc vi rút/vi khuẩn tối thiểu 99,9 %.</li> <li>+ Phin lọc vi khuẩn/vi rút, trao đổi ẩm ẩm.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 602 | PP2600<br>038024 | Lọc khuẩn đo chức năng hô hấp     | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lọc vi khuẩn, vi rút dùng cho máy đo chức năng hô hấp Koko, có đường kính ngoài trong phạm vi từ 30mm đến 48mm.</li> <li>+ Hiệu quả lọc khuẩn lớn hơn 99.999 %. Hiệu quả lọc vi rút lớn hơn 99.99 %.</li> <li>+ Khoảng chết: ≤ 50ml.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                             | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 603 | PP2600<br>038025 | Bộ gây tê ngoài màng cứng                                     | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Chiều dài catheter tối thiểu 900mm;</li> <li>+ Kim đầu cong 18G x 8cm, có thể tháo rời, thân có vạch chia;</li> <li>+ Bơm tiêm kháng lực 10ml.</li> <li>- Chất liệu: Catheter chất liệu Polyether block amide trong suốt, mềm. Catheter có vạch đánh dấu chiều dài, mặt bên có 3 lỗ bơm thuốc.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Bộ lọc phẳng ngoài màng cứng, màng lọc phẳng ái nước. Có đầu dẫn catheter;</li> <li>+ Catheter có vạch đánh dấu chiều dài, mặt bên có 3 lỗ bơm thuốc.</li> <li>- Đóng gói: Vô trùng</li> </ul> |
| 604 | PP2600<br>038026 | Nắp đáy silicon cho trocar 6mm                                | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính 6mm.</li> <li>- Chất liệu: Silicon</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 605 | PP2600<br>038027 | Trocar nhựa không dao dùng trong phẫu thuật nội soi           | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Trocar nhựa không dao dùng trong nội soi, tách cơ không cắt cơ các cơ:</li> <li>- Kích thước: Đường kính 5mm, 10mm, 12mm và 15mm. Chiều dài 100mm.</li> <li>- Chất liệu: Nhựa trong suốt.</li> <li>- Đặc tính: Đầu tip trong suốt. Có 2 lớp van khóa khí:</li> <li>+ Van phía trong 4 mảnh;</li> <li>+ Van phía ngoài có thể điều chỉnh để phù hợp với đường kính của dụng cụ đưa vào.</li> </ul>                                                                                                                                                      |
| 606 | PP2600<br>038028 | Trocar nhựa có ren rãnh cổ định dùng trong phẫu thuật nội soi | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Nòng 5mm, 11mm, 12mm, chiều dài 100mm.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Trocar nhựa có ren rãnh cổ định chữ Z, có lỗ ở đầu nòng.</li> <li>+ Van giữ khí hình mỏ vịt đôi.</li> <li>+ Buồng van có thể tháo rời hoàn toàn, gồm 1 nòng và 1 vỏ ngoài.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                             | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 607 | PP2600<br>038029 | Trocar nhựa không dao có bóng                                 | Cái         | - Kích thước: Nòng 5mm, 11mm, 12mm, chiều dài 100mm.<br>- Đặc tính:<br>+ Trocar có bóng cố định, có lỗ ở đầu nòng.<br>+ Van giữ khí hình mở vệt đôi.<br>+ Buồng van có thể tháo rời hoàn toàn, gồm 1 nòng và 1 vỏ ngoài.                                                                                           |
| 608 | PP2600<br>038030 | Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi đường kính tối thiểu 5mm | Cái         | - Kích thước:<br>+ Đường kính trong tối thiểu 5mm;<br>+ Đường kính ngoài tối thiểu 8mm;<br>+ Chiều dài 100mm.<br>- Chất liệu:<br>+ Thân bằng Polyamide, Polysorpren và silicon oil;<br>+ Nòng bằng Polyamide, Acrylonitrile-butadiene-styrene và Versaflex Thermoplastic Elastomer.<br>- Đặc tính: Van khí 2 chiều |
| 609 | PP2600<br>038031 | Bóng đèn hồng ngoại                                           | Cái         | Đặc tính: Công suất 250W, 220V. Loại đuôi xoáy. Màu đỏ                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 610 | PP2600<br>038032 | Bóng đèn halogen 24V-50W                                      | Cái         | Đặc tính: Halogen 24V - 50W                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 611 | PP2600<br>038033 | Bóng đèn halogen 24V-150W                                     | Cái         | Đặc tính: Halogen 24V - 150W.                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 612 | PP2600<br>038034 | Bóng đèn nội khí quản                                         | Cái         | - Đặc tính:<br>+ Bóng đèn nội khí quản cho đèn đặt nội khí quản.<br>+ Ánh sáng trắng.<br>+ 2,4V - 3V.                                                                                                                                                                                                              |
| 613 | PP2600<br>038035 | Bóng đèn xenon 300W                                           | Cái         | - Công suất: 300W<br>- Đặc tính: Dùng cho nguồn sáng của máy nội soi.                                                                                                                                                                                                                                              |
| 614 | PP2600<br>038036 | Áo phẫu thuật size L                                          | Cái         | - Kích thước: Size L, chiều dài tối thiểu 135cm.<br>- Chất liệu: Vải không dệt SMMMS, định lượng 45gsm<br>- Đặc tính: Không chứa độc tố, có tính năng chống thấm nước, chống cồn, chống tĩnh điện.<br>- Đóng gói: 1 cái/gói. Tiệt trùng                                                                            |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa            | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|------------------|----------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 615 | PP2600<br>038037 | Bàn chải phẫu thuật                          | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 4cm x 10cm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Chất liệu: Nhựa PP.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bàn chải y tế có 2 mặt lông, có 1 mặt để chải kẽ móng tay, lông bàn chải bằng chất liệu nylon mềm mại, không làm trầy xước da;</li> <li>+ Có thể hấp tiệt trùng để tái sử dụng.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: 1 cái/hộp.</li> </ul> |
| 616 | PP2600<br>038038 | Băng đựng hóa chất Sterrad 100NX cassettes   | Băng        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đóng gói dạng băng Cassette.</li> <li>- Đặc tính: Băng gồm 10 cell mỗi cell chứa 5,4ml H<sub>2</sub>O<sub>2</sub> 58%.</li> <li>- Đóng gói: 2 Băng/Hộp</li> <li>- Yêu cầu khác: Tương thích dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp STERRAD 100NX.</li> </ul>                                                                                                            |
| 617 | PP2600<br>038039 | Băng keo chỉ thị hóa học dành cho máy plasma | Cuộn        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: (19mm x 55m) <math>\pm 10\%</math>.</li> <li>- Chất liệu: Làm bằng giấy Crepe</li> <li>- Đặc tính: Băng keo có chỉ thị hóa học nhận dạng H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>, chuyển màu sau khi hấp tiệt khuẩn plasma.</li> <li>- Đóng gói: Cuộn.</li> </ul>                                                                                                                   |
| 618 | PP2600<br>038040 | Bao tránh thai                               | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài tối thiểu 160mm.</li> <li>- Chất liệu: Cao su thiên nhiên.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 619 | PP2600<br>038041 | Bình làm ấm oxy cao tối thiểu 14cm           | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều cao 14cm, ngang 6cm, trực nối đường kính 1,5cm.</li> <li>- Chất liệu: Nhựa</li> <li>- Đặc tính: Gắn vào áp kế oxi âm tường để làm ấm khí thở.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                         |
| 620 | PP2600<br>038042 | Bình làm ấm oxy cao tối thiểu 17cm           | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều cao 17cm, ngang 6cm, trực nối đường kính 1cm.</li> <li>- Chất liệu: Nhựa.</li> <li>- Đặc tính: Gắn vào áp kế oxi âm tường để làm ấm khí thở.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                          |
| 621 | PP2600<br>038043 | Bình dẫn lưu                                 | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Bình 2000ml.</li> <li>- Chất liệu: Bằng thủy tinh trong suốt.</li> <li>- Đặc tính: Có vạch định mức thể tích.</li> <li>- Đóng gói: 1 cái/hộp</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                |
| 622 | PP2600<br>038044 | Bộ cấy ghép thể hang giả                     | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Bình chứa dịch có dung tích 75ml hoặc 125ml.</li> <li>- Chất liệu: Bình chứa dịch bằng bioflex.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Titan touch: gồm 1 bộ bơm, 1 cặp ống (dạng hình trụ) bằng bioflex.</li> <li>+ Bộ lắp ráp hỗ trợ thể hang nhân tạo nhiều kích thước.</li> </ul> </li> </ul>                                               |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                  | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 623 | PP2600<br>038045 | Bộ đặt nội khí quản người lớn                                      | Bộ          | - Kích thước: Số 2, 3, 4.<br>- Đặc tính: Lưỡi cong, cán pin trung. Ánh sáng led. Cán tay cầm loại C, dạng không sọc.<br>- Đóng gói: Hộp đựng 3 lưỡi và cán.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 624 | PP2600<br>038046 | Bộ khăn chụp mạch vành C                                           | Bộ          | - Kích thước: Bộ khăn gồm:<br>+ 1 Khăn trải bàn dụng cụ tối thiểu 140cm x 200cm;<br>+ 1 Khăn chụp mạch vành tối thiểu 240cm x 370cm, lỗ đuôi kích thước 13cm, lỗ trên màng phẫu thuật 7cm;<br>+ 1 Bao chụp đầu đèn đường kính tối thiểu 60cm;<br>+ 1 Khăn phủ bàn dụng cụ vô trùng tối thiểu 150cm x 180cm;<br>+ 1 Tấm phủ chắn chì tối thiểu 150cm x 180cm;<br>+ 1 Bao kính chắn chì: tối thiểu 100cm x 120cm có màng thun;<br>+ 1 Bao đựng remote tối thiểu 10cm x 26cm;<br>+ 1 Khăn đa dụng tối thiểu 50cm x 60cm;<br>+ 4 Khăn thấm tối thiểu 30cm x 40cm.<br>- Chất liệu: Làm bằng vải không dệt SMMMS cao cấp.<br>- Đặc tính: Có 5 lớp 43gsm, có vùng thấm hút với chất liệu vải thấm 130gsm. |
| 625 | PP2600<br>038047 | Bộ khăn tiểu phẫu vô trùng                                         | Bộ          | Kích thước: Khăn có lỗ với màng phẫu thuật 120cm x 160cm ( $\pm 2$ cm) và khăn đa dụng 120cm x 160cm ( $\pm 2$ cm).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 626 | PP2600<br>038048 | Bộ KIT sử dụng cho máy Laser                                       | Bộ          | + Dụng cụ đặt/ Dây nong 7F-10cm;<br>+ Dây dẫn J-0,036 inch -160cm;<br>+ Kim đâm 180-7cm;<br>+ Ống hít: Einführungsschleuse;<br>+ Dụng cụ nong 7F-10cm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 627 | PP2600<br>038049 | Bộ lưu lượng kế oxy và bình làm ẩm                                 | Bộ          | Đặc tính: Điều chỉnh liều lượng oxy. Loại tháo rời được.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 628 | PP2600<br>038050 | Bộ tấm dán đùi và ngực dùng trong liệu pháp hạ thân nhiệt chủ động | Bộ          | - Kích thước: XXS, XS, S, M, L.<br>- Đặc tính: Bộ tấm dán đùi và ngực dùng trong liệu pháp hạ thân nhiệt chủ động cho người bệnh.<br>Tấm dán có 3 lớp:<br>+ Lớp hydrogel bên ngoài tiếp xúc với da người bệnh;<br>+ Lớp màng trong (film) ở giữa giúp trao đổi nhiệt;<br>+ Lớp cách nhiệt ngoài và các đường dẫn nước.<br>Bộ gồm 4 miếng: 2 tấm dán đùi, 2 tấm dán ngực bụng<br>Tốc độ dòng chảy khoảng 5 lít/phút.                                                                                                                                                                                                                                                                                |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                   | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|------------------|-----------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                  |                                                     |             | - Đóng gói: Tiệt khuẩn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 629 | PP2600<br>038051 | Bóp bóng giúp thở (Ampu)                            | Bộ          | Bóng bóp giúp thở có van peep người lớn<br>- Kích thước:<br>+ Bóp bóng có thể tích tối thiểu 1500ml;<br>+ Túi trữ khí có thể tích tối thiểu 2500ml;<br>+ Dây oxy có chiều dài tối thiểu 2m.<br>- Chất liệu:<br>+ Van kết nối bệnh nhân bằng vật liệu PC, silicone;<br>+ Van peep bằng vật liệu PC, silicone chịu áp lực;<br>+ Túi trữ khí bằng vật liệu PC, PE;<br>+ Dây oxy bằng PVC. |
| 630 | PP2600<br>038052 | Cán tay cầm dùng cho vòng thắt Polyp                | Cái         | Đặc tính: Cán tay cầm dùng cho vòng thắt Polyp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 631 | PP2600<br>038053 | Chổi rửa dây soi                                    | Cái         | - Kích thước: Chiều dài tối thiểu 230cm. Đường kính chổi từ 3mm đến 5mm.<br>- Đóng gói: Vô trùng, 1 cái/bịch                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 632 | PP2600<br>038054 | Dầu bảo quản chống rỉ sét dụng cụ phẫu thuật        | Chai        | Dầu bảo quản chống rỉ sét dụng cụ phẫu thuật:<br>- Thể tích: 50ml, dạng nhỏ giọt.<br>- Chất liệu: Dầu bôi trơn<br>- Đặc tính: Chống rỉ sét dụng cụ phẫu thuật.                                                                                                                                                                                                                         |
| 633 | PP2600<br>038055 | Dầu bảo quản dụng cụ phẫu thuật dạng chai xịt 300ml | Chai        | - Thể tích: 300ml dạng xịt.<br>- Chất liệu: Dầu bôi trơn, bảo dưỡng dụng cụ phẫu thuật.<br>- Đặc tính: Dạng xịt. Không gây kích ứng da.                                                                                                                                                                                                                                                |
| 634 | PP2600<br>038056 | Đầu tip có lọc 0,5μL - 10μL                         | Cái         | - Kích thước: Thể tích 0,5μL - 10μL.<br>- Chất liệu: Nhựa.- Đặc tính: Có phễu lọc.<br>- Đóng gói: Tiệt trùng.                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 635 | PP2600<br>038057 | Đầu tip có lọc 100μL                                | Cái         | - Kích thước: Thể tích 100μL.<br>- Chất liệu: Nhựa.<br>- Đặc tính: Có phễu lọc.<br>- Đóng gói: Tiệt trùng.                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 636 | PP2600<br>038058 | Đầu tip có lọc 1000μL                               | Cái         | - Kích thước: Thể tích 1000μL.<br>- Chất liệu: Nhựa.<br>- Đặc tính: Có phễu lọc.<br>- Đóng gói: Tiệt trùng.                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 637 | PP2600<br>038059 | Đầu tip có lọc 200μL                                | Cái         | - Kích thước: Thể tích 200μL.<br>- Chất liệu: Nhựa.<br>- Đặc tính: Có phễu lọc.<br>- Đóng gói: Tiệt trùng.                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 638 | PP2600<br>038060 | Dây khâu cứu                                        | Sợi         | Kích thước: Dài tối thiểu 150cm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                          | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 639 | PP2600<br>038061 | Dây điện tim dùng cho máy monitor Nihon Kohden             | Cái         | + Dùng cho máy monitor Nihon Kohden 5 thông số của bệnh viện.<br>+ Loại dây từ 3 điện cực hoặc 5 điện cực.                                                                                                      |
| 640 | PP2600<br>038062 | Dây điện tim dùng cho máy monitor Philips                  | Cái         | + Dùng cho máy monitor Philips của bệnh viện.<br>+ Loại dây từ 3 điện cực hoặc 5 điện cực.                                                                                                                      |
| 641 | PP2600<br>038063 | Dây điện tim dùng cho máy monitor GE                       | Cái         | + Dùng cho với monitor GE.<br>+ Loại dây từ 3 điện cực hoặc 5 điện cực.                                                                                                                                         |
| 642 | PP2600<br>038064 | Dây đo điện tim ECG trên monitor hãng MinDray              | Cái         | - Kích thước: Dây dài tối thiểu 2m.<br>- Đặc tính:<br>+ Dùng cho máy điện tim hãng MinDray.<br>+ Dây có thể lắp các điện cực chuông.<br>+ Loại dây đo điện tim ECG loại 5 điện cực hoặc 3 điện cực.             |
| 643 | PP2600<br>038065 | Dây đo điện tim dùng cho máy điện tim Fukuda 3 cần         | Cái         | - Kích thước: Dây dài tối thiểu 2 mét.<br>- Đặc tính:<br>+ Dùng cho máy điện tim hãng Fukuda<br>+ Dây có thể lắp các điện cực chuông<br>+ Dây điện tim gồm 9 điện cực và 04 kẹp (2 tay, 2 chân bệnh nhân)       |
| 644 | PP2600<br>038066 | Dây đo điện tim dùng cho máy điện tim Nihonkonden          | Cái         | - Kích thước: Dây dài tối thiểu 2m.<br>- Đặc tính:<br>+ Dùng cho máy điện tim hãng Nihon Kohden.<br>+ Dây có thể lắp các điện cực chuông.<br>+ Dây điện tim gồm 9 điện cực và 04 kẹp (2 tay, 2 chân bệnh nhân). |
| 645 | PP2600<br>038067 | Dây đo điện tim dùng cho máy điện tim Kenz                 | Cái         | - Kích thước: Dây dài tối thiểu 2m.<br>- Đặc tính:<br>+ Dùng cho máy điện tim hãng Kenz.<br>+ Dây có thể lắp các điện cực chuông.<br>+ Dây điện tim gồm 9 điện cực và 04 kẹp (2 tay, 2 chân bệnh nhân).         |
| 646 | PP2600<br>038068 | Dây đốt điện cực mono hãng Valeylap, Techno, EBBE, Olympus | Cái         | - Kích thước: Dây dài tối thiểu 2m.<br>- Đặc tính:<br>+ Dây sử dụng được cho máy cắt đốt Valeylap, Techno, EBBE, Olympus<br>+ Lắp trên các dụng cụ mổ nội soi tổng quát                                         |
| 647 | PP2600<br>038069 | Dây ga rô                                                  | Cái         | - Kích thước: Dài tối thiểu 28cm.<br>- Chất liệu: Thun cotton, có gai dán.                                                                                                                                      |
| 648 | PP2600<br>038070 | Bộ nắp bình dẫn lưu phổi                                   | Cái         | - Kích thước: Ống thủy tinh đường kính 1cm, chiều dài trong phạm vi từ 20cm đến 23cm, chiều dài dây dẫn bằng nhựa trong từ 90cm - 100cm.<br>- Đóng gói: 01 cái/ gói. Tiệt trùng.                                |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                          | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                 |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 649 | PP2600<br>038071 | Dụng cụ cắt bao quy đầu các số                             | Cái         | - Kích thước: Các size 10, 12, 14, 16, 18, 22, 26, 30.<br>- Chất liệu: Tay cầm bằng kim loại.<br>- Đặc tính: Dụng cụ bao gồm:<br>+ 01 Máy cắt;<br>+ 01 cuộn băng cuộn;<br>+ 01 chỉ y khoa/dây thắt;<br>+ 01 thước đo size. |
| 650 | PP2600<br>038072 | Dụng cụ giữ cố định nội khí quản                           | Cái         | - Chất liệu: Dây bằng vật liệu mềm mại, không latex.<br>- Đặc tính: Gồm miếng dán xé, mặt sau có băng dính để dán vào ống nội khí quản và dây buộc quanh cổ.                                                               |
| 651 | PP2600<br>038073 | Gel dẫn truyền điện não                                    | Lọ          | - Kích thước: Trọng lượng tối thiểu 250g.<br>- Chất liệu: Gel.                                                                                                                                                             |
| 652 | PP2600<br>038074 | Gel tẩy da dùng cho điện cơ, điện não                      | Tuýp        | - Kích thước: Trọng lượng tối thiểu 120g.<br>- Chất liệu: Gel.<br>- Yêu cầu khác: Đảm bảo trở kháng thấp trên da.                                                                                                          |
| 653 | PP2600<br>038075 | Gel bôi trơn                                               | Tuýp        | Thành phần: Nước tinh khiết, glycerine, propylene glycol, hydroxyl ethyl cellulose, sodium benzoate, benzoic acid.                                                                                                         |
| 654 | PP2600<br>038076 | Gel siêu âm                                                | Lít         | Thành phần: Nước, glycerine hoặc propylene glycol, chất tạo gel                                                                                                                                                            |
| 655 | PP2600<br>038077 | Giấy điện tim 3 cần 63mm x 30m                             | Cuộn        | Giấy điện tim 3 cần:<br>- Kích thước: 63mm x 30m.<br>- Yêu cầu khác: Phù hợp với máy điện tim: ECG-3150 hiện có tại Bệnh viện.                                                                                             |
| 656 | PP2600<br>038078 | Giấy điện tim 6 cần 11cm x 30m                             | Cuộn        | Giấy điện tim 6 cần:<br>- Kích thước: 11cm x 30m.                                                                                                                                                                          |
| 657 | PP2600<br>038079 | Giấy điện tim 6 cần 80mm x 20m                             | Cuộn        | Giấy điện tim 6 cần<br>- Kích thước: 80mm x 20m.<br>- Yêu cầu khác: Phù hợp với máy điện tim ECG300G hiện có tại Bệnh viện.                                                                                                |
| 658 | PP2600<br>038080 | Giấy điện tim dùng cho máy điện tim gắng sức 210cm x 280cm | Xấp         | Giấy điện tim dùng cho máy điện tim gắng sức:<br>- Kích thước: 210cm x 280cm x 200 tờ.<br>- Đóng gói: 200 tờ/xấp.<br>- Yêu cầu khác: Phù hợp với máy điện tim CARDIOSTAT 31S hiện có tại Bệnh viện.                        |
| 659 | PP2600<br>038081 | Giấy lau kính hiển vi                                      | Xấp         | - Kích thước: 100mm x 150mm.<br>- Chất liệu: Vải tinh khiết không chứa silicon.<br>- Đặc tính: Thẩm hút cao.<br>- Đóng gói: 50 tờ/xấp.                                                                                     |
| 660 | PP2600<br>038082 | Giấy siêu âm trắng đen 110mm x 20m                         | Cuộn        | Giấy siêu âm trắng đen:<br>- Kích thước: 110mm x 20m.<br>- Chất liệu: Giấy in nhiệt trắng trơn, không sọc                                                                                                                  |



| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa    | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|------------------|--------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                  |                                      |             | lưới.<br>- Yêu cầu khác: Sử dụng cho máy in UP-895MD, UP-890CE của Bệnh viện.                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 661 | PP2600<br>038083 | Hộp đựng vật sắc nhọn cỡ lớn         | Cái         | - Kích thước: Dung tích: 6,8 lít ( $\pm 0,3$ lít).<br>- Chất liệu: Nhựa kháng khuẩn.<br>- Đặc tính: Có nắp đậy, có quai treo, có biểu tượng chất thải lây nhiễm sắc nhọn bên ngoài thùng theo quy định.                                                                                                                               |
| 662 | PP2600<br>038084 | Hộp đựng vật sắc nhọn cỡ nhỏ         | Cái         | - Kích thước: Dung tích: 1,5 lít ( $\pm 0,1$ lít).<br>- Chất liệu: Nhựa kháng khuẩn.<br>- Đặc tính: Có nắp đậy, có quai treo, có biểu tượng chất thải lây nhiễm sắc nhọn bên ngoài thùng theo quy định.                                                                                                                               |
| 663 | PP2600<br>038085 | Huyết áp kế không kèm ống nghe       | Cái         | - 01 đồng hồ đo áp lực.<br>- Dải đo: 20mmHg đến 300mmHg. Độ chính xác: $\pm 3$ mmHg;<br>- Hệ thống bơm khí : 01 bóng bơm khí; 02 ống dẫn khí; 01 van xả khí.<br>- 01 dải băng cuộn tay bằng cotton, dành cho người lớn kích thước 140mm x 500mm.<br>- 01 bao hơi cao su kích thước 120mm x 220mm.<br>- 01 túi đựng.<br>- Xuất xứ: G7. |
| 664 | PP2600<br>038086 | Khăn phẫu thuật SMS<br>190cm x 240cm | Cái         | - Kích thước: 190cm x 240cm ( $\pm 2$ cm).<br>- Chất liệu: Vải không dệt SMS 45gsm.<br>- Đặc tính: Chống nước, chống cồn, chống tĩnh điện.<br>- Đóng gói: 01 cái/gói. Tiệt trùng.                                                                                                                                                     |
| 665 | PP2600<br>038087 | Khăn phẫu thuật SMS<br>120cm x 140cm | Cái         | - Kích thước: 120cm x 140cm ( $\pm 2$ cm).<br>- Chất liệu: Vải không dệt SMS 45gsm.<br>- Đặc tính: Chống nước, chống cồn, chống tĩnh điện.<br>- Đóng gói: 01 cái/gói. Tiệt trùng.                                                                                                                                                     |
| 666 | PP2600<br>038088 | Khăn phẫu thuật SMS<br>100cm x 100cm | Cái         | - Kích thước: 100cm x 100cm ( $\pm 2$ cm).<br>- Chất liệu: Vải không dệt SMS 45gsm.<br>- Đặc tính: Chống nước, chống cồn, chống tĩnh điện.<br>- Đóng gói: 01 cái/ gói. Tiệt trùng.                                                                                                                                                    |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa   | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|------------------|-------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 667 | PP2600<br>038089 | Khẩu trang giấy cột dây tiệt trùng  | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 90mm x 175mm (±5mm).</li> <li>- Chất liệu: Vải PP không dệt.</li> <li>- Đặc tính: Gồm 3 lớp.</li> <li>+ Lớp 1: Vải không dệt PP Spunbond trắng, mịn, không xù lông vải;</li> <li>+ Lớp 2: Vải không dệt PP Spunbond xanh;</li> <li>+ Lớp giữa: Lớp giấy lọc;</li> <li>+ Thanh nẹp mũi bằng nhựa định hình, an toàn khi sử dụng;</li> <li>+ 04 dây cột dài tối thiểu 40cm.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng, 1cái/gói.</li> </ul> |
| 668 | PP2600<br>038090 | Khẩu trang giấy cột thun tiệt trùng | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 90mm x 175mm (±5mm).</li> <li>- Chất liệu: Vải PP không dệt.</li> <li>- Đặc tính: Gồm 3 lớp.</li> <li>+ Lớp 1: Vải không dệt PP Spunbond trắng, mịn, không xù lông vải;</li> <li>+ Lớp 2: Vải không dệt PP Spunbond xanh;</li> <li>+ Lớp giữa: Lớp giấy lọc;</li> <li>+ Dây đeo tai bằng thun, độ co giãn tốt.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng, 1cái/gói.</li> </ul>                                                            |
| 669 | PP2600<br>038091 | Lam kính mài mờ                     | Hộp         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Tối thiểu 25mm x 76mm, dày 1mm.</li> <li>- Đặc tính: Lam kính mài mờ, làm tiêu bản.</li> <li>- Đóng gói: 72 miếng/hộp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 670 | PP2600<br>038092 | Lam kính lame 22mm x 22mm           | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 22mm x 22mm.</li> <li>- Đặc tính: Borosilicate 3.3 glass200/PK.</li> <li>- Yêu cầu khác: Các lame kính mới để trong hộp không dính với nhau.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 671 | PP2600<br>038093 | Lam kính lame 22mm x 50mm           | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 22mm x 50mm.</li> <li>- Đặc tính: Borosilicate 3.3 glass.</li> <li>- Yêu cầu khác: Các lame kính mới để trong hộp không dính với nhau.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 672 | PP2600<br>038094 | Lancet lấy máu                      | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Kim loại.</li> <li>- Đặc tính: Đầu nhọn.</li> <li>- Đóng gói: 200 cái/hộp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 673 | PP2600<br>038095 | Lưỡi đèn nội khí quản               | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Số 3, 4, 5.</li> <li>- Chất liệu: Làm bằng hợp kim.</li> <li>- Đặc tính: Dẫn truyền ánh sáng vào họng để quan sát đặt ống nội khí quản.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                                        | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 674 | PP2600<br>038096 | Ngáng miệng                                                                              | Cái         | Dùng để giữ miệng bệnh nhân trong quá trình nội soi sạ dày tiêu hóa trên.<br>- Có dây đeo<br>- Màu trắng trong.<br>- Kích thước: tối thiểu 27mm x 17mm.                                                        |
| 675 | PP2600<br>038097 | Nhiệt kế điện tử đo trán hồng ngoại                                                      | Cái         | - Màn hình: Tinh thể lỏng (LCD), 4 chữ số và các ký hiệu đặc biệt, có đèn nền màu xanh lục, chuyên đo báo hiệu khi kết quả đo tối thiểu 37.5 độ C.<br>- Khoảng nhiệt độ: Khi đo thân nhiệt: 34 độ C - 43 độ C. |
| 676 | PP2600<br>038098 | Nhiệt kế thủy ngân                                                                       | Cái         | - Chất liệu: Được làm từ thủy tinh trong suốt.<br>- Đặc tính: Nhiệt kế thủy ngân, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân, dải đo từ 35 độ C đến 42 độ C.                                                   |
| 677 | PP2600<br>038099 | Nón giấy tiết trùng                                                                      | Cái         | - Chất liệu: Vải không dệt.<br>- Đặc tính: Thiết kế dạng tròn.<br>- Đóng gói: Đóng gói tiết trùng từng cái.<br>- Yêu cầu khác: Bao bì dễ xé.                                                                   |
| 678 | PP2600<br>038100 | Nút nhôm                                                                                 | Cái         | - Kích thước: Đường kính 32mm. Chiều cao tối thiểu 11mm.<br>- Chất liệu: Nhôm                                                                                                                                  |
| 679 | PP2600<br>038101 | Ống nghe                                                                                 | Cái         | - Kích thước: Chiều dài dây nghe nằm trong phạm vi từ 52cm đến 60cm.<br>- Đặc tính: Tai nghe có độ khuếch đại lớn, nghe êm, không rè, không đau tai.<br>- Xuất xứ: G7.                                         |
| 680 | PP2600<br>038102 | Ống nối catheter đến bệnh nhân, dùng cho máy đo niệu động học, chiều dài tối thiểu 150cm | Cái         | - Kích thước: Chiều dài tối thiểu 150cm.<br>- Chất liệu: PVC.                                                                                                                                                  |
| 681 | PP2600<br>038103 | Ống trữ lạnh                                                                             | Cái         | - Kích thước: Thể tích 2ml ( $\pm 0,2$ ml).<br>- Chất liệu: Nhựa.<br>- Đặc tính: Có nắp đậy                                                                                                                    |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                       | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 682 | PP2600<br>038104 | Que thử đường huyết                                                     | Que         | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phạm vi đo Glucose trong phạm vi từ 10mg/dL đến 630mg/dL;</li> <li>+ Giới hạn Hematocrit trong phạm vi từ 10% - 65%;</li> <li>+ Đo được tối thiểu 3 loại máu;</li> <li>+ Thời gian đo tối đa 5 giây;</li> <li>+ Lượng máu đo: 0,6μL;</li> <li>+ Sử dụng men thử FAD-GDH không bị ảnh hưởng đường Maltose.</li> <li>- Yêu cầu khác:</li> <li>+ Nhà thầu chịu trách nhiệm tặng kèm số lượng kim lấy máu tương ứng số que thử, đặt máy thử đường huyết miễn phí, số lượng theo yêu cầu thực tế của Bệnh viện, tối thiểu 60 máy</li> <li>+ Máy thử đường huyết: là loại máy thử đường huyết cá nhân.</li> </ul> |
| 683 | PP2600<br>038105 | Que thử hóa học kiểm soát tiệt trùng bằng H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> | Que         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc tính: Que thử có chỉ thị hóa học nhận dạng H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>, chuyển từ màu đỏ sang màu vàng sau khi hấp tiệt khuẩn.</li> <li>- Đóng gói: 50 que/hộp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 684 | PP2600<br>038106 | Tạp dề nylon 80cm x 120cm                                               | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 80cm x 120cm (±2cm).</li> <li>- Chất liệu: Nylon.</li> <li>- Đặc tính: Chống thấm.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 685 | PP2600<br>038107 | Test hóa học kiểm soát tiệt trùng bằng hơi nước                         | Miếng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc tính: Kiểm tra các thông số tiệt trùng: Thời gian, nhiệt độ và hơi nước sau tiệt trùng. Màu sắc thay đổi sau khi hấp tiệt khuẩn: trắng sang nâu/đen khi đạt điều kiện tiệt trùng hơi nước.</li> <li>- Đóng gói: 250 cái/gói.</li> <li>- Yêu cầu khác: Sử dụng cho máy hấp tiệt trùng hơi nước ở 121 độ C và 134 độ C.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 686 | PP2600<br>038108 | Test kiểm soát tiệt trùng lò hấp hơi nước bằng Bowie dick test          | Tờ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 22cm x 28cm (±10%).</li> <li>- Đặc tính: Kiểm tra chất lượng hút chân không của lò tiệt khuẩn hơi nước. Chỉ thị chuyển từ màu xanh dương sang màu đen khi đạt tiệt trùng hơi nước. Tờ chỉ thị hóa học, thời gian test 3,5 phút ở nhiệt độ 121 độ C - 134 độ C.</li> <li>- Đóng gói: 100 tờ/gói.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                                  | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 687 | PP2600<br>038109 | Gói thử Bowie Dick Test kiểm tra chất lượng lò tiệt khuẩn hơi nước | Gói         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Dạng gói chuẩn bao gồm 1 tờ chỉ thị hóa học Bowie Dick nhạy cảm với hơi nước, không chứa chì đặt ở bên trong, gần tâm một gói vật liệu nhiều bìa xếp, bên ngoài được bọc bằng vật liệu gói sử dụng một lần, chấm tròn màu vàng trên nhãn dán bên ngoài chỉ thị tiếp xúc sẽ chuyển sang màu đen sau khi đạt tiệt trùng hơi nước.</li> <li>- Đặc tính: Kiểm tra chất lượng hút chân không của lò tiệt khuẩn hơi nước. Chỉ thị chuyển từ màu vàng sang màu nâu đen khi đạt tiệt trùng hơi nước. Thời gian test từ 3,5 - 4 phút ở nhiệt độ 121 độ C - 134 độ C.</li> <li>- Đóng gói: 6 Gói/ túi.</li> </ul> |
| 688 | PP2600<br>038110 | Test kiểm soát tiệt trùng vi sinh bằng hơi nước                    | Ống         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Ống bằng polypropylene, chứa tối thiểu 106 bào tử vi khuẩn Geobacillus stearothermophilus chủng ATCC® 7953, độ nhạy cảm hệ thống tối thiểu 97%.</li> <li>- Đặc tính: Đọc kết quả nhanh trong vòng 24 phút.</li> <li>- Đóng gói: Được đóng kín bằng nắp nhựa và màng ngăn thấm hơi, 50 ống/ hộp.</li> <li>- Yêu cầu khác: Tương thích tất cả các máy hấp uớt.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                 |
| 689 | PP2600<br>038111 | Test kiểm soát tiệt trùng vi sinh dùng cho máy Plasma              | Ống         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Ống bằng polypropylene, chứa 1 triệu bào tử Geobacillus stearothermophilus.</li> <li>- Đặc tính: Đọc kết quả nhanh trong vòng 15 phút.</li> <li>- Đóng gói: 50 ống/hộp.</li> <li>- Yêu cầu khác: Tương thích tất cả các máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp H2O2 plasma/Sterrad.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 690 | PP2600<br>038112 | Bộ van khí nước, van hút cho ống nội soi Olympus                   | Bộ          | Đặc tính: Sử dụng được cho ống nội soi Olympus đang có tại Bệnh viện.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 691 | PP2600<br>038113 | Van kênh sinh thiết                                                | Cái         | Đặc tính: Sử dụng được cho các loại ống soi.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 692 | PP2600<br>038114 | Bộ van khí nước, van hút cho ống nội soi Fujifilm                  | Bộ          | Đặc tính: Sử dụng được cho ống nội soi Fujifilm 600 đang có tại Bệnh viện.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa    | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|------------------|--------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 693 | PP2600<br>038115 | Viên nang nội soi tiêu hóa           | Viên        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Tối thiểu (11mm x 25mm).</li> <li>- Chất liệu: Vỏ viên nang bằng Polyme y tế.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Độ phân giải tối thiểu 512Pixel x 512Pixel;</li> <li>+ Góc quan sát 172 độ;</li> <li>+ Độ sâu trường quan sát trong phạm vi từ 0mm đến 50mm;</li> <li>+ Thời gian hoạt động tối thiểu 12 giờ;</li> <li>+ Điện thế hoạt động: 3V.</li> </ul> </li> </ul> |
| 694 | PP2600<br>038116 | Dây đai sử dụng 1 lần, size L        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Size L90, L120.</li> <li>- Chất liệu: Thun co giãn có thể điều chỉnh theo vòng ngực - bụng; có cảm biến điện trở theo dõi tần số và dạng hô hấp.</li> <li>- Đặc tính: Hoạt động dựa trên cảm biến điện trở khi đai co giãn theo nhịp hô hấp. Cho tín hiệu dạng sóng, dùng theo dõi tần số và dạng hô hấp.</li> </ul>                                                                                |
| 695 | PP2600<br>038117 | Ống khí mũi có lọc người lớn         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài tối thiểu 30cm.</li> <li>- Chất liệu: PVC y tế, mềm, trong suốt, không gây độc</li> <li>- Đặc tính: Chức năng lọc chuyên biệt do tiếng ngáy và lưu lượng ngáy.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                 |
| 696 | PP2600<br>038118 | Nhãn chỉ thị bên ngoài hộp dụng cụ   | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 60mm x 30mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Đặc tính: Chỉ thị chuyển màu khi đạt tiết trùng hơi nước.</li> <li>- Đóng gói: 1000 cái/hộp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                              |
| 697 | PP2600<br>038119 | Cáp gắn đầu ống soi đại tràng        | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính ống soi tương thích trong phạm vi từ 10,9mm đến 11,8mm. Chiều dài tối thiểu 4mm.</li> <li>- Đặc tính: Gắn vừa đầu ống soi đại tràng Fujifilm.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                 |
| 698 | PP2600<br>038120 | Cáp gắn đầu ống soi dạ dày           | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính ống soi tương thích trong phạm vi từ 8,9mm đến 9,5mm. Chiều dài tối thiểu 4mm.</li> <li>- Đặc tính: Gắn vừa đầu ống soi đại tràng Fujifilm.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                   |
| 699 | PP2600<br>038121 | Kìm đôi kéo giữ mô                   | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Chiều dài 230cm (<math>\pm 10</math>cm).</li> <li>- Đặc tính: Có 2 hàm kẹp độc lập, dùng để kéo giữ mô vào trung tâm OTSC.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 700 | PP2600<br>038122 | Kiểm gấp dị vật qua nội soi phê quản | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường mở ngàm tối đa 8mm;</li> <li>+ Đường kính dụng cụ 2,4mm;</li> <li>+ Độ dài dụng cụ trong phạm vi từ 1200mm đến 1900mm;</li> <li>+ Đường kính kênh sinh thiết trong phạm vi từ 1,8mm đến 2,8mm.</li> </ul> </li> <li>- Đặc tính: Răng chuột tích hợp ngàm cá sấu.</li> </ul>                                                                          |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                    | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|------------------|------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 701 | PP2600<br>038123 | Kiểm gấp dị vật qua nội soi phế quản ngàm cá sấu dài | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Đường mở ngàm tối đa 9mm;</li> <li>+ Đường kính dụng cụ 2,4mm;</li> <li>+ Độ dài dụng cụ trong phạm vi từ 1200mm đến 1900mm;</li> <li>+ Đường kính kênh sinh thiết trong phạm vi từ 1,8mm đến 2,8mm.</li> <li>- Đặc tính: Ngàm cá sấu dài.</li> </ul>                                                                                               |
| 702 | PP2600<br>038124 | Bộ chọc dò dẫn lưu khí/dịch màng phổi                | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Catheter dẫn lưu ngực, loại cán xạ cỡ 10F, dài tối thiểu 27cm;</li> <li>+ Que luồn tách cơ cỡ 6F;</li> <li>+ Kim chọc màng phổi 18G, dài tối thiểu 7cm</li> <li>+ Bộ dây nối có nòng dẫn 0.032 inch x 45cm kèm khóa 3 chiều;</li> <li>+ Cán dao kèm lưỡi dao phẫu thuật cỡ 11;</li> <li>+ Syringe 10ml.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> </ul> |
| 703 | PP2600<br>038125 | Bộ chọc dò dẫn lưu khí/dịch màng phổi, loại Pigtail  | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Bộ bao gồm:</li> <li>+ 1 Catheter dẫn lưu cỡ 14Fr, dài tối thiểu 30cm, loại Pigtail;</li> <li>+ 1 Ống thông kim loại;</li> <li>+ 1 Bộ ống nối kèm khóa 3 chiều;</li> <li>+ 1 Trocar;</li> <li>+ 1 Dao mổ;</li> <li>+ 1 Van heimlich.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> </ul>                                                                                             |
| 704 | PP2600<br>038126 | Bộ dẫn lưu ngực điều chỉnh áp lực 2300ml             | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 2300ml.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Dẫn lưu kín 3 khoang;</li> <li>+ Có van điều chỉnh áp lực: Van xả áp lực dương tránh tràn khí ngược, van áp lực âm điều chỉnh tay tránh hiện tượng siphon hoặc trào ngược;</li> <li>+ Có van chống trào ngược, có vị trí lấy mẫu xét nghiệm.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> </ul>                               |
| 705 | PP2600<br>038127 | Van Heimlich                                         | Cái         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động như van một chiều để dẫn lưu khí, máu và các chất dịch khác khỏi khoang màng phổi.</li> <li>- Đầu nối kiểu Luer lock cho ống.</li> <li>- Đầu chuyển đổi tiếp hợp.</li> <li>- Đầu nối dạng phễu cỡ 16Fr.</li> <li>- Khoang đệm với van chống trào ngược.</li> <li>- Ống PVC (Polyvinylchloride) tối thiểu (3mm x 5mm).</li> </ul>                                 |

| STT | Mã phần lô       | Tên phần lô/<br>Danh mục hàng hóa                  | Đơn vị tính | Yêu cầu tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|------------------|----------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 706 | PP2600<br>038128 | Bộ tập thở                                         | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Copolymere và polystyrene, không độc tố.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có vạch biểu thị các mức khối lượng khí thở ra là 600cc - 900cc -1200cc mỗi giây.</li> <li>+ Có 3 bóng định mức làm bằng polypropylene, không độc tố, có bộ lọc khí.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                               |
| 707 | PP2600<br>038129 | Bộ tạo đường dẫn trong não chiều dài 50mm          | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 01 bóng nong kích thước OD: 8F, đường kính làm việc 18mm <math>\pm</math> 2mm, chiều dài làm việc 50mm <math>\pm</math> 5mm và 01 ống luồn bóng đường kính trong 15mm, chiều dài 50mm.</li> <li>- Chất liệu: Rubber, SUS 304, PVC, PC.</li> <li>- Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bộ tạo đường dẫn lấy máu tụ não, u não bao gồm 1 ống nong tạo đường dẫn và 1 bóng nong tạo đường dẫn trong não.</li> <li>+ Dùng phẫu thuật tụ não, tràn dịch não, khối u và các tổn thương khác, sử dụng 1 lần.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng sẵn.</li> </ul> |
| 708 | PP2600<br>038130 | Bộ tạo đường dẫn trong não chiều dài 70mm          | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 01 bóng nong kích thước OD 8F, đường kính làm việc 18mm <math>\pm</math> 2mm, chiều dài làm việc 50mm <math>\pm</math> 5 mm và 01 ống luồn bóng đường kính trong 13mm, chiều dài 70mm.</li> <li>- Chất liệu: Rubber, SUS 304, PVC, PC.</li> <li>- Đặc tính: Bộ tạo đường dẫn lấy máu tụ não, u não bao gồm 1 ống nong tạo đường dẫn và 1 bóng nong tạo đường dẫn trong não, được đóng gói tiệt trùng sẵn. Dùng phẫu thuật tụ não, tràn dịch não, khối u và các tổn thương khác, sử dụng 1 lần.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng sẵn.</li> </ul>                                   |
| 709 | PP2600<br>038131 | Bộ tạo đường dẫn trong não đường kính 13mm và 15mm | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: Đường kính 13mm và 15mm, chiều dài 50mm và 70mm.</li> <li>- Chất liệu: PC.</li> <li>- Đặc tính: Dùng tạo đường dẫn phẫu thuật tụ não, tràn dịch não, khối u và các tổn thương khác, sử dụng 1 lần.</li> <li>- Đóng gói: Tiệt trùng sẵn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 710 | PP2600<br>038132 | Bộ dẫn truyền năng lượng                           | Bộ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ dẫn truyền năng lượng cung cấp năng lượng nhiệt hơi nước điều trị tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt, bao gồm: 1 lọ nước vô trùng 50ml, 1 đầu nối gai, 1 xilanh, 1 thiết bị dẫn truyền có ống dẫn và cáp.</li> <li>- Tương thích ống soi bàng quang 4mm, 30 độ, chiều dài 30cm.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                               |



**Ghi chú:**

- Nhà thầu hỗ trợ ghi **STT hàng hóa mời thầu vào trang đầu của từng tài liệu** và **TÔ SÁNG (highlight)** lên thông tin dự thầu: chủng loại/mã sản phẩm, model, nội dung kỹ thuật,... trên các file tài liệu đính kèm như catalog, sổ lưu hành, giấy chứng nhận chất lượng CE, CFG - FDA....

**1.3. Các yêu cầu khác: Không có****Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ**

| Danh mục bản vẽ |                   |                  |
|-----------------|-------------------|------------------|
| Bản vẽ số       | Tên bản vẽ        | Mục đích sử dụng |
|                 | “Không có bản vẽ” |                  |

**Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm: Không yêu cầu.**

**CÔNG TY:** .....

Mã định danh: vn.....

**BẢNG THÔNG TIN HÀNG HOÁ DỰ THẦU**  
**Gói thầu: “Gói 02: Vật tư y tế thông thường 2026-2027”**

| STT | Thông tin mời thầu |                       |            |             |                   | Thông tin dự thầu |                                  |                                |                                     |             |               |               |                       |             |          |          |
|-----|--------------------|-----------------------|------------|-------------|-------------------|-------------------|----------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------|---------------|---------------|-----------------------|-------------|----------|----------|
|     | STT phần lô        | STT danh mục hàng hóa | Mã phần lô | Tên phần lô | Danh mục hàng hóa | Mặt hàng dự thầu  | Mã VTYT (Theo TT04 hoặc QĐ 5086) | Tên VTYT theo QĐ 5086 (nếu có) | Chủng loại (model) hoặc mã sản phẩm | Số lưu hành | Hãng sản xuất | Nước sản xuất | Hãng, nước Chủ sở hữu | Đơn vị tính | Quy cách | Số lượng |
| (1) | (2)                | (3)                   | (4)        | (5)         | (6)               | (7)               | (8)                              | (9)                            | (10)                                | (11)        | (12)          | (13)          | (14)                  | (15)        | (16)     | (17)     |
| 1   |                    |                       |            |             |                   |                   |                                  |                                |                                     |             |               |               |                       |             |          |          |
| 2   |                    |                       |            |             |                   |                   |                                  |                                |                                     |             |               |               |                       |             |          |          |
| ... |                    |                       |            |             |                   |                   |                                  |                                |                                     |             |               |               |                       |             |          |          |

**Ghi chú:**

- + Các thông tin kê khai tại Bảng thông tin hàng hóa dự thầu phải đúng với thông tin nhà thầu kê khai tại Mẫu số 10B và Mẫu số 12.1B của Webform.
- + Cột (3) STT danh mục hàng hóa: Điền thông tin theo đúng nội dung của Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) tại cột “STT” của mẫu số 01B – Phạm vi cung cấp hàng hóa, Chương IV – Biểu mẫu mời thầu;
- + Cột (6) Danh mục hàng hóa: Điền thông tin theo đúng nội dung của Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) tại cột “Danh mục hàng hóa” của Mẫu số 01B - Phạm vi cung cấp hàng hóa, Chương IV – Biểu mẫu mời thầu ;
- + Cột (7) Mặt hàng dự thầu: Điền thông tin theo đúng nội dung tại cột “Mặt hàng dự thầu” mà Nhà thầu đã kê khai tại Mẫu số 10B và Mẫu 12.1B trên Webform.
- + Cột (8): Điền mã VTYT theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 hoặc mã VTYT đã được cấp theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021.
- + Cột (9): Điền tên Vật tư y tế tương ứng với mã VTYT (cột 8) đã được cấp theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 (nếu có).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN CAM KẾT**

**Gói thầu: “Gói 02: Vật tư y tế thông thường 2026-2027”**

**Kính gửi : BỆNH VIỆN NHÂN DÂN 115**

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) của gói thầu **“Gói 02: Vật tư y tế thông thường 2026-2027”**, thuộc dự toán **“Gói 02: Vật tư y tế thông thường 2026-2027”**, do Bệnh viện Nhân dân 115 làm Chủ đầu tư, chúng tôi..... *[ghi đầy đủ và chính xác tên của Nhà thầu]*, cam kết rằng tất cả các hàng hoá tham dự thầu của chúng tôi đều đáp ứng theo đúng các yêu cầu nêu trong E-HSMT. Cụ thể như sau:

**1. Điều kiện lưu hành của thiết bị y tế (TBYT) dự thầu:**

- Có nhãn với đầy đủ các thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật về nhãn hàng hóa;

- Có tài liệu hướng dẫn sử dụng của TBYT bằng tiếng Việt;

- Có tài liệu thể hiện là TBYT sử dụng một lần theo quy định của chủ sở hữu TBYT hoặc có tài liệu chứng minh không có chế độ bảo hành;

**2. Cam kết tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý, hiệu quả kinh tế, phù hợp với quy mô gói thầu.**

**3. Tiến độ cung cấp hàng hóa:**

- Giao hàng gồm nhiều đợt theo yêu cầu của Bệnh viện;

- Giao hàng trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bệnh viện Nhân dân 115.

**4. Cam kết các điều khoản chung:**

4.1. Khi cơ quan Bảo hiểm xã hội thông báo về việc hàng hóa trúng thầu có giá trúng thầu cao hơn hàng hoá có cùng chủng loại, hãng sản xuất, nước sản xuất,... của các cơ sở khám chữa bệnh khác và cơ quan Bảo hiểm xã hội từ chối thanh toán phần chênh lệch giá tương ứng với số lượng hàng hóa đã sử dụng trước đó, thì Nhà thầu sẽ giảm giá cho Bệnh viện bằng với giá trúng thầu của cơ sở khám chữa bệnh đó, đồng thời Nhà thầu có trách nhiệm bồi hoàn số tiền chênh lệch theo văn bản của cơ quan Bảo hiểm xã hội gửi Bệnh viện trên cơ sở thương thảo thống nhất giữa nhà thầu và Bệnh viện; hoặc thị trường có sự điều chỉnh giảm thì Nhà thầu giảm giá cho Bệnh viện;

4.2. Tại thời điểm đối chiếu tài liệu, cam kết cung cấp, cập nhật mã vật tư y tế theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 hoặc theo Quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021;

4.3. Cam kết cung cấp bản gốc hoặc bản sao y tờ khai hải quan của các hàng hóa nhập khẩu đã cung ứng cho Bệnh viện khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bệnh viện (trường hợp yêu cầu này được đưa ra từ cơ quan chức năng có thẩm quyền);

4.4. Hàng hóa do nhà thầu cung cấp, đảm bảo đúng với các thông tin sản phẩm đã được phê duyệt trúng thầu, đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, quy cách hàng hoá và giao hàng đến kho của Bệnh viện Nhân dân 115;

4.5. Hàng hóa do nhà thầu cung cấp, nếu bị lỗi do nhà sản xuất hoặc hết thời hạn sử

dụng hoặc bị lỗi trong quá trình vận chuyển đến kho Bệnh viện Nhân dân 115, nhà thầu sẽ tiến hành thu hồi và đổi trả, hoặc thực hiện thay thế lô sản phẩm khi không đảm bảo sử dụng do lỗi kỹ thuật;

4.6. Thời hạn sử dụng hàng hóa trúng thầu do nhà thầu cung cấp (tính từ thời điểm giao hàng hóa) luôn đảm bảo còn tối thiểu  $\frac{1}{4}$  thời hạn;

4.7. Cung cấp một bộ Hồ sơ quản lý chất lượng TBYT khi có yêu cầu của Bệnh viện;

4.8. Các thiết bị y tế dự thầu thực hiện niêm yết giá và kê khai giá theo đúng các quy định tại khoản 9 và 10 của Nghị định 07/2023/NĐ-CP;

4.9. Không vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (nếu có) tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu;

4.10. Đảm bảo TBYT dự thầu an toàn, chất lượng, phân loại đúng mức độ rủi ro và công bố tiêu chuẩn áp dụng, đăng ký lưu hành đúng quy định của Nghị định 98/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hợp nhất của Nghị định;

4.11. Đối với các vật tư y tế dùng trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình và phẫu thuật ngoại thần kinh, nhà thầu cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ (gồm khoan, mũi khoan, cưa xương và các trợ cụ phù hợp); đối với các vật tư y tế dùng trong kỹ thuật chụp và can thiệp mạch vành, mạch máu – thần kinh; và đối với các vật tư y tế khác, nhà thầu cam kết cung cấp thiết bị y tế và trợ cụ liên quan nhằm bảo đảm việc sử dụng hàng hóa trúng thầu phục vụ cho các ca phẫu thuật, thủ thuật theo nhu cầu chuyên môn của Bệnh viện khi có yêu cầu. Tất cả các thiết bị, trợ cụ nêu trên bảo đảm nguồn gốc xuất xứ, tiêu chuẩn chất lượng và được phép lưu hành theo đúng quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hợp nhất có liên quan;

Chúng tôi ..... [ghi đầy đủ và chính xác tên của Nhà thầu], cam kết sẽ thực hiện đúng theo tất cả các cam kết nêu trên. Các tài liệu trong Hồ sơ dự thầu (E-HSDT) này đều chính xác, nếu có dấu hiệu gian lận hoặc không trung thực thì E-HSDT xem như không hợp lệ.

Chúng tôi cam kết sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác của tất cả các thông tin nêu trên./.

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm 2026

**Đại diện hợp pháp của Nhà thầu**

*(Ghi tên, chức danh, ký tên, đóng dấu (nếu ký số thì nộp bản gốc của văn bản có thể kiểm tra được dấu điện tử (nếu có), chữ ký số bằng phần mềm theo quy định))*

## C/ HƯỚNG DẪN SẮP XẾP CÁC FOLDER ĐÍNH KÈM E-HSDT:

Các file dữ liệu của hàng hóa đính kèm E-HSDT phải được phân chia riêng biệt theo folder, bao gồm:

- + ) folder 1: Tính hợp lệ; năng lực – kinh nghiệm
- + ) folder 2: Kỹ thuật
- + ) folder 3: Tài chính

trong mỗi folder tách riêng các folder con, các file tài liệu (*chi tiết theo cây thư mục dưới đây*).

**Ghi chú:** Các biểu tượng trong cây thư mục



Màu vàng: folder



Màu xanh: file pdf *hoặc* file excel, ...

\*\*\*\* Nhà thầu hỗ trợ **ghi STT hàng hóa mời thầu vào trang đầu của từng tài liệu và TÔ SÁNG (highlight)** lên thông tin: chủng loại/mã sản phẩm, model, nội dung kỹ thuật,... trên các file tài liệu đính kèm như catalog, sổ lưu hành, ...

## SẮP XẾP CÁC FOLDER, FILE trong HSDT:

